

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ – XĂNG DẦU
MATERIALS – PETROLEUM JOINT STOCK COMPANY
(COMECO)



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2024

(01/01/2024 – 31/12/2024)

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 3 năm 2025



GIÁ TRỊ CỐT LÕI CỦA COMECO

❖ HOÀI BẢO

COMECO – Thương hiệu của chất lượng dịch vụ.

❖ TÂM NHÌN

Số 1 về chất lượng dịch vụ trong kinh doanh hóa dầu tại Việt Nam
(trực chính là xăng dầu)

❖ SỨ MỆNH

Đổi mới phong cách phục vụ trong lĩnh vực hóa dầu.

❖ BẢN SẮC VĂN HÓA

Bản sắc nhân văn - đề cao giá trị đạo đức truyền thống.

❖ SLOGAN

COMECO vì khách hàng phục vụ.

❖ LOGO



- Giọt dầu làm biểu tượng;

- Màu cam thể hiện sự sôi nổi, hưng phấn, sáng tạo trong công việc;

- COMECO = COME + CO (COME nghĩa là đến, CO nghĩa là Công ty) mời gọi mọi người;

- COMECO được đặt trên nền màu cam, trung tâm là hình chiếc chìa khóa, thể hiện sức mạnh, trí tuệ với tầm lòng rộng mở, sẵn sàng hợp tác cùng phát triển;

- Khung hình vuông biểu thị cho sự phát triển bền vững.

❖ TRIẾT LÝ KINH DOANH

Đại gia đình COMECO - Tất cả vì sự hài lòng của mọi người, vì mục tiêu chung.

❖ THÁI ĐỘ VỚI KHÁCH HÀNG VÀ ĐỐI TÁC

Chuyên nghiệp - Hợp tác - Win win.

❖ THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI CÔNG VIỆC

Trách nhiệm - Sáng tạo - Hiệu quả.

❖ THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI ĐỒNG NGHIỆP

Tôn trọng - Công bằng - Chia sẻ.

❖ THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

Tin cậy - Công khai - Minh bạch.

❖ THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

Bảo vệ sức khỏe - Giữ gìn môi trường - Hòa hợp cộng đồng.

CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG

1. Duy trì và cải tiến liên tục Hệ thống Quản lý Chất lượng theo phương châm “**COMECO vì khách hàng phục vụ**”.

2. Tuân thủ nghiêm các yêu cầu của pháp luật, đặc biệt là các yêu cầu về kinh doanh xăng, dầu.

3. Tập trung mọi nguồn lực để **phát triển kinh doanh xăng dầu**, làm nền tảng vững chắc cho chiến lược **đa dạng hóa ngành nghề**.

4. Nâng cao **chất lượng nguồn nhân lực** nhằm đáp ứng mục tiêu “**Phát triển - Hiệu quả - Bền vững**”.

5. Xây dựng **môi trường làm việc thân thiện, chuyên nghiệp**, phấn đấu vì mục tiêu chung, vì sự phát triển Thương hiệu COMECO.

Chính sách chất lượng này được quán triệt đến toàn thể người lao động trong Công ty để thấu hiểu và thực hiện.

GIẢI THÍCH TỪ NGỮ VÀ CHỮ VIẾT TẮT

- Công ty : Công ty Cp Vật tư – Xăng dầu
- DNNN : Doanh nghiệp Nhà nước
- CPH : Cổ phần hóa
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT : Hội đồng Quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- TGĐ : Tổng Giám đốc
- NLĐ : Người lao động
- VDL : Vốn điều lệ
- CNXD : Chi nhánh xăng dầu COMECO (Cửa hàng xăng dầu) hạch toán phụ thuộc
- LNST : Lợi nhuận sau thuế
- GTVT : Giao thông vận tải
- HTQTCLTD : Hệ thống quản trị chất lượng toàn diện: tích hợp hệ thống ISO 9001:2015, hệ thống quản lý môi trường, hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp; Công cụ 5S và 7 Tiêu chí giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á – Thái Bình Dương
- VP : Văn phòng
- CP : Cổ phiếu
- HTKD : Hợp tác kinh doanh
- PCCC : Phòng cháy chữa cháy
- SXKD : Sản xuất kinh doanh
- HOSE : Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM
- GDP : Tổng sản phẩm quốc nội
- Saigon Petro : Công ty TNHH MTV Dầu khí thành phố Hồ Chí Minh
- PVOIL : Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP

MỤC LỤC

TT	NỘI DUNG	TRANG
	<i>Mục lục</i>	<i>1</i>
	<i>Thông điệp của Chủ tịch HĐQT</i>	<i>2</i>
Phần 1	THÔNG TIN CHUNG	4
I.	Thông tin khái quát về COMECO	4
II.	Quá trình hình thành và phát triển	5
III.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	11
IV.	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	12
V.	Định hướng phát triển đến năm 2029	13
VI.	Các rủi ro	17
Phần 2	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2023	19
I.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023	19
II.	Tổ chức nhân sự	20
III.	Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án	27
IV.	Tình hình tài chính	28
V.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu	29
VI.	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty	33
Phần 3	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TGD	36
I.	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	36
II.	Tình hình tài chính	38
III.	Những tiên bộ Công ty đã đạt được	39
IV.	Kế hoạch phát triển năm 2024	42
V.	Giải trình của Ban TGD đối với ý kiến kiểm toán	43
VI.	Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty	44
Phần 4	ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	47
I.	Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty	47
II.	Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban TGD, các cán bộ quản lý của Công ty	47
III.	Các kế hoạch và định hướng của HĐQT	49
Phần 5	QUẢN TRỊ CÔNG TY	51
I.	HĐQT	51
II.	Ban Kiểm soát	62
III.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD, Tiểu ban Kiểm toán nội bộ và BKS	65
Phần 6	BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023	74
	<i>Hệ thống Chi nhánh xăng dầu COMECO</i>	

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa: Quý cổ đông, đối tác, khách hàng và người lao động COMECCO.

Trước tiên, thay mặt Hội đồng quản trị, Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECCO) tôi xin gửi đến Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể người lao động COMECCO lời chào, lời cảm ơn chân thành nhất về sự ủng hộ và hợp tác trong suốt thời gian qua.

Kính thưa quý vị!

Tình hình kinh doanh của Công ty năm 2024 có nhiều khó khăn khách quan tác động như: tình hình địa chính trị thế giới có nhiều bất ổn, kéo dài đã gây ảnh hưởng xấu đến chuỗi cung ứng hàng hóa và làm chậm lại tốc độ phục hồi kinh tế của các quốc gia trên thế giới dẫn đến tổng cầu giảm; các doanh nghiệp sản xuất trong nước gặp nhiều khó khăn dẫn đến nhu cầu về nhiên liệu giảm; mặt khác, việc chậm giải ngân đầu tư công, thiên tai bão lũ,... cũng ảnh hưởng nhiều đến sản lượng bán hàng của Công ty. Trong bối cảnh này, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty đã có nhiều nỗ lực, linh hoạt trong công tác quản lý, điều hành, đảm bảo ổn định kinh doanh, việc làm và thu nhập cho người lao động; doanh thu thực hiện: 4.106 tỷ đồng, đạt 103%, lợi nhuận sau thuế: 26,87 tỷ đồng, đạt 168% kế hoạch năm 2024. Cùng với các mục tiêu kinh doanh hiệu quả và tăng trưởng lợi nhuận, COMECCO còn đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội chung của Thành phố, góp phần vào thực hiện công tác an sinh xã hội, bảo vệ an ninh, trật tự và bảo vệ môi trường nhằm lan tỏa những giá trị tích cực và thực hiện tốt trách nhiệm với cộng đồng.

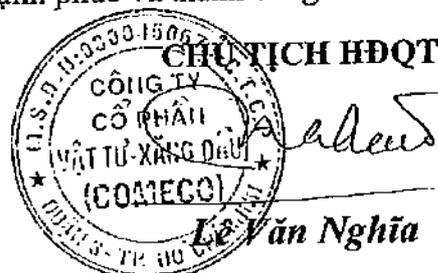
Tiếp nối những thành tích đã đạt được của năm 2024, COMECCO tiếp tục nỗ lực không ngừng để xây dựng, phát triển văn hóa Doanh nghiệp gắn với chuyển đổi số, hiện thực hóa các Mục tiêu chất lượng và kỳ vọng tạo năng lực cạnh tranh vượt trội, đồng thời mang lại lợi ích tối ưu cho khách hàng và đối tác. Để thực hiện được mục tiêu này, COMECCO sẽ chủ động bước vào hành trình kiến tạo những giá trị mới; đồng thời, luôn kiên định và bền bỉ thực hiện tốt triết lý kinh doanh “Đại gia đình COMECCO - Tất cả vì sự hài lòng của mọi người, vì mục tiêu chung”.

Với tinh thần đoàn kết, hiệp lực; tập thể lãnh đạo, người lao động COMECCO sẽ luôn nỗ lực hết mình vì sự phát triển của Công ty; luôn hành động vì lợi ích của Nhà nước, cổ đông, đối tác, khách hàng, người lao động và cộng đồng.

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo COMECCO, tôi xin bày tỏ lời tri ân sâu sắc tới Quý khách hàng, nhà đầu tư, đối tác và người lao động đã luôn tin tưởng, hợp tác, đồng hành với COMECCO trong suốt quá trình 50 năm xây dựng và phát triển vừa qua. Sự tin tưởng của Quý vị đã tạo động lực to lớn để COMECCO không ngừng sáng tạo, đổi mới, hướng đến sự hoàn thiện của chất lượng sản phẩm, dịch vụ. Đồng thời, hy vọng và tin tưởng rằng Quý vị sẽ tiếp tục hợp tác, gắn bó chặt chẽ với COMECCO để cùng phát triển bền vững.

Kính chúc Quý vị nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng./.



Phần 1 THÔNG TIN CHUNG

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ COMECO

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ – XĂNG DẦU (COMECO) MATERIALS - PETROLEUM JOINT STOCK COMPANY



- | | |
|--------------------------------|--|
| 1. Địa chỉ văn phòng | : 549 Điện Biên Phủ, P.3, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh |
| 2. Điện thoại | : (028) 38 321 111, 38 302 222, 38 303 222 |
| 3. Fax | : (028) 38 325 555 |
| 4. Email | : comeco@comeco.com.vn |
| 5. Website | : http://www.comeco.com.vn ; www.comeco.vn |
| 6. Giấy CNĐKKD số | : 0300450673, cấp ngày 13/12/2000 |
| 7. Vốn điều lệ | : 141.206.280.000 đồng |
| 8. Vốn chủ sở hữu (31/12/2024) | : 434.285.861.873 đồng |
| 9. Mã Chứng khoán | : COM |
| 10. Ngày niêm yết trên Hose | : 07/8/2006 |
| 11. Ngày thành lập Công ty | : 13/12/1975 |
| 12. Thời điểm cổ phần hóa | : 13/12/2000 |
| 13. Thương hiệu COMECO | : Đã đăng ký tại Cục Sở hữu Công nghiệp từ năm 1993. |

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1. Ngày thành lập Công ty: 13/12/1975 Thời điểm CPH: 13/12/2000

2. Thời điểm niêm yết: 07/08/2006

3. Quá trình hình thành Công ty

Qua gần 50 năm hoạt động, do quy mô và nhiệm vụ của từng giai đoạn khác nhau nên tên gọi của Công ty được thay đổi như sau:

3.1. Phòng Quản lý Xăng dầu: Sau 30/4/1975, Sở GTVT Tp.Hồ Chí Minh đã tiếp nhận hệ thống vận tải của Nha Lộ vận chế độ cũ với trên 5.000 phương tiện vận tải hàng hóa và hành khách các loại. Từ thực trạng này, Sở GTVT đã thành lập Phòng Quản lý Xăng dầu để quản lý các trạm xăng và phân phối nhiên liệu cho các phương tiện vận tải nói trên. Phòng Quản lý Xăng dầu chính là tiền thân của Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) ngày nay.

3.2. Xí nghiệp Rửa xe và Cung ứng Xăng dầu: Từ 08/1977 đến 12/1978

(trực thuộc Sở GTVT Thành phố Hồ Chí Minh)

3.3. Xí nghiệp Cung ứng Vật tư: Từ 12/1978 đến 12/1981

(trực thuộc Sở GTVT Thành phố Hồ Chí Minh)

3.4. Xí nghiệp Cung ứng Nhiên liệu: Từ 12/1981 đến 10/1992

(trực thuộc Sở GTVT Thành phố Hồ Chí Minh)

3.5. Công ty Vật tư Thiết bị GTVT: Từ 10/1992 đến 12/2000

(trực thuộc Sở Giao thông Công chánh Thành phố Hồ Chí Minh)

3.6. Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO): Từ 12/2000 đến nay

- Từ 01/2001 → 9/2004: COMECO trực thuộc Sở Giao thông Công chánh Tp.Hồ Chí Minh.

- Từ 10/2004 → 02/2010: COMECO là thành viên của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn (SAMCO).

Ngày 15/7/2004 Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định số 172/2004/QĐ-UB thành lập Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn (SAMCO) thí điểm hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, theo đó có 25 công ty trực thuộc Sở Giao thông Công chánh là công ty con và toàn bộ cơ cấu tổ chức của SAMCO trước đây trở thành công ty mẹ. Theo quyết định trên COMECO đã trở thành thành viên của SAMCO kể từ tháng 10/2004 đến tháng 2/2010. Vốn Nhà nước do SAMCO nắm giữ vào thời điểm tháng 3/2010 là: 1.096.940 cp (chiếm 13,71%/VĐL 79,999 tỷ đồng), đồng thời SAMCO còn mua thêm 503.060 cp (chiếm 6,29%/VĐL 79,999 tỷ đồng). Như vậy, SAMCO sở hữu cp COM tổng cộng là 1.600.000 cp (20% VDL)

- Từ 3/2010 đến nay: COMECO trực thuộc Cơ quan Văn phòng Thành ủy Tp.HCM

Theo Quyết định của UBND Thành phố COMECO chuyển về Văn phòng Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh do Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh (Saigon Petro) làm đại diện. Vốn của Saigon Petro tại COMECO gồm: vốn Nhà nước được chuyển từ SAMCO 1.096.940 cp (chiếm 13,71%/VĐL) cộng với phần tự mua thêm, tại thời điểm 24/3/2017 tổng cộng Saigon Petro nắm giữ 5.598.757 cp (chiếm

39,65%/VĐL). SAMCO giữ lại phần mua thêm 503.060 cp làm cổ đông chiến lược. Đến tháng 7/2011 SAMCO bán hết toàn bộ cp COM do SAMCO nắm giữ.

4. Những cột mốc quan trọng của COMECO

- Ngày 10/9/2016: Công ty tổ chức buổi Lễ đón nhận giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 phiên bản 2015 do tổ chức BVC của Vương Quốc Anh cấp.

- Ngày 13/12/2015: Công ty tổ chức Lễ kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Công ty và 15 năm cổ phần hóa.

- Ngày 28/4/2012: ĐHĐCĐ kết thúc nhiệm kỳ III (2007 – 2011) và bước sang nhiệm kỳ mới mà hầu hết các thành viên HĐQT và BKS cũ là các cán bộ kiêm nhiệm của Công ty không còn tham gia vào HĐQT và BKS. Hai cổ đông lớn của Công ty là Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL) sở hữu 4.281.950 cp (30,32%/VĐL) và Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh (Saigon Petro) sở hữu 3.750.200 cp (26,56%/VĐL) đã cử 4 thành viên tham gia vào HĐQT (2 người/1 đơn vị) và 2 thành viên tham gia vào BKS (1 người/1 đơn vị) nhiệm kỳ IV (2012 – 2016). Đồng thời ĐHĐCĐ đã phê chuẩn việc tách chức danh Chủ tịch HĐQT và TGD. Theo đó, bà Trương Đức Hạnh tiếp tục giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ IV (2012-2016), ông Lê Tấn Thương được bổ nhiệm làm TGD điều hành của COMECO từ ngày 01/5/2012.

- Ngày 02/4/2011: Chuyển trụ sở làm việc sang Tòa nhà COMECO tại 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

- Ngày 13/12/2010: Công ty tổ chức Lễ kỷ niệm 35 năm thành lập Công ty, 10 năm cổ phần hóa với chủ đề: “35 năm - Vinh quang một chặng đường; 10 năm cổ phần hóa - Dấu ấn thành công”.

- Tháng 8/2010: Lễ khánh thành Tòa nhà COMECO tại 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh.

- Tháng 12/2009: Nhận 2 Giấy chứng nhận: Hệ thống Quản lý Môi trường ISO 14001:2004 và Hệ thống Quản lý An toàn Sức khỏe Nghề nghiệp OHSAS 18001:2007 do Bureau Veritas Certification (BVC) của Vương quốc Anh cấp.

- Tháng 08/2008: Ban hành Giá Trị Cốt Lõi của COMECO gồm 12 thành tố.

- Tháng 12/2007: Nhận Giấy chứng nhận 5S do Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Việt Nam cấp.

- Tháng 10/2004: Nhận Giấy chứng nhận Hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9001:2000 do BVQI (Vương quốc Anh) cấp.

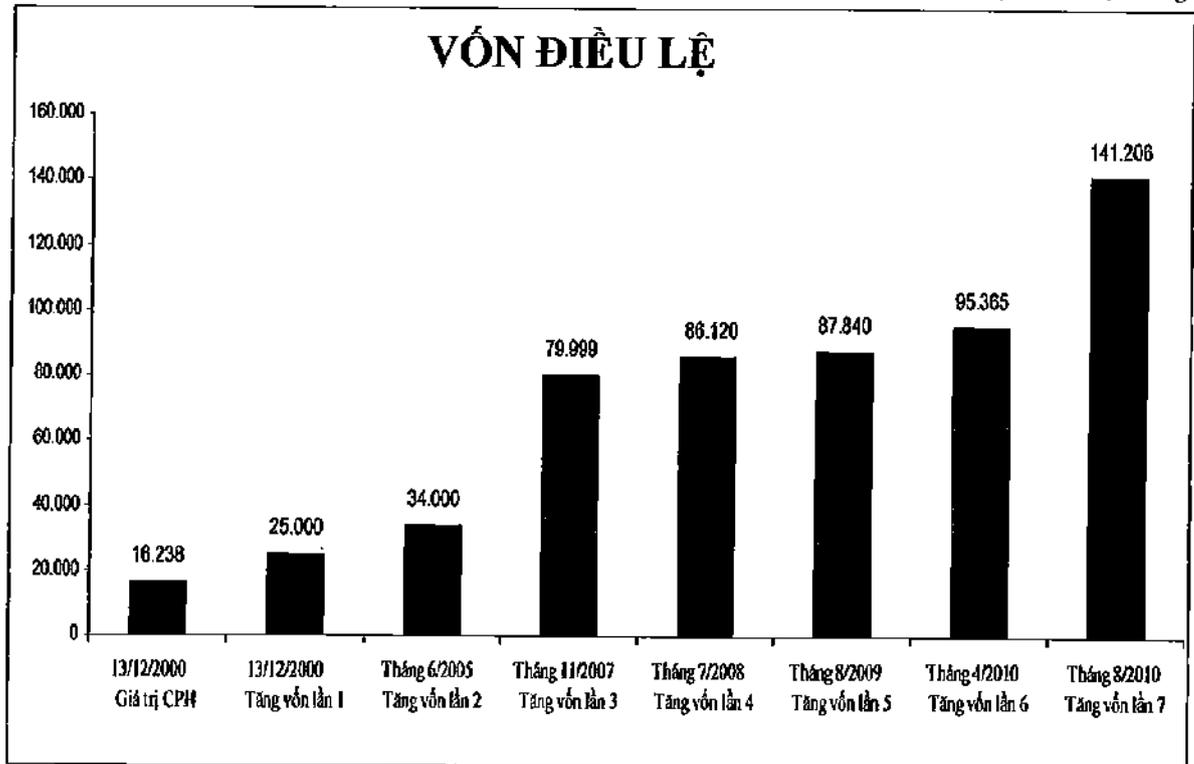
- Tháng 12/2000: Cổ phần hóa theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Tháng 07/1988: COMECO đã mạnh dạn đề xuất và được sự chấp thuận của Ủy ban Nhân dân Tp.Hồ Chí Minh cho phép mở cửa các Cửa hàng xăng dầu COMECO để kinh doanh bán lẻ phục vụ nhân dân Thành phố và đã thu được những kết quả mang tính đột phá cho sự phát triển kinh doanh của Công ty theo cơ chế thị trường.

5. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

5.1 Vốn điều lệ

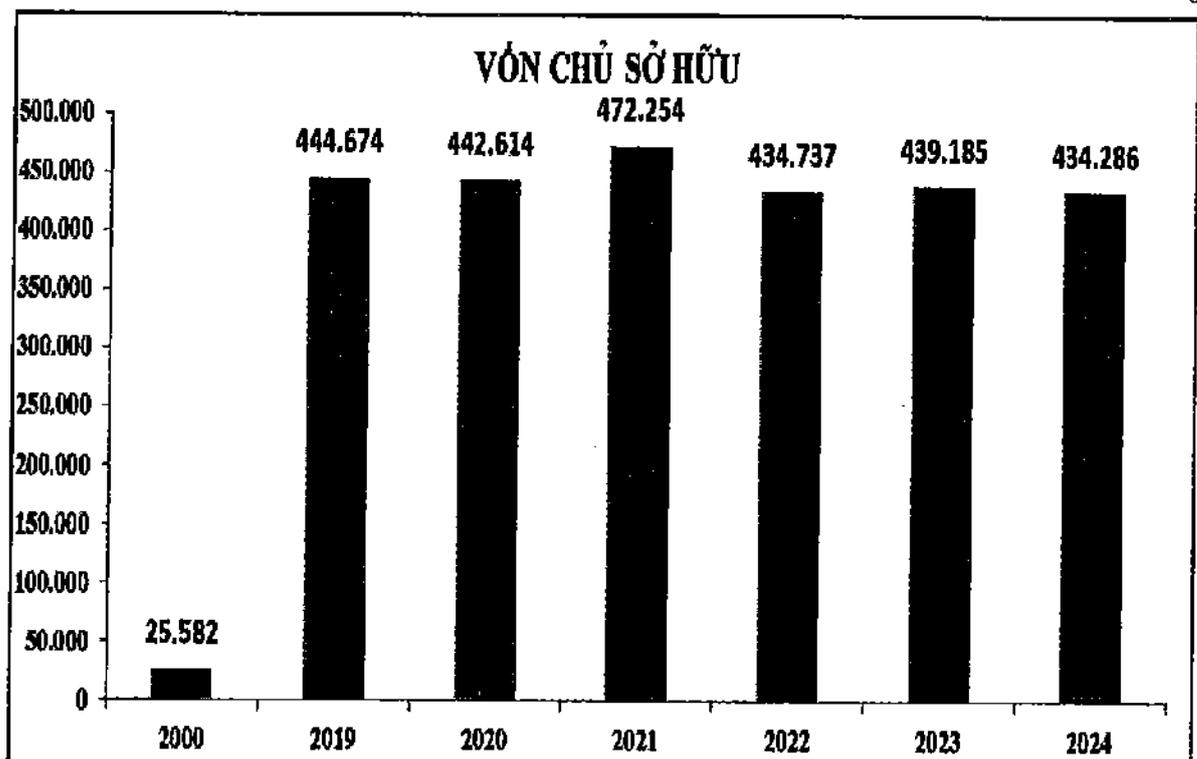
Đơn vị tính: Triệu đồng



Ghi chú: thời điểm Công ty CPH ngày 13/12/2000

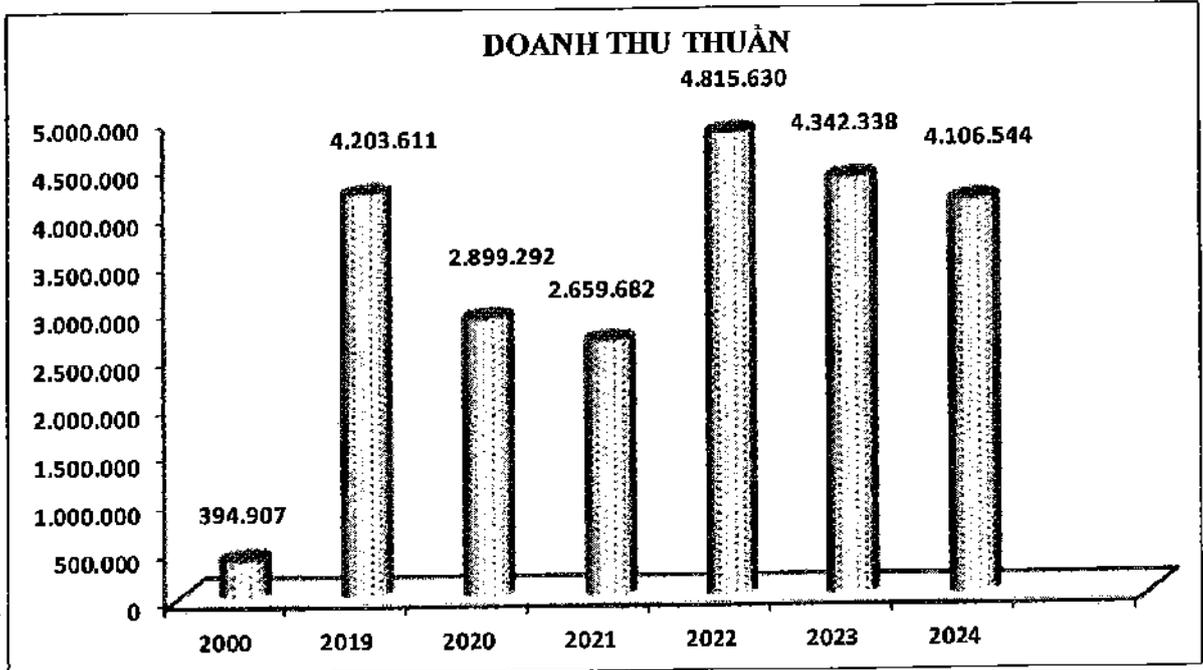
5.2 Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: Triệu đồng



5.3 Doanh thu thuần

Đơn vị tính: Triệu đồng

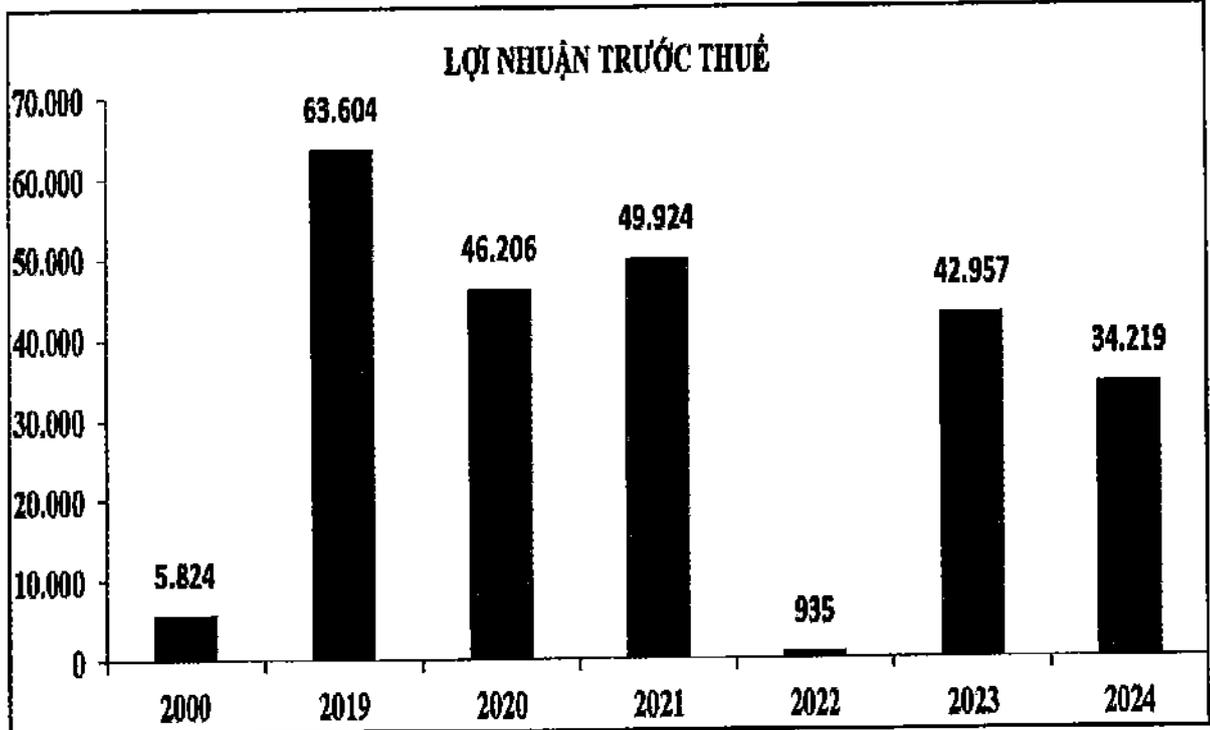


Ghi chú: Doanh thu năm 2024 giảm so với năm 2023 do:

- CNXD số 21 và 34 phải ngưng hoạt động kể từ cuối tháng 5/2024 và tháng 8/2024.
- Xu hướng phát triển xe điện, xe sử dụng công nghệ cao tiết kiệm nhiên liệu của người tiêu dùng.

5.4 Lợi nhuận trước thuế

Đơn vị tính: Triệu đồng



Ghi chú: LNTT năm 2024 giảm so với năm 2023 do:

- Doanh thu năm 2024 giảm.
- Năm 2023 hoàn nhập dự phòng rủi ro môi trường theo Thông tư 08/2023/TT-BTC ngày 07/02/2023 của Bộ Tài chính.

6. Cơ sở vật chất kỹ thuật: gồm các nội dung chính sau:

- Cơ sở vật chất của Công ty có nhiều nhà, xưởng, kho bãi với tổng diện tích đất là: 66.894 m²

- 33 chi nhánh xăng dầu (CNXD). Trong đó: 21 CNXD thuộc sở hữu của Công ty, 12 CNXD là thuê.

- Đội xe bồn gồm 19 chiếc :

+ 05 xe hiệu Hino,	dung tích 16.000 lít/xe.
+ 07 xe hiệu Kamaz,	dung tích 17.000 lít/xe.
+ 04 xe hiệu Hino,	dung tích 18.000 lít/xe.
+ 03 xe hiệu Isuzu,	dung tích 18.000 lít/xe.

- Hệ thống 154 trụ bơm đang hoạt động trong hệ thống CNXD.

- Xưởng lắp ráp trụ bơm điện tử COMECO cung cấp trụ bơm mang thương hiệu COMECO, dịch vụ sửa chữa, bảo trì trụ bơm cho toàn bộ hệ thống CNXD của Công ty và các khách hàng bên ngoài.

- Xưởng sửa chữa xe.

- Tòa nhà văn phòng COMECO (diện tích sử dụng: 4.489 m²) tại 549 Điện Biên Phủ, P.3, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh.

7. Thành tích đạt được trong những năm qua

NĂM	DANH HIỆU	ĐƠN VỊ TRAO TẶNG
2021	Huân chương Lao động hạng nhất	Chủ tịch Nước
2019	Cờ Thi đua của Thành phố: đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2019, dẫn đầu cụm, khối thi đua trực thuộc các Sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố, quận, huyện, cơ quan, đơn vị, tổng công ty, công ty thuộc Thành phố.	Ủy ban Nhân dân Thành phố
	Bảng khen của UBND Thành phố vì đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2018, góp phần tích cực trong phong trào thi đua của Thành phố.	Ủy ban Nhân dân Thành phố
2018	Bảng khen của UBND Thành phố vì đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2017, góp phần tích cực trong phong trào thi đua của Thành phố	Ủy ban Nhân dân Thành phố
2017	Giấy khen vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc giai đoạn 2015 – 2016	Công an Thành phố Hồ Chí Minh
	Xếp hạng 279 trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500)	Công ty Vietnam Report; Báo Vietnamnet
2016	Xếp hạng 221 trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500)	Công ty Vietnam Report; Báo Vietnamnet
2015	Bảng khen của Thủ tướng Chính phủ đã có thành tích trong hoạt động kinh doanh và công tác xã hội từ thiện, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc	Thủ tướng Chính phủ
	Xếp hạng 192 trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500)	Công ty Vietnam Report; Báo Vietnamnet
	Bảng khen của UBND Thành phố về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2 năm 2014 – 2015	Ủy ban Nhân dân Thành phố

	Cờ truyền thống nhân dịp 40 năm thành lập Công ty	Ủy ban Nhân dân Thành phố
2014	Xếp hạng 190 trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500)	Công ty Vietnam Report; Báo Vietnamnet
	Bằng khen của UBND Thành phố về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2 năm 2013 – 2014	Ủy ban Nhân dân Thành phố
	Giải thưởng Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2013 (xếp hạng 49)	Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh
2013	Xếp hạng 179 trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500)	Công ty Vietnam Report; Báo Vietnamnet
	Giải thưởng Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2012 (xếp hạng 20)	Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh
	Bằng khen trong hoạt động Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Bộ Khoa học & Công nghệ
	Bằng khen của UBND Thành phố về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2 năm 2012 – 2013	Ủy ban Nhân dân Thành phố
2012	Xếp hạng 147 trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500)	Công ty Vietnam Report; Báo Vietnamnet
	Xếp hạng 686/1000 doanh nghiệp nộp thuế TNDN nhiều nhất Việt Nam (V1000)	Tạp chí Thuế (Tổng cục Thuế) và Báo Vietnamnet
	Giải thưởng Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2011	Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh
	Bằng khen trong hoạt động Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Bộ Khoa học & Công nghệ
2011	Bằng khen của Công đoàn Viên chức Việt Nam	Công đoàn Viên chức Việt Nam
	Được tuyên dương Top 100 “Sản phẩm, dịch vụ Việt Nam được tin dùng năm 2011”	Ban Tuyên giáo, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam và các bộ ngành liên quan
	Xếp hạng 219 trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500)	Công ty Vietnam Report; Báo Vietnamnet
	Xếp hạng 540/1000 doanh nghiệp nộp thuế TNDN nhiều nhất Việt Nam (V1000)	Tạp chí Thuế (Tổng cục Thuế) và Báo Vietnamnet
	Bằng khen của UBND Thành phố về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2 năm 2009-2010	Ủy ban Nhân dân Thành phố
	Đảng bộ COMECO được tôn vinh là Đảng bộ tiêu biểu xuất sắc trong Chương trình tôn vinh lần thứ I năm 2011.	Ban Tổ chức và Ban Tuyên giáo Trung ương
	Giải thưởng Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2010	Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh
2010	Giải thưởng Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2009	Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh
	Đảng bộ COMECO được tặng Cờ cho tổ chức Đảng cơ sở 5 năm trong sạch vững mạnh, tiêu biểu (2005 – 2009)	Thành ủy Thành phố
	Cờ và Bằng khen của UBND Thành phố	Ủy ban Nhân dân Thành phố
	Bằng khen vì có thành tích xuất sắc trong 5 năm (2005 – 2010) về “Ngày hội toàn dân bảo vệ An ninh Tổ quốc”	Ủy ban Nhân dân Thành phố
	Xếp hạng 205 trong Top 500 doanh nghiệp lớn nhất	Công ty Vietnam Report;

	Việt Nam (VNR 500)	Báo Vietnamnet
	Xếp hạng 563/1000 doanh nghiệp nộp thuế TNDN nhiều nhất Việt Nam	Tạp chí Thuế (Tổng cục Thuế) và Báo Vietnamnet
2009	Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á – Thái Bình Dương (tổ chức tại Mexico)	Tổ chức Chất lượng Quốc tế (APQO)
	Bằng khen về thành tích trong lĩnh vực đo lường.	Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Việt Nam
	Giải thưởng Doanh nghiệp hội nhập và phát triển	Ban Tuyên giáo Trung ương
	Xếp hạng 161 trong Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR 500).	Trung tâm Thông tin Tin dụng – Ngân hàng NN VN
2008	Huân chương Độc lập hạng ba	Chủ tịch Nước
	Giải thưởng Doanh nghiệp phát triển bền vững lần thứ I	Bộ Công thương
2007	Giải Vàng Chất lượng VN	Bộ Khoa học – Công nghệ
	Bằng khen của Thủ tướng Chính Phủ	Thủ tướng Chính phủ
	Giải thưởng Thương hiệu vàng, Slogan - Logo ấn tượng	Hiệp hội Chống hàng giả và Bảo vệ thương hiệu (VATAP)
	Giải thưởng Doanh nghiệp VN áp dụng thành công khoa học công nghệ (BUTEK)	Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam
2002	Huân chương Lao động hạng nhất	Chủ tịch Nước
1998	Huân chương Lao động hạng hai	Chủ tịch Nước
1992	Huân chương Lao động hạng ba	Hội đồng Nhà nước

III. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

1. Tỷ trọng doanh thu các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty năm

2024

SỐ TT	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	TỶ TRỌNG SO VỚI TỔNG DOANH THU
1	Kinh doanh xăng, dầu, nhớt	99,33%
2	Cho thuê văn phòng, kho bãi	0,66%
3	Kinh doanh khác bao gồm: - Kinh doanh thiết bị cho trạm xăng - Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. - Xây dựng nhà các loại.	0,01%

2. Địa bàn kinh doanh: Thành phố Hồ Chí Minh (chủ yếu) và một số tỉnh lân cận: Long An, Đồng Nai, Bến Tre, Lâm Đồng, Tiền Giang (xem Phụ lục: “Hệ thống CNXD COMECO” ở phần cuối báo cáo này).

IV. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

1. Mô hình quản trị và nguyên tắc hoạt động

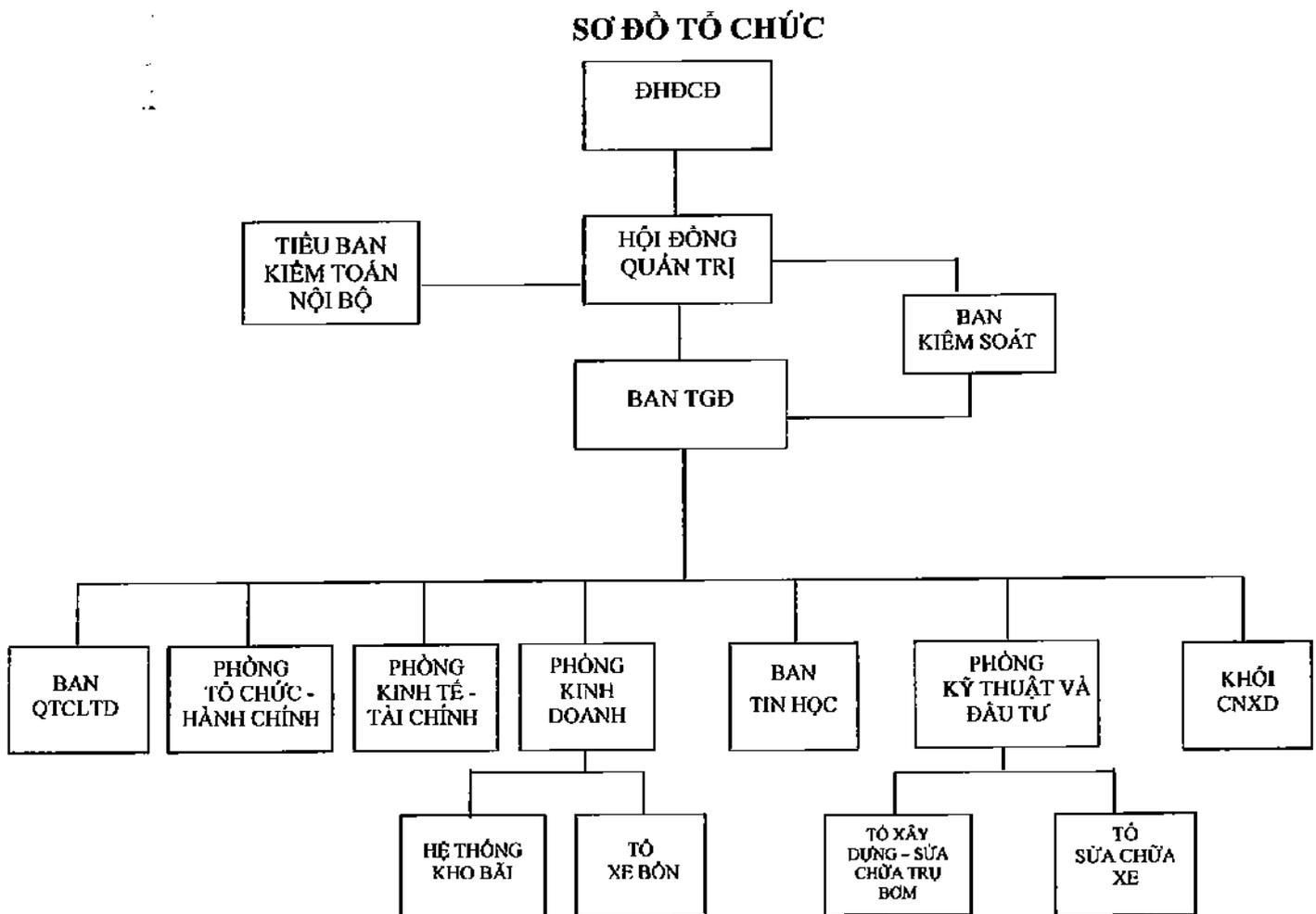
- Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ bầu HĐQT để lãnh đạo giữa hai kỳ đại hội, bầu BKS để kiểm soát mọi hoạt động SXKD, quản trị, điều hành Công ty.

- Điều hành hoạt động của Công ty là Ban Điều hành, trong đó đứng đầu là TGD (người đại diện theo pháp luật).

- Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. TGD quản lý và điều hành công việc thông qua việc phân cấp, phân quyền cho Giám đốc các bộ phận để giải quyết các công việc cụ thể.

- Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Công đoàn và Đoàn Thanh niên.

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty



Ngày 05/8/2022, HĐQT Công ty ban hành Nghị quyết số 23-22/NQ-HĐQT thành lập Tiểu ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT.

3. Các Công ty con, Công ty liên kết : không có

V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2029

1. Phân tích môi trường kinh doanh

SWOT

ĐIỂM MẠNH (S)	ĐIỂM YẾU (W)
<p>CO HỘI (O)</p> <ol style="list-style-type: none"> Khu vực Châu Á Thái Bình Dương hiện nay và trong tương lai là khu vực có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao. Tình hình chính trị trong nước ổn định; tốc độ phát triển của ngành dầu khí trong nước khá cao. Việt Nam ngày càng hội nhập sâu vào kinh tế thế giới. TP HCM có nền kinh tế năng động, các khu đô thị, khu CN phát triển nhanh. Xăng dầu là mặt hàng chiến lược, chưa có sản phẩm thay thế hữu hiệu. Cơ chế kinh doanh xăng dầu dần theo hướng thị trường. 	<p>NGUY CƠ (T)</p> <ol style="list-style-type: none"> Giá xăng dầu thế giới biến động liên tục và không ổn định. Nhiều khả năng các doanh nghiệp nước ngoài (FDI) được phép kinh doanh xăng dầu tại Việt Nam. Hạn chế phát triển cửa hàng xăng dầu trong nội đô, các cửa hàng hiện hữu của Công ty nằm trong dự án quy hoạch của Nhà nước có thể bị giải tỏa khi Nhà nước triển khai thực hiện dự án, công tác quản lý sử dụng đất đai của Nhà nước ngày càng chặt chẽ, các doanh nghiệp không được phép cho thuê lại đất, cho thuê tài sản trên đất thuê trả tiền hàng năm, hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh thì không đáp ứng được quy định của pháp luật về cửa hàng đủ điều kiện kinh doanh bán lẻ xăng dầu. Phương tiện sử dụng sản phẩm thay thế xăng dầu (gas, LPG, điện) ngày càng phát triển Thị trường xăng dầu cạnh tranh ngày càng gay gắt nhất là trong kinh doanh bán si xăng dầu. Với quy định 07 ngày điều chỉnh giá 01 lần theo Nghị định 80/2023/NĐ-CP ngày 17/11/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 và Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 05/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, việc quản lý và kinh doanh xăng dầu của Công ty cũng gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là việc quản trị hàng tồn kho để giảm thiểu thiệt hại khi giảm giá bán lẻ.

PHỐI HỢP SO = Phát huy điểm mạnh tận dụng cơ hội

(S1, S2, S3, S4, S5) + (O2, O4, O5) → Chiến lược tăng trưởng tập trung

(S1, S4, S5) + (O2, O3, O4) → Chiến lược hội nhập

PHỐI HỢP WO = Khắc phục điểm yếu để tận dụng cơ hội

(W1) + (O2, O4) → Chiến lược hội nhập, chọn đối tác để liên kết HTKD

(W1, W2, W3) + (O3) → Chiến lược hệ thống QTCLTD

PHỐI HỢP ST = Phát huy điểm mạnh hạn chế nguy cơ, tách thức

(S1, S2, S4, S5) + (T1, T2, T3, T4, T5) → Chiến lược đa dạng hóa và phát triển sản phẩm mới

PHỐI HỢP WT = Khắc phục điểm yếu để hạn chế nguy cơ

(W2, W3, W5) + (T2, T3, T4) → Chiến lược đầu tư

(W2, W3, W4) + (T2, T4) → Chiến lược nguồn nhân lực

Từ việc phân tích SWOT trên Công ty đưa ra mục tiêu và chiến lược như sau:

2. Định hướng phát triển đến năm 2029

2.1. Mục tiêu tổng quát

Mục tiêu chiến lược của COMECO đến năm 2029: “Tập trung phát triển hệ thống bán lẻ xăng dầu, đầu tư mới và từng bước hiện đại hóa hệ thống cửa hàng hiện hữu; khai thác tối đa các mặt bằng của Công ty để nâng cao hiệu quả kinh doanh. Đầu tư công nghệ, triển khai áp dụng kinh tế số để nâng cao hiệu quả quản lý kinh doanh. Chú trọng công tác phát triển nguồn nhân lực và tăng cường các giải pháp khuyến khích, động viên người lao động sáng tạo, phát huy năng lực để phát triển kinh doanh bền vững.”

2.2. Mục tiêu chủ yếu đến năm 2029

- Nâng cao thị phần kinh doanh xăng dầu; giữ vững ổn định và phát triển các khách hàng truyền thống, hệ thống nhượng quyền bán lẻ xăng dầu.
- Đầu tư phát triển CNXD mới ở những vị trí chiến lược và những khu vực có tiềm năng phát triển cao, đặc biệt ở các khu công nghiệp, khu dân cư.
- Đầu tư nâng cấp, mở rộng các CNXD hiện hữu để thu hút khách hàng, gia tăng sản lượng bán.
- Đầu tư công nghệ sản xuất kinh doanh và quản lý theo hướng hiện đại. Nghiên cứu phát triển kinh tế số, kinh doanh các ngành hàng khác bổ trợ cho CNXD và khai thác tối đa diện tích tại CNXD.
- Đầu tư khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, kỹ thuật để gia tăng lợi thế cạnh tranh. Khai thác hiệu quả các mặt bằng hiện hữu, trong đó chú ý đến việc gia tăng tiện ích trong mặt bằng kinh doanh xăng dầu.
- Tập trung phát triển nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty. Đảm bảo việc làm và đời sống cho NLD.
- Bảo toàn và phát triển nguồn vốn; quản lý an toàn tài chính, sử dụng vốn hiệu quả phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty.
- Duy trì và cải tiến Hệ thống Quản trị Chất lượng toàn diện. Tuân thủ các quy định của pháp luật, đảm bảo công tác an toàn cháy nổ tại các CNXD. Bảo vệ môi trường sinh thái và bảo vệ sức khỏe cộng đồng.
- Tiếp tục xây dựng Văn hóa và phát triển thương hiệu COMECO bền vững trên thương trường để tăng khả năng cạnh tranh trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

3. Chiến lược phát triển trung, dài hạn và một số giải pháp

CHIẾN LƯỢC	NỘI DUNG	CÁCH THỰC HIỆN
CHIẾN LƯỢC TĂNG TRƯỞNG TẬP TRUNG	Nâng cao chất lượng dịch vụ	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo số lượng, chất lượng hàng hóa cung cấp ra thị trường. - Giao hàng kịp thời, đúng thời gian quy định. - Niêm yết giá bán công khai, rõ ràng. - Cung cấp và tư vấn thông tin về sản phẩm. - Khuyến mại đa dạng về hình thức, hấp dẫn về nội dung, phù hợp khả năng của Công ty và đáp ứng nhu cầu khách hàng. - Hồ sơ của khách hàng được giải quyết nhanh, chính xác. Thực hiện đúng Quy trình bán hàng, thể hiện sự thân thiện, nói lời “cảm ơn” sau khi bán. - Môi trường làm việc an toàn. - Đa dạng hóa hình thức thanh toán.

		<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục rà soát bố trí các mặt hàng nhiên liệu tại các CNXD cho phù hợp với nhu cầu thị trường; phát triển các dịch vụ gia tăng trong khuôn viên CNXD,... - Cải tiến chính sách bán hàng theo hướng gia tăng chia sẻ lợi ích với khách hàng. Tiếp tục đẩy mạnh chính sách bán hàng trả ngay, giảm dần bán hàng trả chậm.
	Đầu tư phát triển mạng lưới, nâng cấp cơ sở hạ tầng	<ul style="list-style-type: none"> - Giữ và đầu tư phát triển hệ thống chi nhánh bán lẻ xăng dầu dưới nhiều hình thức như: đàm phán kéo dài thời hạn hợp đồng thuê; mua, thuê đất xây dựng cửa hàng xăng dầu mới; mua hoặc thuê cửa hàng xăng dầu có sẵn;... - Giữ và phát triển hệ thống thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu; tìm kiếm khách hàng mới. - Mở rộng kinh doanh ở các CNXD còn tiềm năng.
	Bảo toàn và phát triển nguồn vốn	<ul style="list-style-type: none"> - Huy động vốn - Tìm tổ chức tín dụng để vay lãi suất thấp. - Quản lý tốt tài chính, công nợ, không để xảy ra nợ xấu.
CHIẾN LƯỢC HỘI NHẬP	Chọn đối tác để liên kết, hợp tác	Đầu tư vào các hoạt động kinh doanh của khách hàng; có chính sách hỗ trợ đầu tư cho khách hàng.
	Marketing để phát triển thị trường	<ul style="list-style-type: none"> - Mở rộng thị trường bán sỉ và bán lẻ xăng dầu tại thành phố, các tỉnh lân cận. - Tăng cường dịch vụ chăm sóc khách hàng.
CHIẾN LƯỢC ĐA DẠNG HÓA VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI	Phát triển giá trị gia tăng cộng thêm cho khách hàng	<ul style="list-style-type: none"> - Duy trì tốt dịch vụ cung cấp thiết bị xăng dầu, dầu nhớt, rửa xe, thay dầu nhớt, các hình thức thanh toán không tiền mặt,... - Khai thác các dịch vụ tiện ích khác tại CNXD. - Khai thác tối đa công suất cho thuê Cao ốc Văn phòng COMECO cũng như công năng các mặt bằng còn trống của Công ty dưới các hình thức xây dựng kho bãi, nhà xưởng, văn phòng cho thuê, ...
	Đầu tư và phát triển cơ sở hạ tầng	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư thiết bị và công nghệ để chuẩn bị cho việc triển khai kinh doanh các mặt hàng nhiên liệu theo lộ trình quy định của Chính phủ và nhu cầu của khách hàng. Từng bước đầu tư máy móc, trang bị công nghệ cao để tăng cường công tác quản lý và phục vụ cho sản xuất kinh doanh và đảm bảo PCCC. - Đầu tư cải tạo, sửa chữa các CNXD phù hợp với quy định và tình hình kinh doanh. - Đầu tư thiết bị để đẩy mạnh việc bán hàng thanh toán qua thẻ, thanh toán điện tử. - Nghiên cứu sử dụng trụ bom với các hình thức đa dạng hơn thích hợp với từng loại hình CNXD.
CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ	Đầu tư phát triển mạng lưới CNXD	Tìm kiếm mặt bằng, đối tác thực hiện hợp tác đầu tư dưới nhiều hình thức (thuê, mua) để phát triển thêm CNXD.
	Đầu tư cơ sở hạ tầng	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư thiết bị và công nghệ cho việc triển khai kinh doanh các mặt hàng nhiên liệu và tăng cường hiệu quả khai thác các mặt bằng, các CNXD để triển khai các hoạt động bổ trợ, các dịch vụ phi xăng dầu (non-oil). - Nghiên cứu, dự báo tác động của xu thế chuyển dịch năng lượng và sử dụng điện của ngành vận tải đến hoạt

		động của Công ty trong tương lai; trên cơ sở đó, xây dựng các phương án thích nghi, cải tạo, sửa chữa các CNXD phù hợp với xu hướng tiêu dùng.
CHIẾN LƯỢC NGUỒN NHÂN LỰC	Huấn luyện, đào tạo để tạo sự khác biệt nhằm tăng tính cạnh tranh trong kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường công tác huấn luyện, đào tạo tại chỗ để nâng cao nhận thức, trình độ chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ. - Xây dựng một nền Văn hóa COMECO mạnh chính là sự khác biệt giữa COMECO với các đối thủ cạnh tranh và là chìa khóa cho sự thành công trong tương lai. - Hệ thống thu thập và xử lý thông tin từ khách hàng, nhà cung cấp, NLD và các bên có liên quan.
	Lao động và tiền lương	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đầy đủ và có chất lượng công tác tuyển dụng, đào tạo, quy hoạch, luân chuyển và bổ nhiệm cán bộ. - Thực hiện các chương trình đào tạo và đào tạo lại đội ngũ NLD. - Cải tiến từng bước chế độ tiền lương để tiền lương thực sự là đòn bẩy để phát triển kinh doanh và thu hút lao động chất xám. - Duy trì tốt phong trào thi đua để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả công tác. - Khen thưởng động viên kịp thời đồng thời nâng cao kỷ luật lao động.
CHIẾN LƯỢC HỆ THỐNG QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG	Quản trị hệ thống chất lượng theo các tiêu chuẩn ISO, SS và 7 Tiêu chí Giải thưởng Chất lượng Quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương	<ul style="list-style-type: none"> - Duy trì kiểm tra, đánh giá nội bộ để đảm bảo hệ thống được vận hành thông suốt. - Thường xuyên cải tiến để nâng cao tính hiệu quả của hệ thống.
	Quan tâm lợi ích của các bên liên quan	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với khách hàng: Tạo cho khách hàng có cơ hội được phục vụ tốt; nhiều cơ hội lựa chọn sản phẩm, giá cả phù hợp, mua hàng thuận tiện, an tâm về số lượng, chất lượng. Đối với khách hàng chiến lược: đầu tư hỗ trợ khách hàng, chia sẻ khó khăn, lợi ích,.... - Nhà cung ứng: có cơ hội bán được nhiều hàng hơn, gia tăng thị phần, tăng khả năng cạnh tranh. Có cơ hội hợp tác và phát triển dịch vụ mới cùng COMECO. - Cổ đông: Vốn được bảo toàn và phát triển. - NLD: có việc làm và thu nhập ổn định, đời sống được cải thiện, có cơ hội thăng tiến; được làm việc trong môi trường tốt, được quan tâm bảo vệ sức khỏe. - Cộng đồng dân cư, xã hội: Bảo vệ môi trường sống tốt hơn, làm tăng vẻ đẹp mỹ quan và văn minh đô thị, góp phần nâng cao đời sống về vật chất và tinh thần cho cộng đồng, làm công tác từ thiện, xã hội...

VI. CÁC RỦI RO

1. Rủi ro kinh tế

- Năm 2024, nền kinh tế thế giới vẫn đối mặt với nhiều thách thức và rủi ro đáng kể. Chính sách tài chính, tiền tệ nhìn chung vẫn thắt chặt ở nhiều quốc gia, tạo áp lực lên chi phí vay và tăng nguy cơ suy thoái kinh tế. Xung đột địa chính trị, đặc biệt là chiến tranh Nga – Ukraina, tình hình căng thẳng ở Trung Đông đe dọa, gây gián đoạn chuỗi cung ứng và thị trường năng lượng toàn cầu. Đồng thời, xu hướng phân mảnh thị trường và công nghệ thế giới ngày càng rõ rệt, thể hiện qua sự mở rộng của khối BRICS và các biện pháp trừng phạt của Mỹ, làm suy yếu hợp tác quốc tế cũng như hiệu quả của chuỗi cung ứng toàn cầu. Những yếu tố này tạo ra một bức tranh kinh tế thế giới đầy thách thức, đòi hỏi các quốc gia phải có chiến lược linh hoạt và thích ứng để duy trì tăng trưởng bền vững trong bối cảnh mới.

- Trước tình hình đó, để ổn định và phát triển, COMECO vẫn phát huy các thế mạnh của mình, đồng thời mở rộng kinh doanh, tiết kiệm các khoản chi phí, không ngừng xây dựng phát triển thương hiệu và văn hóa COMECO nhằm phục vụ khách hàng tốt nhất phù hợp với tình hình từng thời kỳ để đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất.

2. Rủi ro pháp luật

- Là DNNN cổ phần hóa, hoạt động của COMECO chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật chung, các văn bản pháp luật về cổ phần hóa, về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Các quy phạm pháp luật này đang trong quá trình hoàn thiện cho phù hợp với xu thế hội nhập. Vì vậy việc thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và sự thay đổi đó ít nhiều có ảnh hưởng đến hoạt động của COMECO.

- Ngoài ra, chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu (ngành kinh doanh có điều kiện) về giá, tỷ giá, kinh doanh, quản lý hệ thống phân phối,... khi có những thay đổi, điều chỉnh cũng ảnh hưởng đến hoạt động của ngành và của COMECO.

- Chính sách của Nhà nước trong quá trình hội nhập sẽ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nước ngoài tham gia kinh doanh xăng dầu tại Việt Nam và các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu đều tập trung thực hiện chiến lược mở rộng mạng lưới bán lẻ xăng dầu nên thị trường xăng dầu sẽ ngày càng cạnh tranh khốc liệt.

- Để giảm thiểu những rủi ro có tính chiến lược này, HĐQT và Ban TGD Công ty đã thường xuyên phân tích, dự báo tình hình để điều chỉnh kịp thời các kế hoạch nhằm tạo ra lợi thế cạnh tranh để đem lại hiệu quả kinh doanh.

3. Rủi ro cháy nổ

Xăng dầu là mặt hàng dễ gây cháy nổ và có thể gây thiệt hại lớn nếu có sơ suất xảy ra trong quá trình bảo quản, vận chuyển, lưu thông. Để phòng ngừa rủi ro này, COMECO luôn tuân thủ các quy định về phòng chống cháy nổ, trang bị hệ thống chữa cháy Foam, hệ thống cảnh báo cháy tại các CNXD, trang bị kiến thức PCCC cho NLĐ và mua bảo hiểm tài sản, cháy nổ, các bảo hiểm rủi ro khác; thực hiện trách nhiệm với cộng đồng, môi trường,... nhằm đảm bảo an toàn kinh doanh, hạn chế tối đa thiệt hại cho Công ty.

4. Rủi ro trong ngành xăng dầu

Hiện nguồn cung xăng dầu nội địa vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu trong nước nên vẫn phải nhập khẩu từ nước ngoài, chủ yếu từ các nước trong khu vực như Singapore, Malaysia, Thái Lan, Hàn Quốc,...Do đó, giá xăng dầu trong nước vẫn phải chịu ảnh hưởng nhiều từ giá dầu thế giới. Năm 2024, tình hình địa chính trị thế giới vẫn còn nhiều bất ổn, cuộc xung đột tại Ukraine kéo dài và các căng thẳng chính trị tại Trung Đông nên thị trường xăng dầu diễn biến phức tạp và giá cả biến động liên tục khó lường.

Với quy định 07 ngày điều chỉnh giá 01 lần theo Nghị định 80/2023/NĐ-CP ngày 17/11/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 và Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, việc quản lý và kinh doanh xăng dầu của Công ty cũng gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là việc quản trị hàng tồn kho để giảm thiểu thiệt hại khi giảm giá bán lẻ và gia tăng lợi nhuận khi tăng giá bán lẻ trong tình hình giá cả xăng dầu biến động khó lường. Để hạn chế rủi ro, COMECO thường xuyên cập nhật tin về giá xăng dầu thế giới, thị trường xăng dầu trong nước để có kế hoạch kinh doanh hiệu quả

5. Rủi ro tín dụng

Công ty thực hiện bán hàng trả chậm cho khách hàng với hình thức tín chấp, do đó rủi ro đối tác không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định trong hợp đồng dẫn đến tổn thất về tài chính có thể xảy ra. COMECO thường xuyên theo dõi tình hình công nợ và việc thanh toán của khách hàng. Từ đó tiến hành phân loại khách hàng nhằm áp dụng hình thức trả chậm cho phù hợp. Bên cạnh đó, Công ty xây dựng quy trình bán hàng có thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc các hình thức đảm bảo bằng tài sản khác, đề nghị khách hàng đặt cọc tiền khi mua hàng nhằm giảm thiểu rủi ro về việc khách hàng thanh toán không đúng hạn hoặc không thanh toán.

6. Rủi ro thanh khoản

Là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính. Để giảm thiểu rủi ro này, COMECO đã duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty. Đồng thời, COMECO cũng tìm được nguồn vốn vay lãi suất thấp của các ngân hàng nhằm đáp ứng kịp thời nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh.

Phần 2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	TH NĂM 2023	KH NĂM 2024	TTI NĂM 2024	TH 2024/ KH 2024 (%)	TH 2024/ TH 2023 (%)
A	B	C	1	2	3	4 (3/2)	5 (3/1)
1	Doanh thu	Trđ	4.342.338	4.000.000	4.106.544	102,66	94,57
2	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	42.957	19.791	34.219	172,91	79,66
3	Lợi nhuận sau thuế	Trđ	34.458	16.000	26.876	167,98	78,00
4	Nộp NSNN	Trđ	55.791	51.248	58.357	113,87	104,6
5	Cổ tức	%	15	15	15	100,00	100,00

Nhận xét:

Năm 2024, nền kinh tế Việt Nam đã dần phục hồi và quay trở lại quỹ đạo tăng trưởng sau đại dịch COVID-19, GDP ước đạt trên 7% nhưng tình hình kinh doanh của COMECO năm 2024 vẫn còn nhiều khó khăn do tác động khách quan như:

- Tình hình địa chính trị thế giới vẫn còn bất ổn, kéo dài, các doanh nghiệp trong nước gặp nhiều khó khăn, nhu cầu về nhiên liệu giảm. Bên cạnh đó, việc chậm giải ngân đầu tư công, thiên tai bão lũ, nhiều công trình hạ tầng chậm triển khai, ... cũng ảnh hưởng nhiều đến sản lượng bán hàng của COMECO.

- Chỉ số giá tiêu dùng gia tăng, việc tiếp cận vốn vay khó khăn làm cho các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong nước gặp nhiều khó khăn nên nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu giảm.

- Tình trạng kẹt xe trong nội đô Thành phố, việc phân luồng giao thông, thi công các công trình hạ tầng (cầu, đường,...), các dự án cải tạo nâng đường chống ngập, thoát nước, việc cấm xe ô tô giường nằm lưu thông trong nội đô tiếp tục ảnh hưởng đến kinh doanh các chi nhánh xăng dầu (CNXD).

- Tốc độ tăng trưởng của xe điện nhanh, xe sử dụng công nghệ cao tiết kiệm nhiên liệu ảnh hưởng lớn đến sản lượng bán ra của các CNXD.

- Việc thực hiện quy định xuất hóa đơn theo từng lần bán hàng tại các CNXD theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ cũng ảnh hưởng đến sản lượng bán hàng của CNXD do giảm giờ bán hàng để phục vụ công tác chốt số liệu báo cáo, xuất hóa đơn theo quy định.

- CNXD số 21 và 34 phải ngưng hoạt động kể từ cuối tháng 5/2024 và tháng 8/2024 do hợp đồng hợp tác kinh doanh không đáp ứng được các quy định của pháp luật về giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu cũng ảnh hưởng nhiều đến sản lượng kinh doanh của Công ty.

- Quy định 07 ngày điều chỉnh giá 01 lần theo Nghị định 80/2023/NĐ-CP ngày 17/11/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 và Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, việc quản lý và kinh doanh xăng dầu của Công ty cũng gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là việc quản trị hàng tồn kho để giảm thiểu thiệt hại khi giảm giá bán lẻ và gia tăng lợi nhuận khi tăng giá bán lẻ. Năm 2024, có 52 lần điều chỉnh giá bán lẻ trong nước (16 lần tăng giá xăng dầu; 23 lần giảm giá xăng dầu; 13 lần điều chỉnh khác:

tăng giá xăng, giảm giá dầu; hoặc tăng giá dầu, giảm giá xăng; hoặc chỉ điều chỉnh tăng/giảm 01 mặt hàng xăng/dầu).

- Sự đa dạng nguồn hàng, sự cạnh tranh khốc liệt về giá của các doanh nghiệp dầu mới, thương nhân phân phối cũng ảnh hưởng nhiều đến hoạt động kinh doanh của Công ty do chỉ có 2 nguồn hàng của hai cổ đông lớn là SaiGon Petro và PVOIL.

- Nhiều khoản chi phí tiếp tục tăng cao: tiền thuê cửa hàng xăng dầu, tiền điện, nước; chi phí đầu tư thiết bị, phần mềm xuất hóa đơn điện tử theo từng lần bán hàng cho toàn bộ hệ thống CNXD của Công ty và chi phí sử dụng hóa đơn cũng gia tăng theo số lượng hóa đơn phát sinh cho từng lần bán hàng; chi phí đầu tư cải tạo, nâng cấp CNXD cho phù hợp với quy định pháp luật và đảm bảo hoạt động kinh doanh; chi phí đầu tư bảng hiệu cho hệ thống CNXD, khách hàng thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu,...

- Việc đầu tư phát triển mạng lưới kinh doanh bán lẻ xăng dầu có nhiều khó khăn do công tác quản lý sử dụng đất đai của Nhà nước ngày càng chặt chẽ, các doanh nghiệp không được phép cho thuê lại đất, cho thuê tài sản trên đất thuê trả tiền hàng năm, hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh thì không đáp ứng được quy định của pháp luật về cửa hàng đủ điều kiện kinh doanh bán lẻ xăng dầu.

Mặc dù tình hình kinh doanh năm 2024 của COMECO còn nhiều khó khăn khách quan tác động, nhưng với tinh thần trách nhiệm, sáng tạo và được sự hỗ trợ của các cổ đông lớn, Công ty đã thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

II. TỔ CHỨC NHÂN SỰ

1. Danh sách Ban Điều hành.

1.1. Tóm tắt lý lịch Ban Điều hành

- Ông Lê Tấn Thương : Ủy viên HĐQT - TGD

Năm sinh : 13/11/1971

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD,

Cử nhân Anh văn,

Cử nhân Ngoại thương.

Thâm niên trong ngành : 32 năm

Thời gian gắn bó với Công ty : 32 năm (làm việc tại Công ty từ tháng 6/1993 đến nay)

Kinh nghiệm quản lý tại Công ty : 25 năm (từ tháng 10/2000 đến nay)

- Tháng 6/1993 : nhân viên Tổ Xuất nhập khẩu.

- Tháng 7/1996 : nhân viên Phòng Kế hoạch nhiên liệu.

- Tháng 10/1999 : Phó phòng Kế hoạch nhiên liệu.

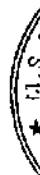
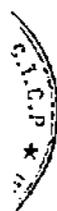
- Tháng 10/2000 : Quyền Trưởng phòng Kinh doanh nhiên liệu.

- Tháng 01/2001 : Ủy viên HĐQT và giữ chức vụ Giám đốc Kinh doanh.

- Tháng 10/2010 : Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD

- Tháng 5/2012 : TGD COMECO.

- Tháng 4/2017 : Ủy viên HĐQT kiêm TGD cho đến nay.



- **Ông Phạm Văn Khoa** : **Phó TGD**
 Năm sinh : 05/5/1973
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng kỹ thuật công trình.
 Thâm niên trong ngành : 28 năm
 Thời gian gắn bó với Công ty : 26 năm (làm việc tại Công ty từ tháng 7/1999 đến nay)
 Kinh nghiệm quản lý tại Công ty : 21 năm (tháng 07/2004 đến nay)
 - Tháng 7/1999 : nhân viên Phòng Kỹ Thuật.
 - Tháng 5/2001 : Quyền Đội trưởng Đội xây dựng cơ bản
 - Tháng 7/2004 : Trưởng ban xây dựng cơ bản.
 - Tháng 4/2005 : Giám đốc Đầu tư (Phòng Đầu tư - Xây dựng).
 - Tháng 4/2006 : Ủy viên Ban Kiểm soát cho đến tháng 4/2012.
 - Tháng 4/2013 : Phó TGD cho đến nay

- **Ông Nguyễn Chơn Quang** : **Phó TGD**
 Năm sinh : 12/7/1982
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
 Thâm niên trong ngành : 15 năm
 Thời gian gắn bó với Công ty : 15 năm (làm việc tại Công ty từ tháng 7/2010 đến nay)
 Kinh nghiệm quản lý tại Công ty : 13 năm (tháng 08/2012 đến nay)
 - Tháng 7/2010 : nhân viên Phòng Kinh doanh.
 - Tháng 4/2011 : Trợ lý Ban TGD.
 - Tháng 4/2012 : Trợ lý TGD.
 - Tháng 8/2012 : Quyền Giám đốc Kinh doanh.
 - Tháng 1/2013 : Giám đốc Kinh doanh.
 - Tháng 2/2015 : Phó TGD kiêm GD Kinh doanh.
 - Tháng 1/2016 : Phó TGD cho đến nay.
 - Tháng 9/2023 : Phó TGD kiêm Trưởng Ban Quản trị Chất lượng Toàn diện cho đến nay.

- **Ông Phạm Công Quyền** : **Kế toán trưởng - Giám đốc Tài chính**
 Năm sinh : 19/6/1963
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD,
 Cử nhân Tài chính,
 Cử nhân Ngoại thương.
 Thâm niên trong ngành : 39 năm
 Thời gian gắn bó với Công ty : 39 năm (làm việc tại Công ty từ tháng 6/1986 đến 31/12/2024)

Kinh nghiệm quản lý tại Công ty : 24 năm (tháng 01/2001 đến 31/12/2024)

- Tháng 6/1986 : Nhân viên Kế toán Tổng hợp.
- Tháng 6/1989 : Phó phòng Kế toán.
- Tháng 01/2001 : Ủy viên HĐQT và giữ chức vụ Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Tài chính.
- Tháng 4/2012 : Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Tài chính cho đến ngày 31/12/2024.

1.2. Tỷ lệ sở hữu cổ phần COM của Ban TGD, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý khác và người có liên quan

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN TGD, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ NHỮNG NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN SỞ HỮU CỔ PHIẾU COM
(Tại thời điểm 31/12/2024)

Đvtính: cổ phần

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	SLCP	NGƯỜI LIÊN QUAN	SLCP	TỔNG SLCP	TL/SLCP ĐANG LƯU HÀNH (%)
I	2	3	4	5	6	7 (4+6)	8
1	Ban TGD		178.610		38.910	217.520	1,54
1	Lê Tấn Thương	UV HĐQT - TGD	171.370	Vợ : Dương Thị Đài Trang	38.910	210.280	1,49
2	Phạm Văn Khoa	Phó TGD	2.500			2.500	0,018
3	Nguyễn Chơn Quang	Phó TGD	4.740			4.740	0,03
II	KTT		70.255			70.255	0,50
1	Phạm Công Quyền	KTT - GĐTC	70.255			70.255	0,50
	TC (I + II)		248.865		38.910	287.775	2,04

2. Những thay đổi trong Ban Điều hành: Công ty có thay đổi Kế toán trưởng – Giám đốc Tài chính theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 64-24/NQ-HĐQT ngày 12/11/2024. Theo đó, Ông Nguyễn Hữu Hoàng được bổ nhiệm làm Kế toán trưởng – Giám đốc Tài chính thay thế cho Ông Phạm Công Quyền nghỉ hưu theo chế độ kể từ ngày 01/01/2025.

3. Số lượng NLĐ và chính sách đối với NLĐ

3.1. Số lượng NLĐ

BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH LAO ĐỘNG CỦA COMECO NĂM 2024

SỐ TT	TIÊU CHÍ	NĂM 2023		NĂM 2024		TỶ LỆ (%)
		TỔNG LAO ĐỘNG (người)	TỶ TRỌNG (%)	TỔNG LAO ĐỘNG (người)	TỶ TRỌNG (%)	
A	B	1	2	3	4	5(3/1)
I	Tổng số lao động	502		486		
II	Trình độ văn hóa					
1	Trên đại học	5	0,99	5	1,03	100
2	Đại học	108	21,51	109	22,43	1,01
3	Cao đẳng	21	4,18	19	3,90	0,90
4	Trung cấp	46	9,16	42	8,64	0,91
5	Cấp III	285	56,77	272	55,97	0,95
6	Cấp II	30	5,97	35	7,20	1,17
III	Chính trị					

1	Đảng viên	52	10,35	55	11,32	1,06
2	Đoàn viên thanh niên	73	14,54	60	12,35	0,82
3	Đoàn viên Công đoàn	502	100	486	100	0,97
IV	Kinh nghiệm					
1	NLĐ có từ 3 đến 5 năm kinh nghiệm	98	19,52	52	10,7	0,53
2	NLĐ có trên 5 năm kinh nghiệm	303	60,35	314	64,60	1,04
V	Độ tuổi					
1	NLĐ có tuổi đời 30 tuổi trở xuống	110	21,91	107	22,01	0,97
2	NLĐ có tuổi đời 31 đến 40 tuổi	211	42,03	196	40,33	0,93
3	NLĐ có tuổi đời 41 đến 50 tuổi	137	27,29	139	28,60	1,01
4	NLĐ có tuổi đời từ 51 tuổi trở lên	44	8,76	44	9,05	100
VI	Cán bộ Quản lý					
1	Khối văn phòng (từ Phó GD bộ phận trở lên)	15	2,98	13	2,67	0,87
2	Khối CNXD (Trưởng, Phó CNXD)	44	8,76	40	8,23	0,91

Ghi chú: Danh sách lao động tính đến thời điểm 31/12/2023 và 31/12/2024.

3.2. Chính sách đối với NLĐ

a) Công tác tổ chức, quản lý

- Rà soát sửa đổi, bổ sung và ban hành một số Quy định phục vụ cho công tác quản lý và phát triển SXKD như: Quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ của Đội phòng cháy chữa cháy & cứu nạn cứu hộ cơ sở; Quy định về việc sử dụng tạo lập phát hành hóa đơn điện tử tại CNXD; Quy định chế độ báo cáo, nộp tiền của CNXD; Quy chế hoạt động của Công ty; Quy định về trình tự, thủ tục áp dụng trong việc mua sắm hàng hóa, thuê dịch vụ của Công ty; Quy định về quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ nhập xuất hàng hóa và lưu trữ thông tin trên hệ thống mạng vi tính; Quy định về quản lý Phiếu nhiên liệu kính biểu; Quy định về thực hiện chương trình khuyến mại; Quy định quản lý sử dụng chứng thư số, chữ ký số và giao dịch điện tử tại Công ty, Quy định về việc khen thưởng NLĐ giới thiệu khách hàng mới cho Công ty, Quy định về việc quản lý hao hụt xăng dầu, Quy định thi đua, khen thưởng của Công ty.

- Tổ chức 04 buổi TGD gặp gỡ sinh hoạt với tất cả NLĐ. Qua các buổi gặp gỡ, TGD sinh hoạt một số nội dung liên quan đến thực hiện Mục tiêu chất lượng năm 2024, Nội quy lao động; Quy trình bán hàng và một số quy định khác của Công ty đến toàn thể NLĐ. Đồng thời, TGD cũng động viên NLĐ yên tâm công tác, thực hành tiết kiệm, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh; đoàn kết, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ, góp phần hoàn thành tốt mục tiêu chất lượng năm 2024. Ngoài ra, Ban QTCLTD phối hợp Công đoàn tổ chức đào tạo các tình huống bán hàng cho toàn thể NLĐ.

- Duy trì và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát quản lý đo lường, chất lượng hàng hóa trong quá trình vận chuyển, lưu kho và lưu thông.

- Hệ thống Quản trị Chất lượng Toàn diện được duy trì và cải tiến thường xuyên góp phần nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Năm 2024, Tổ chức chứng nhận BVC của Vương Quốc Anh đánh giá giám sát định kỳ, kết quả Hệ thống Quản trị Chất lượng của Công ty được duy trì tốt.

+ Tổ chức đánh giá nội bộ tất cả các đơn vị tối thiểu 02 lần/năm, kiểm tra được 94 lượt xe bồn; kết quả có 57 điểm nhận xét và 02 điểm không phù hợp, đến nay đã khắc phục xong. Sau mỗi đợt đánh giá, Công ty đều có chỉ đạo các đơn vị thực hiện hành động khắc phục.

+ Kết quả kiểm tra, đánh giá của các cơ quan chức năng về PCCC, sử dụng cột đo, chất lượng xăng dầu, hồ sơ pháp lý,... đều đạt yêu cầu. Đặc biệt, trong tháng 5/2024, Cục quản lý thị trường TPHCM kiểm tra Công ty về việc chấp hành các quy định của pháp luật trong sản xuất kinh doanh xăng dầu, kết quả COMECO đạt kết quả tốt, chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình kinh doanh.

- Công tác quản lý tài chính được thực hiện tốt, không để xảy ra nợ xấu ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Các quy định về tiết kiệm, về dân chủ, về đối thoại được duy trì thường xuyên. Công ty thực hiện đối thoại tại nơi làm việc theo đúng quy định của pháp luật. Năm 2024, Công ty tiếp nhận nhiều ý kiến đóng góp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; trong đó có 16 ý tưởng của 31 NLD được công nhận là giải pháp mới và được khen thưởng kịp thời.

- Công tác an ninh trật tự và an toàn cháy nổ được đảm bảo. Ngày 20/02/2024, UBND Thành phố công nhận và trao giấy khen Công ty đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh trật tự" năm 2023 theo quyết định số 536/QĐ-UBND.

b) Phát triển nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực luôn là tài sản quý giá nhất, COMECO có một đội ngũ người lao động có trình độ, lành nghề và tận tụy, trong đó nhiều cán bộ chủ chốt có nhiều năm gắn bó với Công ty. Tham mưu tổ chức đào tạo nguồn nhân lực hiệu quả. Chất lượng lao động ngày càng phát triển, đáp ứng yêu cầu công việc và sức cạnh tranh. Từ năm 2022 đến nay, Công ty cử 15 NLD học Đại học (liên thông, chính quy, văn bằng 2) các ngành Luật Kinh doanh, Kế toán doanh nghiệp, QTKD, Xây dựng dân dụng để nâng cao trình độ nghiệp vụ.

❖ Tuyển dụng

- Thực hiện có hiệu quả trong việc tuyển dụng, đào tạo công nhân mới. Kết quả của đào tạo là đội ngũ công nhân mới đáp ứng tốt công việc được giao.

- Trong năm 2024, Công ty tuyển dụng 47 lao động để đáp ứng kịp thời cho các lao động nghỉ việc, chuyển công tác. Đội ngũ lao động tuyển dụng ngày càng trẻ hóa, có kinh nghiệm, đáp ứng các yêu cầu của Công ty.

- Thực hiện hoán chuyển lao động về làm việc gần nhà để tạo điều kiện thuận lợi cho Người lao động, tạo điều kiện thuận lợi cho việc sắp xếp ca kíp tại các CNXD.

❖ Đào tạo

- Công tác đào tạo nguồn nhân lực đạt được những kết quả nhất định cả về nhận thức và chuyên môn nghiệp vụ của NLD. Năm 2024, tổ chức đào tạo được 872 lượt/864 lượt kế hoạch, đạt 101%. Năm 2024 tổ chức đào tạo các lớp nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu; Nhận thức cơ bản ISO 9001:2015; Đánh giá viên trưởng Hệ thống QTCLTD ISO 9001:2015; Quản trị mạng; Lập trình viên Python; Khóa học xử lý và chuẩn hóa các sai phạm về hóa đơn; Đánh giá viên nội bộ; Cửa hàng trưởng; Kế toán trưởng; Nhận biết rủi ro về hóa đơn điện tử trong thời đại số, Đào tạo các tình huống bán hàng

trong kinh doanh xăng dầu,... Ngoài ra, Công ty còn cử 15 NLD học Đại học (liên thông, chính quy, văn bằng 2) các ngành Luật Kinh doanh, Kế toán doanh nghiệp, QTKD, Xây dựng dân dụng để nâng cao trình độ nghiệp vụ.

- Công ty tiếp tục tổ chức các buổi để TGD gặp gỡ sinh hoạt với người lao động; đồng thời tổ chức và cử đi đào tạo các lớp về chuyên môn nghiệp vụ, nhằm nâng cao trình độ cho người lao động, cập nhật văn bản pháp luật và vận dụng vào công việc.

❖ Quy hoạch bổ nhiệm

- Tham mưu và thực hiện quy hoạch đội ngũ cán bộ dự bị cho Văn phòng và Khối Chi nhánh. Năm 2024 tiếp tục quy hoạch mới và duy trì quy hoạch gồm 05 cán bộ dự bị cho các chức danh chủ chốt; 10 cán bộ cho chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc các Phòng, Ban; 05 cán bộ cho chức danh quản lý Khối CNXD.

- Bổ nhiệm 08 cán bộ cho các chức danh gồm Kế toán trưởng - Giám đốc Tài chính, Phó Giám đốc, Phó Phụ trách Chi nhánh, Trưởng Chi nhánh, Nhân viên thống kê.

- Công tác đào tạo nâng cao nguồn nhân lực, đặc biệt chú trọng công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ trẻ.

- Công tác tổ chức bộ máy được cải tiến, thực hiện việc sắp xếp cán bộ quản lý tương đối phù hợp, phát huy đúng khả năng của từng cán bộ; công tác đào tạo và bồi dưỡng đã đạt được những kết quả nhất định cả về nhận thức và chuyên môn nghiệp vụ. Công tác quản lý ngày càng chặt chẽ, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng và hiệu quả của Công ty.

c) Chính sách cho người lao động

❖ Lương, thưởng

- Ban lãnh đạo Công ty luôn có sự động viên khen thưởng kịp thời, đảm bảo các điều kiện về vật chất và tinh thần để NLD yên tâm phục vụ. Ban TGD Công ty đã trực tiếp đi đến các đơn vị trực thuộc để thăm hỏi, lắng nghe ý kiến và trực tiếp động viên NLD. Các chế độ chính sách được thực hiện đầy đủ mặc dù kinh doanh có nhiều khó khăn, nhưng Công ty vẫn cố gắng đảm bảo việc làm và đời sống NLD. Thu nhập bình quân của NLD năm 2024 là 16.918.590 đồng/người/tháng.

- Ban Lãnh đạo Công ty luôn có sự động viên khen thưởng kịp thời, đảm bảo các điều kiện về vật chất và tinh thần để NLD yên tâm phục vụ. Các chế độ chính sách được thực hiện đầy đủ.

- Công ty trả lương hàng tháng cho NLD đúng thời gian như đã cam kết với NLD trong Thỏa ước lao động tập thể, chia làm 2 đợt như sau:

+ Đợt 1: tạm ứng lương từ ngày 20 – 25 (Dương lịch) của tháng;

+ Đợt 2: thanh toán tiền lương từ ngày 10-15 (Dương lịch) của tháng sau liền kề.

- Trong các dịp Lễ, Tết, Công ty cũng có những khoản chi thưởng cho NLD.

❖ Bảo hiểm

- 100% NLD được thực hiện đầy đủ các quyền lợi và chế độ, không có trường hợp khiếu nại về chế độ chính sách. Các khoản chi lương, chi BHXH (ốm đau, thai sản,...) và các chính sách khác được đảm bảo kịp thời. 100% NLD được đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ và đúng quy định.

- Các chế độ chính sách theo Thỏa ước lao động tập thể được thực hiện đầy đủ và đúng quy định.

❖ *Phúc lợi*

- Hoán chuyển lao động về làm việc gần nhà để tạo điều kiện thuận lợi cho NLD, góp phần giảm ùn tắc giao thông của Thành phố đồng thời cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc sắp xếp ca kíp của các CNXD.

- Đảm bảo cung cấp đầy đủ các phương tiện về an toàn bảo hộ lao động.

- Ngoài sự quan tâm về vật chất, Công ty còn tổ chức cho NLD và thân nhân đi nghỉ dưỡng tại Vũng Tàu theo Thỏa ước lao động Tập thể; cán bộ chủ chốt đi tham quan Hải Phòng, Hạ Long; tổ chức gặp gỡ NLD nữ tại Sa Đéc - Cần Thơ nhân ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3; tổ chức gặp gỡ, tặng quà cho chị em phụ nữ nhân ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10. Ngoài ra, Công ty còn tổ chức các hoạt động văn thể mỹ, hội thi khác cho NLD.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho NLD.

- Môi trường làm việc được đảm bảo; các yếu tố môi trường được quan tâm, kết quả số liệu đo đạc về môi trường làm việc đều nằm trong giới hạn quy định.

d) Công tác thực hiện phong trào thi đua trong toàn Công ty

- Nhằm đẩy mạnh sản xuất kinh doanh ngay từ những tháng đầu năm, tạo đà vững chắc để hoàn thành mục tiêu chất lượng năm 2024, Ban Tổng Giám đốc và Ban chấp hành các đoàn thể Công ty đã thống nhất phát động phong trào thi đua năm 2024 với chủ đề **“Phát huy nội lực, thích ứng linh hoạt, đồng hành bền vững”**. Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc và Ban chấp hành các đoàn thể Công ty còn xây dựng và phát động các phong trào thi đua ngắn ngày đến toàn thể NLD Công ty gồm 4 đợt:

+ Đợt 1: Phong trào thi đua 4 tháng đầu năm 2024 từ 01/01/2024 đến 30/4/2024 với chủ đề **“Đồng hành đổi mới - Thích ứng linh hoạt - Nâng cao hiệu quả”**.

+ Đợt 2: Phong trào thi đua từ 01/05/2024 đến 30/6/2024 với chủ đề **“Đồng tâm hiệp lực – Thích ứng linh hoạt – Kinh doanh hiệu quả”**.

+ Đợt 3: Phong trào thi đua từ 01/7/2024 đến 30/9/2024 với chủ đề **“Kỷ cương, trách nhiệm; chủ động kịp thời; đổi mới, sáng tạo; hiệu quả bền vững”**.

+ Đợt 4: Phong trào thi đua 3 tháng cuối năm 2024 từ 01/10/2024 đến 31/12/2024 với chủ đề **“Tăng tốc về đích”**.

- Ban Tổng Giám đốc, Ban chấp hành các đoàn thể và Trưởng các đơn vị đã thực hiện việc phổ biến tuyên truyền đến NLD, đoàn viên trực thuộc về mục đích, yêu cầu và giao nhiệm vụ cụ thể cho từng bộ phận, từng NLD. Các nội dung thực hiện thi đua đều được Trưởng các đơn vị xem xét, đánh giá và tìm biện pháp thực hiện.

- NLD hưởng ứng tham gia trên tinh thần làm việc với trách nhiệm cao nhất, cố gắng phục vụ khách hàng tốt nhất và tập thể các đơn vị có sự đoàn kết quyết tâm thực hiện các mục tiêu đề ra.

- Sau mỗi đợt thi đua, Công ty cũng đã tổng kết, đánh giá và khen thưởng cho các đơn vị đạt thành tích, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Kết quả thi đua 04 đợt trong năm 2024 như sau:

+ Đợt 1: có 37 đơn vị được khen thưởng

+ Đợt 2: có 34 đơn vị được khen thưởng

+ Đợt 3: có 28 đơn vị được khen thưởng

+ Đợt 4: có 37 đơn vị được khen thưởng

- Tổng kết cuối năm 2024, Công ty đã khen thưởng và đề nghị khen thưởng nhiều hạng thành tích gồm có:

+ Về tập thể: 21 tập thể được đề nghị tập thể lao động xuất sắc, 03 tập thể được đề nghị tặng Bằng khen Ủy ban Nhân dân Thành phố, 15 tập thể lao động tiên tiến, 07 tập thể được đề nghị Giấy khen Văn phòng Thành ủy, 08 tập thể đạt Giấy khen Công ty và 01 tập thể đạt biểu dương của Công ty.

+ Về cá nhân: 40 cá nhân đạt Chiến sĩ thi đua cơ sở, 04 cá nhân được đề nghị tặng Bằng khen Ủy ban Nhân dân Thành phố, 21 cá nhân được đề nghị Giấy khen Văn phòng Thành ủy, 105 cá nhân đạt Giấy khen Công ty và 32 cá nhân đạt biểu dương của Công ty.

e) Phát huy dân chủ

Công ty thực hiện tốt Quy chế Thực hiện Đối thoại định kỳ tại Công ty; Quy chế Thực hiện Dân chủ tại Công ty.

❖ Lãnh đạo Công ty tiếp NLD vào mỗi sáng thứ hai tuần cuối tháng.

Thứ hai tuần cuối mỗi tháng Lãnh đạo Công ty tiếp NLD tại Văn phòng để trực tiếp lắng nghe các ý kiến của NLD. Lãnh đạo Công ty ghi nhận và xem xét giải quyết thỏa đáng.

❖ Sáng kiến – Giải pháp mới

Phong trào Sáng kiến, Giải pháp mới được Công ty duy trì thực hiện thường xuyên từ năm 2007 đến nay. Tổng số Giải pháp mới năm 2024 là 16 Giải pháp mới và nhiều ý kiến đóng góp khác.

Các ý kiến của NLD được tổng hợp qua nhiều kênh thông tin như: cá nhân NLD trực tiếp gửi ý kiến; hoặc ghi nhận trong các cuộc họp giao ban, Hội nghị NLD, ... Các ý kiến đều được ghi nhận và khen thưởng kịp thời. Các ý kiến đã góp phần tiết kiệm chi phí, tăng năng suất lao động, xây dựng phát triển văn hóa, thương hiệu COMECO, ...

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

1. Các khoản đầu tư

- Năm 2024, Công ty tiếp tục tập trung thực hiện việc cải tạo, bố trí lại mặt bằng để xe ra vào đổ nhiên liệu thuận tiện, bố trí lại đường ống công nghệ tại các CNXD để bán các loại nhiên liệu phù hợp với thị trường từng khu vực; đầu tư sửa chữa các CNXD cho khang trang để thu hút khách hàng.

- Đầu tư trang trí, sửa chữa, nâng cấp hệ thống nhận diện thương hiệu COMECO cho CNXD của COMECO và các thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu: Đầu tư bảng logo đèn LED, trang bị mới bảng tên Chi nhánh,...

2. Một số dự án lớn của Công ty

2.1 Dự án đầu tư thực hiện phần mềm phát hành hóa đơn điện tử theo từng lần bán hàng tại các CNXD

Thực hiện theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ, Công ty đã đầu tư thực hiện phần mềm phát hành hóa đơn điện tử theo từng lần bán hàng tại các CNXD. Phần mềm đã hoạt động ổn định và phát hành hóa đơn cho khách hàng đúng quy định.

2.2 Đầu tư mới và đưa vào sử dụng 3 xe bồn vận chuyển nhiên liệu ISUZU FVZ34QE4A dung tích 18.000 lít

2.3 Dự án đầu tư xây dựng (đã thực hiện xong)

- Chi nhánh 22 - địa chỉ 315 Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp, TP.HCM: Cải tạo nền thảm nhựa tiếp giáp lề đường; đổ bê tông nền khu vực bồn chứa và khu vực rửa xe với chi phí 181.244.606 đồng.

- Chi nhánh 33 - địa chỉ 836 QL 1A, Ấp Ngũ Phúc, Xã Hố Nai 3, Huyện Trảng Bom, Đồng Nai: Cải tạo đổ bê tông nền, xây nâng tiêu đảo, đường mương công nghệ, mương – hồ gạn dầu với chi phí 284.120.435 đồng.

- Chi nhánh 36 - địa chỉ số 164A Đường Tỉnh 887, ấp Mỹ An A, xã Mỹ Thạnh An, tỉnh Bến Tre: đổ bê tông nền khu vực lối ra vào, lắp đặt đường cống thoát nước với chi phí 175.887.000 đồng.

- Chi nhánh 47 - địa chỉ số 333A Lê Trọng Tấn, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, TP.HCM: Bố trí lại kết cấu cột mái che trụ bơm với chi phí 128.022.051 đồng.

- Chi nhánh 48 - địa chỉ tại số 313 Quốc lộ 1, Ấp 5, xã Phú An, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang: Cải tạo, sửa chữa, thi công trải thảm nhựa sân nền, sơn nước văn phòng, nhà nghỉ nhân viên và nhà vệ sinh, ... trang trí quảng cáo, lắp đặt trụ bơm để đưa CN số 48 vào kinh doanh theo hình thức thuê từ khách hàng truyền thống với chi phí 1.119.633.005 đồng.

2.4. Đầu tư nâng cấp các CNXD theo hệ thống quản lý môi trường và hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp

- COMECO đã đầu tư cải tạo hệ thống thoát nước và hệ thống thu hồi hơi xăng dầu tại các CNXD để đảm bảo nước thải và khí thải đạt tiêu chuẩn theo quy định của Pháp luật. Bên cạnh đó, hàng năm, Công ty đều ký hợp đồng với đơn vị Nhà nước có chức năng để thực hiện kiểm nghiệm các chỉ tiêu nước thải, khí tại các CNXD COMECO và kết quả đều đạt yêu cầu.

- Đối với chất thải: hầu hết các CNXD COMECO đều có đăng ký sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại. Ngoài ra, Công ty cũng trang bị đầy đủ phương tiện tại các CNXD để kiểm soát, phân loại chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại (việc thực hiện thu gom và xử lý chất thải tại các CNXD COMECO được thực hiện định kỳ 6 tháng/lần theo quy định).

- Nâng cấp hệ thống nhà vệ sinh để cải thiện môi trường làm việc cho NLD và phục vụ khách hàng.

IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính

SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH NĂM 2022	TH NĂM 2023	TH NĂM 2024	TỶ LỆ (%)	
						2024/2023	2024/2022
A	B	C	1	2	3	4 (3/2)	5 (3/1)
1	Tổng tài sản	Tr.đ	526.040	490.196	484.767	99	92
2	Vốn chủ sở hữu	Tr.đ	434.737	439.185	434.286	99	100
3	Vốn điều lệ	Tr.đ	141.206	141.206	141.206	100	100
4	SLCP đang lưu hành	Cp	14.120.628	14.120.628	14.120.628	100	100
5	Doanh thu thuần	Tr.đ	4.815.630	4.342.338	4.106.544	95	85
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr.đ	758	28.631	34.712	121	4.579
7	Lợi nhuận khác	Tr.đ	178	14.326	(493)	(3)	(277)
8	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	935	42.957	34.219	80	3.660
9	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	1.278	34.458	26.876	78	2.103
10	Tỷ lệ trả cổ tức	%	15	15	15	100	100

11	Lãi cơ bản trên cp	(9/4)	Đồng	54	2.440	1.903	78	3.525
12	Giá trị cổ phiếu trên sổ sách	(2/4)	Đồng	30.787	31.102	30.755	99	100

Ghi chú:

- Số liệu kiểm toán: đến hết năm 2024; Kiểm tra thuế: đến hết năm 2023.

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

SỐ TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2022	TH 2023	TH 2024	TỶ LỆ (%)	
						2024/ 2023	2024/ 2022
A	B	C	1	2	3	4 (3/2)	5 (3/1)
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán						
1.1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	3,03	3,92	4,07	103,88	134,26
1.2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,77	2,93	2,68	91,49	151,10
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn						
2.1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,17	0,10	0,10	100	60
2.2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,21	0,12	0,12	100	55,35
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động						
3.1	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	47	56	65	172	136,78
3.2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	9,15	8,86	8,47	95,63	92,54
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời						
4.1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	0,03	0,79	0,65	82,48	2.465,14
4.2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	0,29	7,85	6,19	78,88	2.104,34
4.3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	0,24	7,03	5,54	78,87	2.281,14
4.4	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	0,02	0,66	0,85	128,20	5.373,64

Nhận xét:

Tình hình tài chính của Công ty lành mạnh: khả năng thanh toán nợ được đảm bảo; cơ cấu tài sản (42,39% là tài sản ngắn hạn và 57,61% là tài sản dài hạn) phù hợp với loại hình Công ty thương mại; các khoản đầu tư dài hạn đều được tài trợ từ nguồn vốn dài hạn nên khả năng thanh khoản được kiểm soát tốt; khả năng tạo lợi nhuận tốt.

V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

1. Cổ phần

1.1. Tổng số cổ phiếu theo từng loại tại thời điểm ngày 19/3/2024

SỐ TT	LOẠI CỔ PHIẾU	SLCP (cp)	THỜI GIAN HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG
1	Cổ phiếu thường	14.120.628	
2	Cổ phiếu quỹ	0	
	TỔNG CỘNG	14.120.628	

Ghi chú: Thời điểm chốt danh sách cổ đông 19/3/2024 là thời điểm gần thời gian Công ty lập báo cáo thường niên nhất.

1.2. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2024: 14.120.628 cp

1.3. Giá trị sổ sách tại thời điểm tháng 31/12/2024:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cp đang lưu hành}} = \frac{434.285.861.873 \text{ đồng}}{14.120.628 \text{ cp}} = 30.755 \text{ đồng/cp}$$

Giá trị sổ sách năm 2024: 30.755 đồng/cp giảm còn 98,88% so với năm 2023: 31.102 đồng/cp

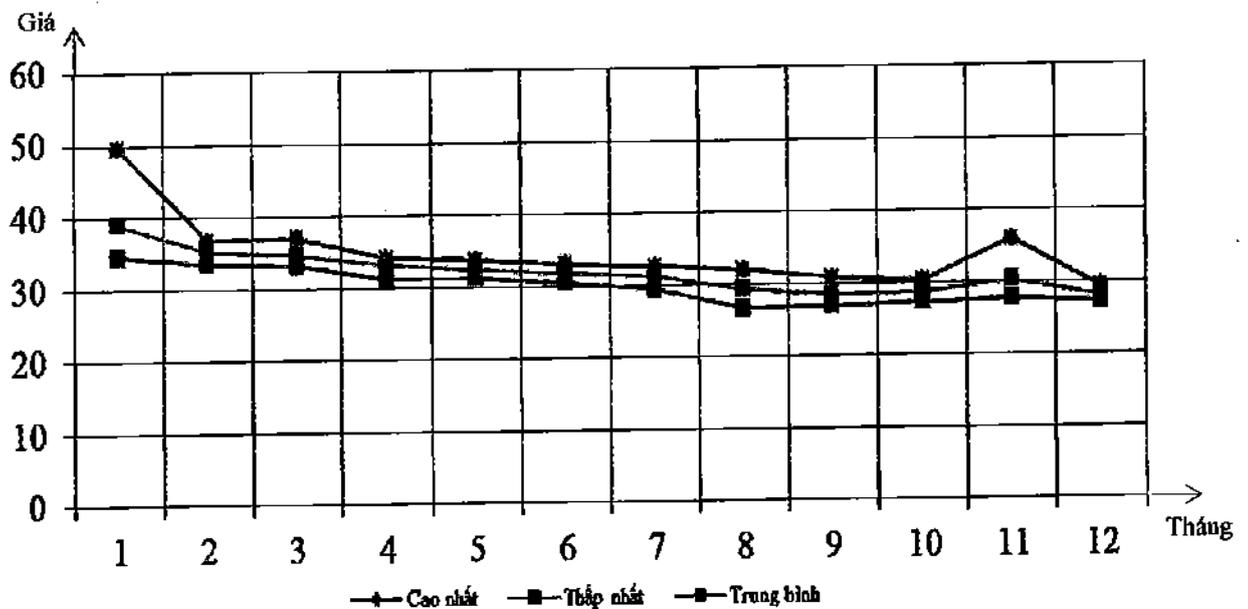
1.4. Diễn biến giá cổ phiếu COM năm 2024:

BẢNG GIÁ CỔ PHIẾU COM NĂM 2024

Đvt: ngàn đồng

THÁNG	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	CẢ NĂM
Cao nhất	49,50	36,70	37,00	34,20	33,75	33,10	32,55	32,00	30,80	30,30	35,95	29,30	49,50
Thấp nhất	34,55	33,45	33,20	31,30	31,30	30,50	29,45	26,65	26,90	27,30	27,70	27,20	26,65
Trung bình	39,00	35,11	34,65	33,21	32,51	31,91	31,23	29,27	28,42	28,75	30,34	28,10	31,88

ĐỒ THỊ GIÁ CỔ PHIẾU COM NĂM 2024



2. Cơ cấu cổ đông

2.1. Cổ đông trong nước và nước ngoài

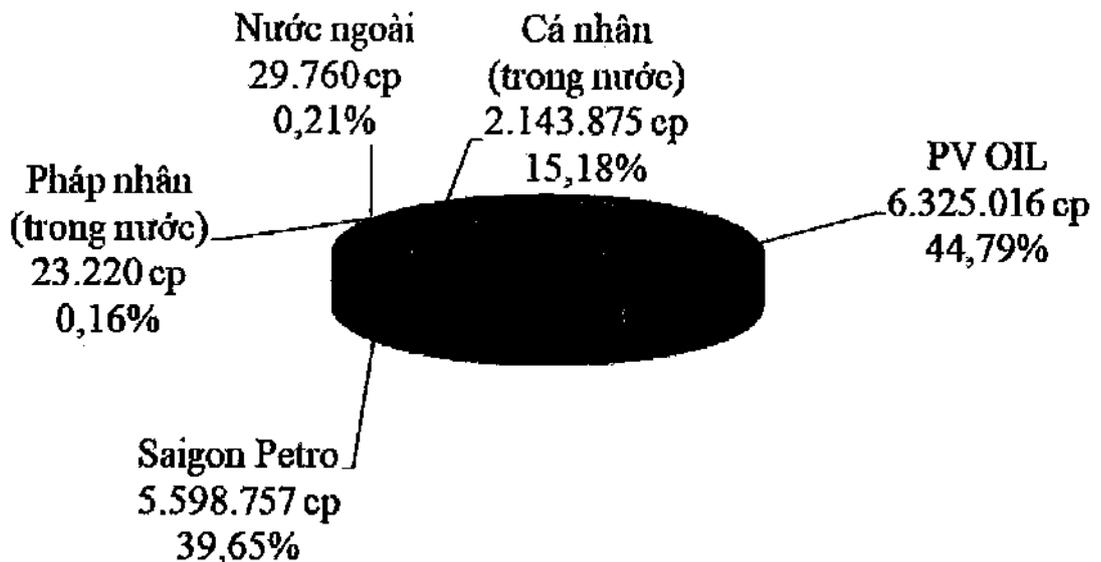
SỐ TT	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	THỜI ĐIỂM 09/5/2023			THỜI ĐIỂM 19/3/2024			TỶ LỆ (%)
		SLCÓ ĐÔNG	SLCP (cp)	TL/SLCP ĐANG LƯU HÀNH (%)	SLCÓ ĐÔNG	SLCP (cp)	TL/SLCP ĐANG LƯU HÀNH (%)	
A	B	1	2	3	4	5	6	7(5/2)
I	Cổ đông trong nước	335	14.071.268	99,65	399	14.090.868	99,79	100,14
1	Pháp nhân	10	12.084.493	85,58	10	11.946.993	84,61	98,86
1.1	PVOIL	1	6.325.016	44,79	1	6.325.016	44,79	100

1.2	Saigon Petro	1	5.598.757	39,65	1	5.598.757	39,65	100
1.3	Khác	8	160.720	1,14	8	23.220	0,16	14,45
2	Cá nhân	325	1.986.775	14,07	389	2.143.875	15,18	107,91
II	Cổ đông nước ngoài	58	49.360	0,35	59	29.760	0,21	60,29
1	Pháp nhân	5	12.170	0,09	6	1.890	0,01	15,53
2	Cá nhân	53	37.190	0,26	53	27.870	0,20	74,94
	TC (I + II)	393	14.120.628	100	458	14.120.628	100	100

Ghi chú: Thời điểm chốt danh sách cổ đông 19/3/2024 là thời điểm gần thời gian Công ty lập báo cáo thường niên nhất.

2.2. Tỷ trọng cổ phiếu COM

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG SỞ HỮU CỔ PHIẾU COM (Tại thời điểm 19/3/2024)



2.3. Cổ đông lớn

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SỞ HỮU TỪ 100.000 CP COM TRỞ LÊN (Tại thời điểm 19/3/2024)

SỐ TT	TÊN CỔ ĐÔNG LỚN	ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC	NGÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH	CÓ PHẦN SỞ HỮU tại thời điểm 09/5/2023		TĂNG GIẢM (cp)	CÓ PHẦN SỞ HỮU tại thời điểm 19/3/2024	
				SL (cp)	TL (%)		SL (cp)	TL (%)
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+3)	5
1	Tổng Cty Dầu Việt Nam Cty TNHH MTV (PVOIL)	Lầu 14-17 số 1-5 Lê Duẩn, Q.1, Tp.HCM	Dầu khí	6.325.016	44,79	0	6.325.016	44,79
2	Cty TNHH Một thành viên Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh (Saigon Petro)	27 Nguyễn Thông, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh	Dầu khí	5.598.757	39,65	0	5.598.757	39,65
3	Ông Nguyễn Nam Hải	917 Đường 3/2, P.7, Q.11, Tp.HCM	Trưởng CNXD số 01 COMECO	356.970	2,53	9.479	366.449	2,60
4	Ông Lê Tấn Thương và người có liên quan	318/1A Cách Mạng Tháng Tám, P.10, Q.3, Tp.HCM	UV HĐQT - TGD COMECO	210.280	1,49	0	210.280	1,49
5	Ông Trần Nguyên Anh	611/8B Điện Biên Phủ, P.1, Q.3, Tp.HCM	Trưởng CNXD số 12 COMECO	148.860	1,05	7.000	155.860	1,10
6	Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt	Tầng 1,4 và 7 toà nhà số 8 Lê Thái Tổ, P.Hàng Trống, Q.Hoàn Kiếm, TP	Cổ đông ngoài	136.300	0,97	(136.250)	50	0,0003

		Hà Nội						
7	Bà Trương Đức Hạnh	835/17 Trần Hưng Đạo, P.1, Q.5, Tp.HCM	Nguyên CT HĐQT	0	0	136.250	136.250	0,96
8	Ông Hà Thanh Hùng	117 Trương Định, P.7, Q.3, Tp.HCM	Cổ đông ngoài	102.570	0,73	0	102.570	0,73
TỔNG CỘNG				12.878.753	91,21	16.479	12.895.232	91,32

Ghi chú: Cổ đông lớn theo quy định của Luật chứng khoán là cổ đông sở hữu từ 5% cổ phiếu của Công ty trở lên. Theo quy định này thì Công ty hiện có 2 cổ đông lớn là PVOIL và Saigon Petro.

3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu năm 2024: không có

4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

5. Chi cổ tức: năm 2024 Công ty đã chi cổ tức năm 2023 bằng tiền mặt tỷ lệ 15%/VDL, còn cổ tức của năm 2024 Công ty chi trả tạm ứng bằng tiền mặt tỷ lệ 15% vào ngày 04/4/2025.

6. Các chứng khoán khác

6.1 Thực hiện đầu tư vào các công ty có liên quan

BÁO CÁO ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN NĂM 2024
(Từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024)

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	MÃ CK	TỶ ĐẦU KỲ (cp)	MUA		BÁN		TỶ CUỐI KỲ	
				SLCP (cp)	T/TIỀN (1.000đ)	SLCP (cp)	T/TIỀN (1.000đ)	SLCP (cp)	T/TIỀN (1.000đ)
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7
I	Cổ phiếu đã niêm yết		990.534					990.534	17.346.704
1	Cty CP Thương nghiệp Cà Mau	CMV	356.256					356.256	4.637.520
2	Cty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh	HAX	26.469					26.469	46.600
3	Cty CP Cơ khí Xăng dầu	PMS	176.942					176.942	3.989.625
4	Cty CP Thương mại XNK Thủ Đức	TMC	264.752					264.752	5.775.685
5	Cty CP Bến xe miền Tây	WCS	5.000					5.000	87.500
6	Cty CP Cà phê Petec	PCF	43.800					43.800	444.000
7	Tổng Cty CP TM KT & DT Petec	PEG	99.675					99.675	2.093.175
8	Cty CP Xăng dầu Dầu khí Nam Định	PND	17.640					17.640	272.599
II	Cổ phiếu chưa niêm yết		1.400.000					1.400.000	14.000.000
1	Cty CP Cơ khí ô tô Cần Thơ		200.000					200.000	2.000.000
2	Cty CP Vận tải biển Việt Tín		1.000.000					1.000.000	10.000.000
3	Cty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn		200.000					200.000	2.000.000
TỔNG CỘNG			2.390.534					2.390.534	31.346.704

6.2. Tình hình dự phòng giảm giá chứng khoán

BẢNG DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ CHỨNG KHOÁN
(Tính đến 31/12/2024)

SỐ TT	TÊN CHỨNG KHOÁN	MÃ CK	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU (cp)	GIÁ MUA BÌNH QUÂN (đ/cp)	GIÁ NGÀY 31/12/24 (đ/cp)	CHÊNH LỆCH ĐƠN GIÁ (đ/cp)	GIÁ TRỊ CHÊNH LỆCH (1.000đ)	DỰ PHÒNG TRÍCH LẬP CÁC NĂM (1.000đ)	TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NĂM 31/12/2024 (1.000đ)
A	B	C	1	2	3	4 (3-2)	5	6	7 (5-6)
I	CP đã niêm yết		990.534				-6.896.371	-6.981.256	84.885
1	Cty CP Thương nghiệp Cà Mau	CMV	356.256	13.017	8.500	-4.517	-1.609.344	-1.609.344	0
2	Cty CP DV Ô tô Hàng Xanh	HAX	26.469	2.025	16.950				0
3	Cty CP Cơ khí Xăng dầu	FMS	176.942	22.548	31.900				0
4	Cty CP TM XNK Thủ Đức	TMC	264.752	21.815	8.700	-13.115	-3.472.343	-3.392.917	-79.426
5	Cty CP Bến xe miền Tây	WCS	5.000	17.500	270.000				0
6	Cty CP Cà phê Petec	PCF	43.800	10.137	4.960	-5.177	-226.752	-224.431	-2.321
7	Tổng Cty CP TM KT & DT Petec	PEG	99.675	21.000	6.480	-14.520	-1.447.281	-1.593.803	146.522
8	Cty CP Xăng dầu Dầu khí Nam Định	PND	17.640	15.543	7.480	-8.063	-140.652	-160.761	20.109
II	CP chưa niêm yết		1.400.000				-10.885.456	-11.268.062	382.606
1	Cty CP Cơ khí Ô tô Cần Thơ		200.000	10.000			-885.456	-1.268.062	382.606
2	Cty CP Vận tải biển Việt Tín		1.000.000	10.000			-10.000.000	-10.000.000	0
3	Cty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn		200.000	10.000					0
	TỔNG CỘNG (I + II)		2.390.534				-17.781.827	-18.249.318	467.491

Ghi chú:

- Mệnh giá: 10.000 đồng/cp.
- Cột 3: Giá các loại cổ phiếu ngày 31/12/2024 được tính như sau:
 - + Cổ phiếu đã niêm yết được lấy theo giá trên sàn giao dịch (ngày 31/12/2024).
 - + Cổ phiếu chưa niêm yết được lấy theo giá mua vào. Các cổ phiếu của Cty CP Cơ khí Ô tô Cần Thơ, Công ty CP Vận tải Biển Việt Tín do vốn chủ sở hữu thấp hơn vốn điều lệ (BCTC đã kiểm toán) nên COMECO trích lập dự phòng căn cứ theo Thông tư số 24/2022/TT-BTC ngày 07/4/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài Chính thì điều kiện để trích dự phòng đối với cổ phiếu có vốn chủ sở hữu nhỏ hơn so với vốn điều lệ.
- Cột 5: Giá trị chênh lệch chỉ tính khi giá ngày 31/12/2024 thấp hơn giá mua bình quân.

VI. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

1. Quản lý và kiểm soát chất thải

COMECO ban hành hướng dẫn kiểm soát chất thải để theo dõi phân loại, thu gom, lưu giữ các loại chất thải từ COMECO đến điểm xử lý thích hợp của đơn vị có chức năng, được cấp phép hoạt động. Hướng dẫn cũng nhằm cung cấp thông tin cần thiết để ngăn ngừa và giảm thiểu tối đa việc phát sinh tác động nguy hại của chất thải nguy hại đến môi trường, an toàn sức khỏe nghề nghiệp; đáp ứng tiêu chuẩn môi trường theo quy định pháp luật, giúp bảo vệ môi trường tốt hơn.

Tại văn phòng Công ty, CNXD đều được trang bị các loại thùng rác và nhãn nhận biết. Rác thải rắn được để riêng từng loại trước khi cho vào thùng.

1.1. Chất thải không nguy hại, rác sinh hoạt (còn gọi là chất thải thông thường)

Chất thải rắn không nguy hại, chất thải sinh hoạt được CNXD giao cho nơi thu gom địa phương.

1.2. Chất thải nguy hại

Chất thải rắn nguy hại được giao cho nhà thầu thu gom rác có chức năng và được cấp phép hoạt động (Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Tp.Hồ Chí Minh). Khi đến CNXD thu rác, người phụ trách xem số xe, nếu đúng như số ghi trong giấy phép thu gom thì mới giao rác. Công ty theo dõi việc đưa rác thải rắn đến điểm xử lý thích hợp, nhận hợp đồng liên 5 và liên 6, giao liên 6 cho cơ quan Nhà nước. Định kỳ hàng năm, Công ty lập báo cáo kết quả thu gom, xử lý chất thải gửi về Cơ quan chức năng.

1.3. Chất thải khí

Công ty đã lắp đặt hệ thống thu hồi hơi xăng dầu cho các CNXD. Bên cạnh đó, Công ty tổ chức đo kiểm các chỉ tiêu định kỳ 6 tháng/ lần do cơ quan Nhà nước thực hiện; kết quả kiểm nghiệm các chỉ tiêu đều đạt theo quy định của pháp luật.

1.4. Nước thải

Công ty đầu tư xây dựng hệ thống hồ gạn dầu để xử lý nước thải trước khi xả thải ra hệ thống thoát nước công cộng. Ngoài ra, Công ty duy trì thực hiện vệ sinh hồ gạn dầu định kỳ 1 tuần/ lần. Kết quả kiểm nghiệm các chỉ tiêu nước thải CNXD do cơ quan Nhà nước thực hiện đều đạt tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

2. Kiểm soát môi trường làm việc

2.1. Công tác an toàn PCCC và cứu nạn - cứu hộ, ứng phó tình huống khẩn cấp

Công ty xây dựng Thủ tục ứng phó tình huống khẩn cấp để thiết lập cơ sở nhận dạng, xác định các sự cố tiềm ẩn và trình tự ứng phó với tình huống khẩn cấp có thể xảy ra nhằm đề phòng và hạn chế tối đa mức độ ảnh hưởng của tình trạng này đến môi trường, an toàn sức khỏe nghề nghiệp. Hàng năm, các CNXD lựa chọn tình huống khẩn cấp được nêu trong Thủ tục để tiến hành diễn tập (giả định) tạo cho toàn thể NLD ý thức và thuần thục trong hoạt động ngăn ngừa và ứng phó tình huống khẩn cấp. Kết quả diễn tập ghi nhận lại vào biên bản diễn tập để rút kinh nghiệm.

2.2. Kết quả đo môi trường, vi khí hậu

Định kỳ 6 tháng/lần, Công ty mời cơ quan Nhà nước đến đo kiểm các chỉ tiêu vi khí hậu, môi trường làm việc và các chỉ tiêu nước thải CNXD. Kết quả kiểm nghiệm các chỉ tiêu đều đạt yêu cầu theo quy định của pháp luật. Kết quả này được lập thành Báo cáo bảo vệ môi trường và gửi về cơ quan Nhà nước định kỳ 6 tháng/ lần.

2.3. An toàn lao động

Công tác an toàn lao động tại nơi làm việc luôn được quan tâm. Trong năm 2024, Công ty không có trường hợp xảy ra tai nạn lao động, không có NLD bị bệnh nghề nghiệp. Các chỉ số về môi trường làm việc luôn được đo đạc định kỳ và nằm trong giới hạn cho phép.

2.3.1. Đội sơ cứu ban đầu, an toàn vệ sinh viên

Mạng lưới sơ cấp cứu viên và an toàn vệ sinh viên được bố trí đảm bảo tại các đơn vị trong toàn hệ thống CNXD của COMECO. Đội sơ cấp cứu và an toàn vệ sinh viên được bồi dưỡng và tiếp tục đào tạo mới hàng năm.

2.3.2. Trang bị bảo vệ cá nhân

Định kỳ hàng năm Công ty đều có kế hoạch trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động theo Thỏa ước lao động Tập thể. Tổng số tiền trang bị năm 2024 là 1,327 tỷ đồng.

2.3.3. Đào tạo kiến thức về an toàn lao động, sơ cấp cứu, kỹ thuật an toàn vệ sinh lao động

Công tác đào tạo định kỳ về nghiệp vụ an toàn vệ sinh lao động, sơ cấp cứu, an toàn vệ sinh viên được thực hiện hàng năm cho NLD theo hướng dẫn của Pháp luật. Qua các buổi đào tạo NLD được cập nhật các văn bản pháp luật mới, nắm rõ thêm về các quy định của Pháp luật đối với công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động tại nơi làm việc; quyền và nghĩa vụ của NLD; có kiến thức cơ bản về công tác đảm bảo an toàn, sơ cấp cứu tạm thời; ...

3. Chăm sóc sức khỏe cho NLD

3.1. Khám sức khỏe định kỳ

Hàng năm, Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động tại các bệnh viện lớn, có uy tín. Trong năm 2024, tổng số người khám sức khỏe định kỳ là 452 người; chi phí khám sức khỏe cho người lao động là 273,3 triệu đồng. Chất lượng sức khỏe của người lao động được cải thiện, những trường hợp khác, Công ty có lộ trình hướng dẫn người lao động điều trị cải thiện để đảm bảo sức khỏe làm việc hoặc bố trí việc làm phù hợp.

3.2. Khám bệnh nghề nghiệp

Hàng năm Công ty tổ chức khám bệnh nghề nghiệp cho đối tượng lao động trực tiếp tại các Chi nhánh xăng dầu như khám nhiễm độc hóa chất nghề nghiệp (benzen), khám sạm da nghề nghiệp, khám nốt dầu nghề nghiệp 1 lần/năm, Công ty thực hiện khám cho NLD vào tháng 8/2024. Kết quả không có người lao động bị bệnh nghề nghiệp, các chỉ số sức khỏe nằm trong giới hạn bình thường. Tổng số tiền tổ chức khám bệnh nghề nghiệp năm 2024: 214 triệu đồng.

3.3. Cấp phát thuốc, túi sơ cấp cứu

Định kỳ 6 tháng/lần, Công ty tổ chức cấp phát thuốc, túi sơ cấp cứu cho các đơn vị. Luôn đảm bảo số lượng và chất lượng thuốc tại các đơn vị đúng theo quy định. Tổng số tiền trang bị: 24,3 triệu đồng.

3.4. Kết quả kiểm tra chỉ tiêu nước uống

Công ty ký Hợp đồng cung cấp nước uống với đơn vị cung cấp nước uống Choliwa cho toàn Công ty. Kết quả kiểm tra chỉ tiêu nước uống định kỳ 6 tháng/ lần tại Viện y tế công cộng TP.HCM đạt theo Quy chuẩn Việt Nam QCVN 6-1:2010/BYT do Bộ Y tế ban hành.

4. Kết quả thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội

Ngoài việc thăm hỏi tặng quà cán bộ hưu trí, tặng quà cho thiếu nhi là con của NLD Công ty, Công ty còn thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội: hỗ trợ kinh phí chăm lo Tết Giáp Thìn cho Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 3, TP.HCM và ủng hộ các tỉnh phía Bắc bị thiệt hại do bão Yagi năm 2024 với tổng số tiền là 56.100.000 đồng.

Phần 3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2024, nền kinh tế nước ta đã dần phục hồi và quay trở lại quỹ đạo tăng trưởng sau đại dịch COVID-19, GDP ước đạt trên 7%. Tuy nhiên, tình hình địa chính trị thế giới năm 2024 vẫn còn bất ổn, kéo dài đã gây ảnh hưởng xấu đến chuỗi cung ứng hàng hóa và làm chậm lại tốc độ phục hồi kinh tế của các quốc gia trên thế giới, dẫn đến tổng cầu giảm, các doanh nghiệp trong nước gặp nhiều khó khăn, nhu cầu về nhiên liệu giảm. Bên cạnh đó, việc chậm giải ngân đầu tư công, thiên tai bão lũ,... cũng ảnh hưởng nhiều đến sản lượng bán hàng của COMECO.

Chỉ số giá tiêu dùng gia tăng, việc tiếp cận vốn vay khó khăn làm cho các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong nước gặp nhiều khó khăn nên nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu giảm.

Tình trạng kẹt xe trong nội đô Thành phố, việc phân luồng giao thông, thi công các công trình hạ tầng (cầu, đường,...), các dự án cải tạo nâng đường chống ngập, thoát nước, việc cấm xe ô tô giường nằm lưu thông trong nội đô tiếp tục ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các chi nhánh xăng dầu (CNXD).

Xu hướng phát triển xe điện, xe sử dụng công nghệ cao tiết kiệm nhiên liệu ảnh hưởng lớn đến sản lượng bán ra của các CNXD.

Việc thực hiện quy định xuất hóa đơn theo từng lần bán hàng tại các CNXD theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ cũng ảnh hưởng đến sản lượng bán hàng của CNXD do giảm giờ bán hàng để phục vụ công tác chốt số liệu báo cáo, xuất hóa đơn theo quy định.

CNXD số 21 và 34 phải ngưng hoạt động kể từ cuối tháng 5/2024 và tháng 8/2024 do hợp đồng hợp tác kinh doanh không đáp ứng được các quy định của pháp luật về cửa hàng đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu cũng ảnh hưởng nhiều đến sản lượng kinh doanh của Công ty.

Với quy định 07 ngày điều chỉnh giá 01 lần theo Nghị định 80/2023/NĐ-CP ngày 17/11/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 95/2021/NĐ-CP ngày 01/11/2021 và Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu, việc quản lý và kinh doanh xăng dầu của Công ty cũng gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là việc quản trị hàng tồn kho để giảm thiểu thiệt hại khi giảm giá bán lẻ và gia tăng lợi nhuận khi tăng giá bán lẻ. Năm 2024, có 52 lần điều chỉnh giá bán lẻ trong nước (16 lần tăng giá xăng dầu; 23 lần giảm giá xăng dầu; 13 lần điều chỉnh khác: tăng giá xăng, giảm giá dầu; hoặc tăng giá dầu, giảm giá xăng; hoặc chỉ điều chỉnh tăng/giảm 01 mặt hàng xăng/dầu).

Ngoài ra, với sự đa dạng nguồn hàng, sự cạnh tranh khốc liệt về giá của các doanh nghiệp dầu mỡ, thương nhân phân phối cũng ảnh hưởng nhiều đến mảng kinh doanh bán sỉ của Phòng Kinh doanh và bán lẻ của Khối CNXD.

Nhiều khoản chi phí tiếp tục tăng cao: tiền thuê cửa hàng xăng dầu, tiền điện, nước; chi phí đầu tư thiết bị, phần mềm xuất hóa đơn điện tử theo từng lần bán hàng cho toàn bộ hệ thống CNXD của Công ty và chi phí sử dụng hóa đơn cũng gia tăng theo số lượng hóa đơn phát sinh cho từng lần bán hàng; chi phí đầu tư cải tạo, nâng cấp CNXD cho phù hợp với quy định pháp luật và đảm bảo hoạt động kinh doanh; chi phí

đầu tư bằng hiệu cho hệ thống CNXD, khách hàng thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu,...

Việc đầu tư phát triển mạng lưới kinh doanh bán lẻ xăng dầu có nhiều khó khăn do công tác quản lý sử dụng đất đai của Nhà nước ngày càng chặt chẽ, các doanh nghiệp không được phép cho thuê lại đất, cho thuê tài sản trên đất thuê trả tiền hàng năm, hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh thì không đáp ứng được quy định của pháp luật về cửa hàng đủ điều kiện kinh doanh bán lẻ xăng dầu.

Nội bộ đoàn kết. Công ty đảm bảo việc làm, thu nhập và các chế độ chính sách đối với NLD.

BẢNG THỐNG KÊ CÁC ĐỢT THAY ĐỔI GIÁ BÁN LẺ XĂNG DẦU NĂM 2024

Đvt: đồng/lít

THỜI GIAN ĐIỀU CHỈNH GIÁ	XĂNG RON 95-V	XĂNG RON 95-III	XĂNG E5 RON 92-II	DẦU DO 0,05S	DẦU DO 0,001S-V
15 giờ ngày 04/01/2024		↓230	↓180	↓420	↓420
15 giờ ngày 11/01/2024		↑20	↑40	↑340	↑340
15 giờ ngày 18/01/2024		↑550	↑370	↑490	↑490
15 giờ ngày 25/01/2024		↑920	↑760	↑180	↑180
15 giờ ngày 01/02/2024		↑760	↑740	↑620	↑620
15 giờ ngày 08/02/2024		↓900	↓790	↓290	↓290
15 giờ ngày 15/02/2024		↑650	↑710	↑660	↑670
15 giờ ngày 22/02/2024		↓320	↓360	↓450	↓450
15 giờ ngày 29/02/2024		↑330	↑280	↓140	↓140
15 giờ ngày 07/03/2024		↓370	↓240	↓300	↓300
15 giờ ngày 14/03/2024		↓10	↓20	↑70	↓290
15 giờ ngày 21/03/2024		↑740	↑720	↑470	↑470
15 giờ ngày 28/03/2024		↑530	↑410	↓320	↓320
15 giờ ngày 04/04/2024	↓10	↓10	↑290	↑290	↑290
15 giờ ngày 11/04/2024	↑140	↑20	↓70	↑630	↑610
15 giờ ngày 17/04/2024	↑410	↑410	↑380	↓170	↓170
15 giờ ngày 25/04/2024	↓320	↓320	↓310	↓730	↓730
15 giờ ngày 02/05/2024	↑40	↑40	0	↓110	↓110
15 giờ ngày 09/05/2024	↓1.410	↓1.410	↓1.290	↓760	↓760
15 giờ ngày 16/05/2024	↓450	↓410	↓510	↑30	↑50
15 giờ ngày 23/05/2024	↑80	↑80	↑160	↓40	↓40
15 giờ ngày 30/05/2024	↓700	↓700	↓520	↓90	↓90
15 giờ ngày 06/06/2024	↓540	↓540	↓610	↓320	↓320

15 giờ ngày 13/06/2024	↑260	↑260	↑170	↑220	↑230
15 giờ ngày 20/06/2024	↑230	↑230	↑190	↑720	↑720
15 giờ ngày 27/06/2024	↑550	↑550	↑510	↑320	↑320
15 giờ ngày 04/07/2024	↑460	↑540	↑450	↑490	↑330
15 giờ ngày 11/07/2024	↓140	↓260	↓180	↓340	↓620
15 giờ ngày 18/07/2024	↓120	↓120	↓110	↓330	↓330
15 giờ ngày 25/07/2024	↓290	↓290	↓270	↓310	↓310
15 giờ ngày 01/08/2024	↓280	↓280	↓290	↓320	↓320
15 giờ ngày 08/08/2024	↓930	↓930	↓900	↓730	↓730
15 giờ ngày 15/08/2024	↑230	↑180	↑170	↑90	↑210
15 giờ ngày 22/08/2024	↓540	↓540	↓460	↓460	↓460
15 giờ ngày 29/08/2024	↓210	↓210	↓90	↓300	↓300
15 giờ ngày 05/09/2024	↓280	↓280	↓360	↓380	↓380
15 giờ ngày 12/09/2024	↓1.230	↓1.190	↓1.080	↓930	↓820
15 giờ ngày 19/09/2024	↑130	↑130	↑50	↓120	↓120
15 giờ ngày 26/09/2024	↑750	↑750	↑680	↑460	↑460
15 giờ ngày 03/10/2024	↓710	↓710	↓770	↓100	↓100
15 giờ ngày 10/10/2024	↑1.260	↑1.260	↑990	↑1.100	↑1.100
15 giờ ngày 17/10/2024	↓120	↓100	↓110	↓180	↓280
15 giờ ngày 24/10/2024	↓70	↓70	↓40	↓270	↓340
15 giờ ngày 31/10/2024	↓390	↓390	↓290	↑90	↑50
15 giờ ngày 07/11/2024	↑350	↑350	↑340	↑770	↑760
15 giờ ngày 14/11/2024	↓210	↓250	↓290	↓340	↓460
15 giờ ngày 21/11/2024	↓80	↓80	↓110	↓70	↓50
15 giờ ngày 28/11/2024	↑330	↑330	↑500	↑270	↑320
15 giờ ngày 05/12/2024	↓290	↓290	↑20	↓390	↓360
15 giờ ngày 12/12/2024	↓30	↑30	0	↓130	↓130
15 giờ ngày 19/12/2024	↑410	↑410	↑380	↑480	↑540
15 giờ ngày 26/12/2024	↓460	↓460	↓430	↓100	↓140
TỔNG CỘNG	Giảm 4.180	Giảm 1.600	Giảm 1.370	Giảm 1.150	Giảm 1.920

Ghi chú:

Công ty triển khai kinh doanh Xăng RON 95-V từ đầu tháng 4/2024.

II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài sản

SỐ TT	KHOẢN MỤC	SỐ CUỐI NĂM (đồng)	SỐ ĐẦU NĂM (đồng)	TỶ LỆ (%)
A	B	1	2	3 (1/2)
1	Tài sản ngắn hạn	205.484.626.173	199.890.601.067	102,80
2	Tài sản dài hạn	279.282.264.165	290.305.186.578	96,20
	TỔNG CỘNG	484.766.890.338	490.195.787.645	98,89

Bảng giá trị tài sản cố định hữu hình của Công ty (tại thời điểm 31/12/2024)

SỐ TT	KHOẢN MỤC	NGUYÊN GIÁ (đồng)	GIÁ TRỊ CÒN LẠI (đồng)	TỶ LỆ (%)
A	B	1	2	3 (2/1)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	176.973.592.928	111.079.949.309	62,77
2	Máy móc thiết bị	26.317.059.745	1.552.844.283	5,90
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	23.811.998.083	7.707.707.112	32,37
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	3.954.810.591	223.730.000	5,66
	TỔNG CỘNG	231.057.461.347	120.564.230.704	52,18

Nhận xét:

- Tài sản ngắn hạn: Cuối năm 2024 tài sản ngắn hạn tăng 2,80% so với năm 2023 chủ yếu do hàng tồn kho, nợ phải thu tăng.
- Tài sản dài hạn: Trong năm 2024, giá trị tài sản dài hạn giảm 3,80% so với năm 2023 do chi phí xây dựng cơ bản dở dang giảm.
- COMECO có thể khẳng định rằng: Trong năm 2024 nền tài chính của COMECO hoàn toàn chủ động, vốn đầu tư cho các dự án được đáp ứng đầy đủ theo đúng tiến độ.
- Việc trích lập các quỹ theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ và nghị quyết của HĐQT.

2. Tình hình nợ phải trả

Đơn vị: đồng

SỐ TT	KHOẢN MỤC	SỐ CUỐI NĂM (31/12/2024)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2024)	TỶ LỆ (%)
A	B	1	2	3 (1/2)
01	Nợ ngắn hạn	50.481.028.465	51.011.163.798	98,96
02	Nợ dài hạn	-	-	0
	TỔNG CỘNG	50.481.028.465	51.011.163.798	98,96

Nhận xét: Nợ phải trả trong năm 2024 của Công ty giảm 1,04% so với năm 2023 chủ yếu do thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, phải trả ngắn hạn khác giảm.

III. NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

- Trước những áp lực lớn về khó khăn của thị trường xăng dầu nhưng được sự hỗ trợ tích cực từ các cổ đông lớn và của HĐQT Công ty đã nỗ lực tối đa để phục vụ khách

hàng và đảm bảo sự ổn định, an toàn trong kinh doanh và đảm bảo được thu nhập cho NLD. Điều này đã tạo được niềm tin và sự gắn bó của NLD với Công ty.

- Công tác đầu tư được tiến hành theo kế hoạch đã được HĐQT phê duyệt. Năm 2024, Công ty đã thực hiện được những nội dung sau:

+ Đầu tư sửa chữa, cải tạo CNXD số 22, 36, 47; cải tạo sân nền, lối ra vào, mái che, nhà vệ sinh các CNXD số 7, 25, 29, 33, 44 và 45; trang bị mới hệ thống máy Foam chữa cháy cho các CNXD số 7, 14 và 15.

+ Đầu tư trang thiết bị và phần mềm hóa đơn điện tử từng lần bán hàng.

+ Đầu tư hệ thống máy tính phần mềm chống virus, nâng cao tính năng bảo mật, chống việc tấn công từ bên ngoài.

+ Thực hiện sửa chữa trụ bơm, hệ thống điện và các sửa chữa nhỏ khác theo yêu cầu của CNXD để đảm bảo an toàn trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

+ Đầu tư trang trí Hệ thống nhận diện thương hiệu COMECO cho CNXD của COMECO và các khách hàng thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu: trang bị mới bảng hiệu, hộp đèn logo, biểu trưng kỷ niệm 50 năm thành lập COMECO,...

+ Đầu tư sửa chữa các hạng mục cho các xe bồn Công ty đáp ứng yêu cầu kiểm định, đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển.

+ Đầu tư mới 03 xe bồn thay thế 05 xe hết hạn lưu hành cuối năm 2024.

+ Đầu tư phát triển thêm được 01 CNXD (CNXD số 48 đi vào hoạt động từ tháng 4/2024).

+ Tập trung hoàn thiện hồ sơ pháp lý về đất đai các mặt bằng của Công ty. Tuy nhiên, do những khó khăn khách quan từ phía cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên tiến độ thực hiện những công việc này còn chậm.

- Công tác tổ chức và quản lý:

+ Tổ chức 04 buổi TGD gặp gỡ sinh hoạt với tất cả NLD. Qua các buổi gặp gỡ, TGD sinh hoạt một số nội dung liên quan đến thực hiện Mục tiêu chất lượng năm 2024, Nội quy lao động; Quy trình bán hàng và một số quy định khác của Công ty đến toàn thể NLD. Đồng thời, TGD cũng động viên NLD yên tâm công tác, thực hành tiết kiệm, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh; đoàn kết, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ, góp phần hoàn thành tốt mục tiêu chất lượng 2024. Ngoài ra, Ban QTCLTD phối hợp Công đoàn tổ chức đào tạo các tình huống bán hàng cho toàn thể NLD.

+ Rà soát sửa đổi, bổ sung và ban hành một số Quy định phục vụ cho công tác quản lý và phát triển SXKD như: Quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ của Đội Phòng cháy chữa cháy & cứu nạn cứu hộ cơ sở; Quy định về việc sử dụng tạo lập phát hành hóa đơn điện tử tại CNXD; Quy định chế độ báo cáo, nộp tiền của CNXD; Quy chế hoạt động của Công ty; Quy định về trình tự, thủ tục áp dụng trong việc mua sắm hàng hóa, thuê dịch vụ của Công ty; Quy định về quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ nhập xuất hàng hóa và lưu trữ thông tin trên hệ thống mạng vi tính; Quy định về quản lý Phiếu nhiên liệu kính biểu; Quy định về thực hiện chương trình khuyến mại; Quy định quản lý sử dụng chứng thư số, chữ ký số và giao dịch điện tử tại Công ty, Quy định về việc khen thưởng NLD giới thiệu khách hàng mới cho Công ty, Quy định về việc quản lý hao hụt xăng dầu, Quy định thi đua, khen thưởng của Công ty.

- Công tác tuyển dụng, đào tạo, quy hoạch, bổ nhiệm và bố trí công việc hợp lý và đạt hiệu quả, cụ thể:

+ Tuyển mới 47 lao động đáp ứng kịp thời nhu cầu lao động cho các đơn vị; hoán chuyển lao động về làm việc gần nhà để tạo điều kiện thuận lợi cho NLĐ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc sắp xếp ca kíp của các CNXD.

+ Tổ chức đào tạo các lớp nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu; Nhận thức cơ bản ISO 9001:2015; Đánh giá viên trưởng Hệ thống QTCLTD ISO 9001:2015; Quản trị mạng; Lập trình viên Python; Khóa học xử lý và chuẩn hóa các sai phạm về hóa đơn; Đánh giá viên nội bộ; Cửa hàng trưởng; Kế toán trưởng; Nhận biết rủi ro về hóa đơn điện tử trong thời đại số, Đào tạo các tình huống bán hàng trong kinh doanh xăng dầu,... Ngoài ra, Công ty còn cử 15 NLĐ học Đại học (liên thông, chính quy, văn bằng 2) các ngành Luật Kinh doanh, Kế toán doanh nghiệp, QTKD, Xây dựng dân dụng để nâng cao trình độ nghiệp vụ.

+ Tiếp tục quy hoạch mới và duy trì quy hoạch gồm 05 cán bộ dự bị cho các chức danh chủ chốt; 10 cán bộ cho chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc các Phòng, Ban; 05 cán bộ cho chức danh quản lý Khối CNXD.

+ Bổ nhiệm 08 cán bộ cho các chức danh gồm Kế toán trưởng - Giám đốc Tài chính, Phó Giám đốc, Phó Phụ trách Chi nhánh, Trưởng Chi nhánh, Nhân viên thống kê.

- Duy trì và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát quản lý đo lường, chất lượng hàng hóa trong quá trình vận chuyển, lưu kho và lưu thông.

- Hệ thống Quản trị Chất lượng Toàn diện được duy trì và cải tiến thường xuyên góp phần nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Năm 2024, Tổ chức chứng nhận BVC của Vương Quốc Anh đánh giá giám sát định kỳ, kết quả Hệ thống Quản trị Chất lượng của Công ty được duy trì tốt.

+ Tổ chức đánh giá nội bộ tất cả các đơn vị tối thiểu 02 lần/năm, kiểm tra được 94 lượt xe bồn (21/21 xe); kết quả có 57 điểm nhận xét và 02 điểm không phù hợp, đến nay đã khắc phục xong. Sau mỗi đợt đánh giá, Công ty đều có chỉ đạo các đơn vị thực hiện hành động khắc phục.

+ Kết quả kiểm tra, đánh giá của các cơ quan chức năng về PCCC, sử dụng cột đo, chất lượng xăng dầu, hồ sơ pháp lý,... đều đạt yêu cầu. Đặc biệt, trong tháng 5/2024, Cục quản lý thị trường TPHCM kiểm tra Công ty về việc chấp hành các quy định của pháp luật trong sản xuất kinh doanh xăng dầu, kết quả COMECO đạt kết quả tốt, chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình kinh doanh.

- Các quy định về tiết kiệm, về dân chủ, về đối thoại được duy trì thường xuyên. Công ty thực hiện đối thoại tại nơi làm việc theo đúng quy định của pháp luật. Năm 2024, Công ty tiếp nhận nhiều ý kiến đóng góp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; trong đó có 16 ý tưởng của 31 NLĐ được công nhận là giải pháp mới và được khen thưởng kịp thời.

- Công tác quản lý tài chính được thực hiện tốt, tình hình tài chính lành mạnh, công khai, minh bạch; quản lý tốt công nợ khách hàng, không có nợ xấu.

- Công tác an ninh trật tự và an toàn cháy nổ được đảm bảo. Ngày 20/02/2024, UBND Thành phố ban hành Quyết định số 536/QĐ-UBND công nhận Công ty đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh trật tự" năm 2023.

- Qua tổng kết cuối năm 2024, Công ty đã khen thưởng và đề nghị khen thưởng nhiều hạng thành tích gồm có:

+ Về tập thể: 21 tập thể được đề nghị tập thể lao động xuất sắc, 03 tập thể được đề nghị tặng Bằng khen Ủy ban Nhân dân Thành phố, 15 tập thể lao động tiên tiến, 07 tập thể được đề nghị Giấy khen Văn phòng Thành ủy, 08 tập thể đạt Giấy khen Công ty và 01 tập thể đạt biểu dương của Công ty.

+ Về cá nhân: 40 cá nhân đạt Chiến sĩ thi đua cơ sở, 04 cá nhân được đề nghị tặng Bằng khen Ủy ban Nhân dân Thành phố, 21 cá nhân được đề nghị Giấy khen Văn phòng Thành ủy, 105 cá nhân đạt Giấy khen Công ty và 32 cá nhân đạt biểu dương của Công ty.

- Ban Lãnh đạo Công ty luôn có sự động viên khen thưởng kịp thời, đảm bảo các điều kiện về vật chất và tinh thần để NLD yên tâm phục vụ. Các chế độ chính sách được thực hiện đầy đủ. 100% NLD được thực hiện đầy đủ các quyền lợi và chế độ, không có trường hợp khiếu nại về chế độ chính sách. Các khoản chi lương, chi BHXH (ốm đau, thai sản,...) và các chính sách khác được đảm bảo kịp thời.

- Tổ chức cho NLD và thân nhân đi nghỉ dưỡng tại Vũng Tàu theo Thỏa ước lao động Tập thể; cán bộ chủ chốt đi tham quan Hải Phòng, Hạ Long; tổ chức gặp gỡ NLD nữ tại Sa Đéc - Cần Thơ nhân ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3; tổ chức gặp gỡ, tặng quà cho chị em phụ nữ nhân ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10. Ngoài ra, Công ty còn tổ chức các hoạt động văn thể mỹ, hội thi khác cho NLD.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho NLD. Cấp phát đồng phục bảo hộ lao động cho NLD đúng quy định về thời gian.

- Môi trường làm việc được đảm bảo; các yếu tố môi trường được quan tâm, kết quả số liệu đo đạc về môi trường làm việc đều nằm trong giới hạn quy định.

IV. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2025

1. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2025

- Doanh thu : 3.850 tỷ đồng

- Lợi nhuận sau thuế : 16 tỷ đồng

Số liệu chỉ tiêu kế hoạch trên đây chỉ là số liệu tạm thời, số liệu chính thức sẽ trình để cổ đông thông qua tại kỳ ĐHCĐ thường niên năm 2025.

2. Giải pháp thực hiện

2.1. Nhóm giải pháp về phát triển sản xuất kinh doanh

- Đảm bảo số lượng, chất lượng hàng hóa cung ứng ra thị trường; nâng cao chất lượng dịch vụ đặc biệt là dịch vụ bán lẻ tại các CNXD, thực hiện tốt chuẩn Quy trình bán hàng tại CNXD; chính sách bán hàng, hỗ trợ đầu tư, phát triển dịch vụ thanh toán bằng thẻ, ví điện tử, bán hàng thông qua chương trình khách hàng thành viên PVOIL để giữ và thu hút khách hàng. Tiếp tục rà soát bố trí các mặt hàng nhiên liệu tại các CNXD cho phù hợp với nhu cầu của khách hàng, phát triển kinh doanh các mặt hàng nhiên liệu chất lượng cao (Xăng Ron 95-V, Dầu DO 0,001S-V,...) đáp ứng tiêu chuẩn đối với các xe đời mới.

- Duy trì và phát triển hệ thống mạng lưới các CNXD bằng cách đàm phán kéo dài thời hạn hợp đồng thuê đối với các cửa hàng xăng dầu hiện hữu; hợp tác, đầu tư kinh doanh cửa hàng xăng dầu dưới nhiều hình thức. Khen thưởng cho các đơn vị, cá nhân giới thiệu được địa điểm phù hợp để Công ty phát triển cửa hàng xăng dầu.

- Duy trì ổn định và phát huy hiệu quả hệ thống khách hàng nhận quyền bán lẻ xăng dầu. Cải tiến chính sách bán hàng theo hướng gia tăng chia sẻ lợi ích với khách

hàng để tăng sản lượng và thị phần; đồng thời tăng cường dịch vụ hậu mãi để giữ và thu hút khách hàng.

- Tập trung tìm kiếm khách thuê văn phòng, kho bãi để lấp đầy diện tích trống Tòa nhà COMECO và các mặt bằng còn trống của Công ty. Thường xuyên rà soát hồ sơ pháp lý các mặt bằng của Công ty để có phương án khai thác phù hợp và hiệu quả theo từng giai đoạn.

- Thực hiện tốt công tác mua hàng nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh, hạn chế rủi ro khi thị trường biến động.

2.2. Nhóm giải pháp về đầu tư và phát triển khoa học công nghệ

- Tiếp tục đa dạng hình thức thanh toán, đẩy mạnh hình thức thanh toán qua các loại thẻ ngân hàng, thanh toán điện tử. Nghiên cứu phát triển kinh tế số.

- Tiếp tục đầu tư máy móc, trang thiết bị công nghệ cao để phục vụ cho kinh doanh, quản lý và đảm bảo an toàn PCCC.

- Đầu tư cải tạo, sửa chữa các CNXD phù hợp với quy định và tình hình kinh doanh.

- Tiếp tục xây dựng kế hoạch chuyển hướng đầu tư tại một số mặt bằng.

- Tiếp tục hoàn thiện phần mềm tin học phục vụ kinh doanh, thuận tiện cho công tác quản lý, nâng cao năng suất lao động.

- Tiếp tục triển khai áp dụng giải pháp mới để tiết kiệm và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

2.3. Nhóm giải pháp về lao động và tiền lương

- Tăng cường công tác đào tạo tại chỗ và mở rộng kiến thức đối với cán bộ quản lý, cán bộ trẻ. Cải tiến công tác đào tạo, chú trọng hình thức đào tạo thực hành tại chỗ.

- Tăng cường thông tin nội bộ và trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm.

- Tiếp tục cải tiến chế độ tiền lương để tiền lương thực sự là đòn bẩy để phát triển kinh doanh và thu hút lao động chất xám. Khen thưởng động viên kịp thời NLD.

- Thực hiện đầy đủ, có chất lượng công tác tuyển dụng, đào tạo, quy hoạch và luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ. Rà soát nâng cao hiệu quả sử dụng cán bộ, chuyên viên, NLD. Nâng cao việc bố trí, sắp xếp lao động, công việc cho hợp lý hơn nữa.

- Phát huy hơn nữa vai trò các đoàn thể để phát triển phong trào thi đua nhằm nâng cao năng suất lao động và phát huy dân chủ cơ sở và phát triển Văn hóa, Thương hiệu. Đồng thời, phát huy vai trò xung kích, sẵn sàng nhận nhiệm vụ khi Công ty có nhu cầu, hỗ trợ các đơn vị trong các trường hợp bất khả kháng.

2.4. Nhóm giải pháp về quản lý

- Quán triệt các quy định, chính sách đến từng NLD để NLD hiểu và thực hiện tốt. Lãnh đạo ổn định tư tưởng NLD. Chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho NLD. Thực hiện tốt việc quản lý và động viên NLD, đoàn kết nhất trí trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Tạo môi trường làm việc an toàn, thân thiện; xây dựng nền văn hóa Công ty mạnh để thu hút và giữ chân nhân viên giỏi.

- Phân công bố trí ca kíp hợp lý; duy trì bán hàng giờ cao điểm (cán bộ quản lý các CNXD phải có mặt tại khu vực trụ bơm trong các giờ cao điểm để giúp đỡ, động viên nhân viên bán hàng và kịp thời giải quyết các tình huống phát sinh) không để xảy ra tình trạng ùn tắc làm ảnh hưởng đến kinh doanh. Tăng cường dịch vụ hậu mãi. Thực hiện triệt để nói lời "cảm ơn" khách hàng trong toàn Công ty.

- Duy trì Hệ thống Quản trị Chất lượng Toàn diện. Tăng cường công tác đánh giá nội bộ, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định, quy trình, hướng dẫn công việc; tiếp tục thực hiện các công việc để hoàn thiện phần mềm quản lý tổng thể COMECO; đồng thời rà soát, chỉnh sửa các Quy định về quản lý cho phù hợp với thực tiễn sản xuất kinh doanh.

- Quản lý chặt chẽ tình hình kinh doanh và công nợ. Xử lý thông tin kịp thời để có quyết định kinh doanh phù hợp nâng cao hiệu quả kinh doanh, đồng thời hạn chế rủi ro trong kinh doanh.

- Quản lý chặt chẽ công tác phòng cháy và huấn luyện thường xuyên công tác chữa cháy để đảm bảo an toàn kinh doanh. Đảm bảo công tác đo lường, PCCC, chất lượng, số lượng hàng hóa bán ra theo đúng quy định.

- Duy trì và phát triển các phong trào thi đua trong sản xuất kinh doanh, thi đua thực hành tiết kiệm, thi đua phát ý tưởng mới (SK, GPM,...).

- Thực hiện tốt trách nhiệm cộng đồng để làm tốt công tác chính sách xã hội và kết hợp quảng bá phát triển thương hiệu COMECO.

COMECO tin tưởng rằng với sự đoàn kết, đồng lòng, nhất trí, sự nỗ lực cố gắng, quyết tâm của tập thể lãnh đạo và toàn thể NLĐ trong năm 2025, COMECO sẽ phát huy tối đa lợi thế, thành tựu và bài học kinh nghiệm đã đạt được, đồng thời hạn chế và khắc phục các tồn tại để vượt qua khó khăn, hoàn thành toàn diện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025.

V. GIẢI TRÌNH CỦA BAN TGD ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

BCTC năm 2024 của Công ty đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS) kiểm toán. AASCS thống nhất toàn bộ nội dung, không có ý kiến ngoại trừ hoặc ý kiến lưu ý nào đối với BCTC năm 2024 do Công ty lập và đã phát hành Báo cáo kiểm toán số: 71A/BCKT/TC/2025/AASCS ngày 28/02/2025 (đính kèm bên dưới).

VI. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

1. Bảo vệ môi trường

Một trong mười hai nội dung giá trị cốt lõi của COMECO là tiêu chí: Thái độ đối với cộng đồng xã hội. Nội dung của tiêu chí này là: “*Bảo vệ sức khỏe – Gìn giữ môi trường – Hòa hợp cộng đồng*”. Giá trị này được xuất phát từ cái tâm của các nhà quản trị và NLĐ Công ty hướng đến sự an toàn và phát triển bền vững. Điều đó được thể hiện qua các nội dung công việc cụ thể như sau:

- Đường ống xảng dầu của các CNXD COMECO được thiết kế theo đúng tiêu chuẩn an toàn, có bể thu gom chất thải xảng dầu trước khi đưa ra hệ thống thoát nước chung của Thành phố đảm bảo môi trường đất, nước, không khí tại CNXD COMECO.

- Các CNXD của COMECO đều có cây xanh góp phần thực hiện phong trào “**Cửa hàng Xảng dầu COMECO: Xanh hơn – Đẹp hơn**” do Công ty phát động từ tháng 5/2011, đồng thời góp phần giảm bớt lượng khí phát thải ra môi trường.

- Tất cả các CNXD của COMECO đều được kiểm tra, đánh giá và cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường của Sở Tài nguyên Môi trường Tp.Hồ Chí Minh.

- Hàng năm, các CNXD đều được Phân viện Bảo hộ Lao động phía Nam đo kiểm tra môi trường, kết quả các tiêu chí đều nằm trong giới hạn cho phép.

- COMECO có thủ tục về quản lý môi trường và quản lý An toàn Sức khỏe Nghề nghiệp. Định kỳ hoặc đột xuất có kiểm tra đánh giá nội bộ.

- Bên cạnh đó, nhằm góp phần vào việc chống biến đổi khí hậu, toàn Công ty COMECO (Tòa nhà COMECO và hệ thống các CNXD) có quy định về thời gian mở, tắt các thiết bị điện, đèn chiếu sáng, quảng cáo,... sử dụng dần các thiết bị ít tiêu hao nhiên liệu, năng lượng và thân thiện với môi trường. Qua đó, NLD Công ty nâng cao được ý thức tiết kiệm điện và bảo vệ môi trường.

2. Trách nhiệm đối với NLD

- COMECO luôn xem NLD là vốn quý nên NLD ngoài việc được hưởng đầy đủ các chế độ về lao động và tiền lương theo quy định của Nhà nước; Công ty còn có những đãi ngộ riêng theo Thỏa ước Lao động Tập thể; môi trường và điều kiện làm việc luôn được an toàn.

- Các chế độ đối với NLD được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật về lao động và tiền lương. Ngoài ra, Công ty cũng ban hành các quy định, quy chế để bảo vệ lợi ích cho NLD như: Quy định đón tiếp nhân viên mới, Quy định trợ cấp thêm khi nghỉ hưu, Quy định về tổ chức sinh nhật cho NLD Công ty, Quy định chế độ đối với NLD đi thi hành nghĩa vụ quân sự, Quy định chế độ cho NLD làm việc nơi xa, Quy chế đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho NLD Công ty, Quy chế thực hiện đối thoại định kỳ tại Công ty, Quy chế thực hiện dân chủ tại Công ty nhằm thực hiện các chế độ cho NLD một cách ổn định.

- Ngoài việc thực hiện các nội dung của Quy chế dân chủ, Công ty còn lập hòm thư nhằm tiếp nhận các phản ánh của NLD, đồng thời vào thứ hai tuần cuối hàng tháng TGD cũng sắp xếp lịch để tiếp NLD.

- Lãnh đạo Công ty luôn quan tâm cải tiến chính sách về vật chất và tinh thần đối với NLD đặc biệt đối với lao động nữ: ưu tiên cho lao động nữ không phải bán xăng dầu vào ban đêm; tổ chức các buổi Hội thảo, Hội thi cho nữ NLD Công ty chào mừng Ngày quốc tế Phụ nữ 08/3 và Ngày thành lập Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam 20/10; tổ chức nghỉ dưỡng hàng năm,... Bên cạnh đó, Công ty cũng luôn tạo điều kiện cho lao động nữ tham gia công tác quản lý. Tính đến 31/12/2024 có 10 lao động nữ từ trường phó đơn vị trở lên trong đó có 06 lao động nữ được tiếp tục quy hoạch ở vị trí cao hơn.

Đồng thời khuyến khích, động viên NLD tham gia học tập theo định hướng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Công ty; luôn tạo môi trường làm việc bình đẳng, gắn kết, thể hiện:

“Bản sắc nhân văn - đề cao giá trị đạo đức truyền thống”

3. Trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội

Ngoài việc thăm hỏi tặng quà cán bộ hưu trí, tặng quà cho thiếu nhi là con của NLD Công ty, Công ty còn thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội: hỗ trợ kinh phí chăm lo Tết Giáp Thìn cho Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 3, TP.HCM và ủng hộ các tỉnh phía Bắc bị thiệt hại do bão Yagi năm 2024 với tổng số tiền là 56.100.000 đồng.

Những việc làm trên của Công ty là thái độ của COMECO đối với cộng đồng và xã hội được thể hiện trong Giá trị cốt lõi của COMECO:

“Bảo vệ sức khỏe – Gìn giữ môi trường – Hòa hợp cộng đồng”

4. Đối với khách hàng và đối tác

Thái độ của COMECO đối với khách hàng và đối tác là:

“Chuyên nghiệp - Hợp tác - Win Win”

Với phương châm kinh doanh **“COMECO vì khách hàng phục vụ”**, COMECO luôn duy trì sự hợp tác, liên doanh, liên kết trên nguyên tắc thiện chí, tôn trọng lợi ích của các bên tham gia. Hàng năm, Công ty đều tiến hành thu thập đánh giá mức độ thỏa mãn của khách hàng thông qua phiếu tìm hiểu ý kiến khách hàng và luôn đạt mức thỏa mãn tương đối cao, cụ thể như sau :

- **Thái độ phục vụ khách hàng:** Trên 90% khách hàng nhận xét tốt về thái độ phục vụ khách hàng tận tình, chu đáo.

- **Thời gian phục vụ:** 100% khách hàng nhận xét thời gian phục vụ nhanh và tương đối nhanh.

- **Môi trường, cảnh quan:** 100% khách hàng nhận xét mặt bằng các CNXD rất sạch sẽ và sạch sẽ, được phủ xanh tạo cảnh quan đẹp ấn tượng với khách hàng.

- **Phương thức thanh toán:** 100% khách hàng nhận xét phương thức thanh toán rất đa dạng và đa dạng. Công ty triển khai đa dạng nhiều hình thức thanh toán khác nhau như Momo, Got it, Dibee, Urbox, POS, Pvoil 4U,... tạo thuận lợi nhanh chóng cho khách hàng khi vào đổ xăng dầu.

- **Phương thức giao hàng:** 100% khách hàng nhận xét phương thức giao hàng rất thuận lợi và thuận lợi.

- **Giá cả:** 100% khách hàng nhận xét rất hợp lý và hợp lý về tiêu chí giá cả.

Ngoài ra, Công ty còn lập đường dây nóng 24/24 số 38.300.222 để tiếp nhận các phản hồi của khách hàng. Lãnh đạo Công ty luôn trân trọng ghi nhận các ý kiến đóng góp; đồng thời cam kết bảo mật thông tin của khách hàng khi đóng góp ý kiến.

Bên cạnh đó, văn hóa **“COMECO nói lời cảm ơn khách hàng”** luôn được hầu hết NLD tích cực thực hiện. Mục đích muốn gửi đến khách hàng sự trân trọng, lòng biết ơn sâu sắc đã tin dùng những sản phẩm và dịch vụ của COMECO.

5. Đối với cổ đông và nhà đầu tư

Là sự ổn định gắn bó lâu dài với thái độ:

“Tin cậy - Công khai - Minh bạch”

Công ty luôn tuân thủ quy định công bố thông tin một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Tất cả các thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty trên website của Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh và website của Công ty.

Chính sách trả cổ tức các năm luôn được thực hiện đầy đủ.

Tóm lại, vì lợi ích của các bên liên quan COMECO đặt ra mục tiêu, cam kết duy trì và thực hiện tốt hơn các nội dung nêu trên với triết lý kinh doanh:

“Đại gia đình COMECO –

Tất cả vì sự hài lòng của mọi người, vì mục tiêu chung”

Với tất cả các tiêu chí trên, COMECO luôn cam kết mang đến cho NLD, khách hàng, đối tác, cộng đồng những sản phẩm dịch vụ tốt nhất, môi trường làm việc tốt nhất. Bên cạnh mục tiêu kinh doanh COMECO cũng đồng thời quan tâm đến môi trường và cộng đồng nhằm góp phần cải tạo và xây dựng môi trường sống tốt đẹp hơn.

Phần 4

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

I. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm 2024, HĐQT của Công ty đã tổ chức 51 phiên họp HĐQT để đề ra các chủ trương, định hướng đúng đắn; nghị quyết và quyết định phù hợp nhằm kịp thời chỉ đạo thực hiện các hoạt động SXKD của Công ty.

HĐQT luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty; kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện nghị quyết HĐQT, nghị quyết ĐHĐCĐ đảm bảo tính minh bạch.

HĐQT luôn tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Điều hành Công ty hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch SXKD, cho cổ đông và các nhà đầu tư cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, thanh tra, kiểm soát.

HĐQT thực hiện đầy đủ các chức năng theo quy định của Điều lệ, giám sát tốt hoạt động của Ban Điều hành.

II. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TGD, CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

1. Giám sát hoạt động của Ban TGD

Căn cứ vào Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO), HĐQT đã thực hiện giám sát hoạt động của Ban TGD trong việc triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ và nghị quyết của HĐQT năm 2024 như sau:

1.1. Phương thức giám sát

- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban TGD COMECO được thực hiện theo Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; thông qua cơ chế báo cáo định kỳ của Ban TGD cho HĐQT; báo cáo của Ban TGD tại các cuộc họp sơ kết, tổng kết của toàn hệ thống; báo cáo của TGD tại các cuộc họp HĐQT và tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2024. Hoạt động giám sát của HĐQT còn được thể hiện thông qua việc ban hành các nghị quyết, quyết định và việc thực hiện giám sát của các thành viên HĐQT đối với từng mảng công việc được phân công phụ trách.

- Đối với lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Giám sát thường xuyên việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý, năm của Ban TGD; chỉ đạo các biện pháp cần thiết để đảm bảo nguồn hàng hóa cung ứng ra thị trường và nâng cao sản lượng phục vụ.

- Đối với lĩnh vực đầu tư: Giám sát và chỉ đạo việc triển khai các dự án đầu tư theo kế hoạch năm 2024 như: đầu tư phát triển 01 cửa hàng xăng dầu mới CNXD số 48; cải tạo, nâng cấp ở một vài chi nhánh xăng dầu hiện hữu, đầu tư phần mềm phát hành hóa đơn điện tử theo từng lần bán hàng; đầu tư hệ thống phần mềm chống virus và nâng cao tính năng bảo mật, chống việc tấn công từ bên ngoài; đầu tư mới 03 xe bồn vận chuyển nhiên liệu thay cho các xe đã hết niên hạn sử dụng... Chỉ đạo TGD quản lý chặt chẽ lĩnh vực đầu tư, thực hiện việc kiểm toán theo đúng quy định và có biện pháp phòng ngừa để hạn chế rủi ro.

- Đối với công tác tổ chức và quản lý:

+ Giám sát và chỉ đạo TGD rà soát và hoàn thiện các quy định quy trình kiểm soát nội bộ và phòng ngừa rủi ro, đảm bảo cho công tác quản lý, kiểm tra, giám sát được thực thi hiệu quả. Công tác quản lý đo lường, chất lượng hàng hóa trong quá trình

vận chuyển, lưu kho và lưu thông đúng theo quy định; an ninh trật tự, an toàn cháy nổ và vệ sinh môi trường được đảm bảo.

+ Giám sát công tác nhân sự: Đảm bảo nguồn nhân lực cho công tác quản lý, điều hành. Việc quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ quản lý được thực hiện đúng theo quy định và yêu cầu quản lý công việc.

+ Chỉ đạo, giám sát công tác quản lý dòng tiền đảm bảo cho kinh doanh; sử dụng vốn an toàn, hiệu quả không để xảy ra nợ xấu ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời tăng cường công tác giám sát việc quản lý vốn đầu tư vào các doanh nghiệp khác.

+ Chỉ đạo và giám sát Ban TGD trong việc chuẩn bị các báo cáo, tờ trình và số liệu phục vụ cho ĐHĐCĐ thường niên năm 2025; thực hiện Báo cáo thường niên năm tài chính 2024.

- Công tác phối hợp hoạt động giữa HĐQT - TGD - Ban kiểm soát chặt chẽ, cùng hỗ trợ nhau trong công tác quản lý, điều hành và công tác kiểm tra, giám sát đảm bảo việc triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các nghị quyết, quyết định của HĐQT chặt chẽ, thường xuyên và hiệu quả; công tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty đúng quy định của pháp luật.

1.2. Kết quả giám sát

- Ban TGD đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng mục tiêu, định hướng của ĐHĐCĐ; kinh doanh hiệu quả; chú trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực và củng cố các nguồn lực khác nhằm xây dựng nền tảng phát triển bền vững theo định hướng của ĐHĐCĐ Công ty.

- Trong quá trình điều hành hoạt động của Công ty, Ban TGD và người điều hành khác đã tuân thủ phân cấp quản trị tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT.

- Hoạt động của Công ty năm 2024 có nhiều khó khăn do các tác động khách quan, nhưng Ban TGD đã có nhiều giải pháp điều hành linh hoạt, kịp thời, phù hợp. Kết quả kinh doanh của Công ty ổn định, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động. Thực hiện doanh thu: 4.106,544 tỷ đồng, đạt 102,66% kế hoạch năm, lợi nhuận sau thuế: 26,876 tỷ đồng, đạt 167,98% kế hoạch năm 2024.

- Ban TGD đã chủ động rà soát, điều chỉnh và bổ sung các quy định nội bộ liên quan đến kinh doanh, quản lý; sửa đổi và bổ sung các quy trình kiểm soát theo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015. Việc phân công, ủy quyền được thực hiện linh hoạt, từ đó đã phát huy được hiệu quả quản lý, điều hành. Công tác phối hợp giữa các bộ phận trong việc triển khai nghị quyết của ĐHĐCĐ và nghị quyết của HĐQT được thực hiện tốt.

Tóm lại, năm 2024, các thành viên HĐQT đã giám sát chặt chẽ và thông tin kịp thời cho HĐQT. Từ đó, HĐQT đã có ý kiến chỉ đạo, định hướng để Ban TGD điều chỉnh các hoạt động phù hợp, kinh doanh ổn định, bảo toàn và phát triển vốn.

2. Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT

Hoạt động của Tiểu ban Kiểm toán nội bộ tuân thủ theo Điều lệ, các quy định của HĐQT, Quy chế tổ chức và hoạt động của Tiểu ban Kiểm toán nội bộ, góp phần giúp HĐQT thực thi đầy đủ các nhiệm vụ trong năm 2024:

- Giám sát Báo cáo tài chính quý, bán niên và cả năm trước khi Ban Điều hành báo cáo trình HĐQT.

- Giám sát tính hiệu quả các hoạt động kiểm soát quá trình quản lý và kinh doanh của Công ty nhằm giảm thiểu rủi ro.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch kiểm toán nội bộ của Công ty.

3. Giám sát hoạt động của các cán bộ quản lý khác trong Công ty

Người quản lý Công ty gồm có TGD, các Phó TGD và Kế toán trưởng.

(Điểm 1, khoản 1, điều 1 của Điều lệ Công ty quy định “Cán bộ quản lý là TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được HĐQT phê chuẩn”).

HĐQT thực hiện việc kiểm soát hoạt động của các Phó TGD và Kế toán trưởng thông qua báo cáo của TGD và kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng thành viên.

III. CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

1. Dự báo tình hình năm 2025

- Dự báo tình hình kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, đặc biệt là chính sách thuế xuất nhập khẩu của chính quyền Mỹ hiện nay, tiềm ẩn đứt gãy chuỗi cung ứng, gây biến động giá cả và nguồn cung xăng dầu.

- Nền kinh tế trong nước mặc dù đã có những phục hồi tích cực nhưng vẫn tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Những thay đổi của chính sách vĩ mô về kinh doanh xăng dầu có thể sẽ làm giảm đi sự linh hoạt, khả năng cạnh tranh và lợi nhuận của doanh nghiệp phân phối và bán lẻ xăng dầu như Công ty. Mặt khác, xe điện phát triển nhanh dẫn đến nhu cầu về nhiên liệu sẽ giảm.

- Việc chậm giải ngân đầu tư công và chậm triển khai các công trình hạ tầng của Thành phố; tình trạng kẹt xe, ngập nước, việc phân luồng giao thông, thi công các công trình hạ tầng (cầu, đường, ...); quy định giới hạn thời gian lái xe trong ngày, tuần; các dự án cải tạo nâng đường chống ngập, thoát nước, ... ảnh hưởng đến kinh doanh của Công ty.

- Việc đầu tư phát triển mạng lưới kinh doanh bán lẻ xăng dầu tiếp tục gặp nhiều khó khăn do công tác quản lý sử dụng đất đai của Nhà nước ngày càng chặt chẽ, các doanh nghiệp không được phép cho thuê lại đất, cho thuê tài sản trên đất thuê trả tiền hàng năm, hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh thì không đáp ứng được quy định của pháp luật về cửa hàng đủ điều kiện kinh doanh bán lẻ xăng dầu; chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất hiện rất cao, chiết khấu xăng dầu thấp không đủ bù đắp chi phí nên phương án mua, chuyển nhượng quyền sử dụng đất gặp nhiều khó khăn. Mặt khác, việc cho thuê mặt bằng của các doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp có vốn của Nhà nước phải tuân thủ các quy định về đầu giá nên việc thuê mặt bằng để mở CNXD rất khó khăn.

- Nhiều khoản chi phí tiếp tục tăng cao: tiền thuê đất, thuê cửa hàng xăng dầu; tiền điện, nước; chi phí BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN tăng theo lộ trình tăng lương của Nhà nước; chi phí đầu tư cải tạo, nâng cấp CNXD cho phù hợp với quy định pháp luật và đảm bảo hoạt động kinh doanh; chi phí đầu tư, nâng cấp phần mềm quản lý theo hướng chuyển đổi số; chi phí đầu tư bảng hiệu cho hệ thống CNXD, khách hàng thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu,... sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

- Việc chậm gia hạn hợp đồng thuê đất đối với một số mặt bằng của Công ty từ các cơ quan có thẩm quyền cũng ảnh hưởng đến kế hoạch đầu tư nâng cấp một số CNXD.

Từ những tác động trên và dự báo kinh tế năm 2025 vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức; kế hoạch phát triển SXKD năm 2025 của Công ty cũng được xây dựng dựa trên những đánh giá trên nhằm đảm bảo sự an toàn, ổn định và phát triển bền vững.

2. Định hướng phát triển năm 2025

- Tập trung phát triển mảng kinh doanh nhiên liệu, tìm kiếm mặt bằng để tiếp tục phát triển chi nhánh xăng dầu. Kinh doanh ổn định và hiệu quả, phát triển các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.

- Đánh giá, điều chỉnh, bổ sung những chính sách phát triển kinh doanh, chính sách đối với các dịch vụ kinh doanh phù hợp với quy định pháp luật và tình hình thực tế để thu hút khách hàng.

- Đầu tư, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, kỹ thuật để gia tăng lợi thế cạnh tranh.

- Bên cạnh việc ổn định hoạt động kinh doanh hiện nay, Công ty cần tập trung nghiên cứu, dự báo về tác động của xu thế chuyển dịch năng lượng và sự phát triển của ngành vận tải sử dụng điện đến hoạt động của Công ty trong tương lai; trên cơ sở đó, xây dựng các phương án thích nghi; điều chỉnh định hướng, chiến lược phát triển Công ty với xu hướng tiêu dùng mới.

- Tiếp tục công tác quy hoạch cán bộ, đào tạo phát triển nguồn nhân lực luôn đáp ứng được các yêu cầu phát triển của Công ty, đáp ứng nhu cầu thay thế và bổ sung cán bộ. Tiếp tục xây dựng phong cách phục vụ chuyên nghiệp, ứng xử văn minh, lịch sự.

- Đảm bảo an toàn vốn.

- Tiếp tục chỉ đạo việc phối hợp chặt chẽ với cơ quan chức năng của tỉnh Đồng Nai để sớm được xem xét, hoàn trả các khoản đã đầu tư liên quan đến mặt bằng kho Nhơn Trạch, Đồng Nai.

Phần 5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị

HĐQT gồm 5 thành viên kiêm nhiệm.

1.1. Lý lịch HĐQT

- Ông Lê Văn Nghĩa : Chủ tịch HĐQT
 Năm sinh : 05/7/1966
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán.
 Thâm niên trong ngành : 15 năm
 - Tháng 5/1990 : công tác tại Tổng Công ty Xây dựng Đường thủy Việt Nam (Bộ GTVT) với các chức danh Trưởng phòng Tài chính Kế toán (Công ty Công trình Đường thủy Miền Trung) và Trưởng phòng Tài chính Kế toán (Công ty Công trình 86).
 - Tháng 10/2000 : chuyển công tác sang Bộ Tài chính và giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Thanh tra, sau đó làm Phó Trưởng Thanh tra Bộ Tài chính tại Tp.Hồ Chí Minh.
 - Tháng 5/2007 : làm việc tại Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (Chi nhánh Hồ Chí Minh), phụ trách Phòng Kế hoạch & Tiền Lương, sau đó là Trưởng phòng Thẩm định & Quản lý rủi ro.
 - Tháng 9/2010 : làm việc tại Ngân hàng TMCP Đại Dương (Chi nhánh Hồ Chí Minh) với chức danh Phó GD.
 - Tháng 02/2011 : công tác tại Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL), giữ chức vụ Phó Trưởng Ban Kiểm soát Nội bộ.
 - Tháng 4/2012 : Trưởng BKS COMECO đến tháng 4/2017.
 - Tháng 8/2012 : Trưởng Ban Kiểm soát Nội bộ PVOIL.
 - Tháng 4/2017 : Chủ tịch HĐQT COMECO.
 - Tháng 7/2017 : Thành viên HĐQT PVOIL cho đến nay.
 - Tháng 8/2018 : Thành viên HĐQT PVOIL cho đến nay.
 - Tháng 6/2020 : Thành viên HĐQT COMECO.
 - Tháng 4/2022 : Chủ tịch HĐQT COMECO cho đến nay.

- Ông Lê Văn Bách : Ủy viên HĐQT
 Năm sinh : 04/6/1975
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD
 Thâm niên trong ngành : 24 năm

- 2001 - 2007 : Chuyên viên Kiểm toán nội bộ Công ty Công nghiệp Hóa chất Mỏ - TKV
- Tháng 01/2008 : Phó Giám đốc phụ trách Kinh doanh Cty PETECHIM Hà Nội
- Tháng 7/2008 : Chuyên viên Phòng Kinh doanh Chi nhánh Công ty CP Hóa dầu Dầu khí Vidamo tại Miền Bắc (Nay là PVOIL Lube Miền Bắc).
- Tháng 01/2011 : Giám đốc Chi nhánh Miền Bắc Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL (PVOIL Lube).
- Tháng 7/2013 : Phó Giám đốc Công ty PVOIL Lube kiêm Giám đốc Chi nhánh Miền Bắc PVOIL.
- Tháng 7/2018 : Giám đốc PVOIL Lube cho đến nay.
- Tháng 11/2018 : Ủy viên HĐQT COMECO cho đến nay.

• Ông Lý Vĩnh Hòa : Ủy viên HĐQT.

Năm sinh : 10/8/1970
 Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Hóa
 Thâm niên trong ngành : 30 năm

- Tháng 02/1995 : Công nhân Công nghệ Nhà máy lọc dầu Cát Lái Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (Saigon Petro)
- Tháng 5/2001 : Phó Trưởng ca Công nghệ Nhà máy Lọc dầu Cát Lái Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (Saigon Petro)
- Tháng 11/2004 : Trưởng ca Công nghệ Nhà máy Lọc dầu Cát Lái Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (Saigon Petro)
- Tháng 7/2009 : Phó Giám đốc Nhà máy Lọc dầu Cát Lái Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (Saigon Petro)
- Tháng 01/2019 : Giám đốc Nhà máy Lọc dầu Cát Lái Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (Saigon Petro)
- Tháng 11/2021 : Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (Saigon Petro) cho đến nay.
- Tháng 4/2022 : Ủy viên HĐQT COMECO cho đến nay.

• Ông Huỳnh Ngọc Thành : Ủy viên HĐQT

Năm sinh : 31/7/1968
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế.
 Thâm niên trong ngành : 28 năm

- Tháng 01/1997 : nhân viên kinh doanh Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (Saigon Petro)
- Tháng 3/2004 : Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM tại Tiền Giang.
- Tháng 3/2016 : Phó Trưởng phòng kinh doanh Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (Saigon Petro)

- Tháng 11/2019 : Trưởng phòng kinh doanh Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (Saigon Petro) cho đến nay.

- Tháng 4/2022 : Thành viên HĐQT COMECO cho đến nay.

▪ Ông Lê Tấn Thương : Ủy viên HĐQT - TGD

Năm sinh : 13/11/1971

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD,

Cử nhân Anh văn,

Cử nhân Ngoại thương.

Thâm niên trong ngành : 32 năm

Thời gian gắn bó với Công ty : 32 năm (làm việc tại Công ty từ tháng 6/1993 đến nay)

- Tháng 6/1993 : nhân viên Tổ Xuất nhập khẩu.

- Tháng 7/1996 : nhân viên Phòng Kế hoạch nhiên liệu.

- Tháng 10/1999 : Phó phòng Kế hoạch nhiên liệu.

- Tháng 10/2000 : Quyền Trưởng phòng Kinh doanh nhiên liệu.

- Tháng 01/2001 : Ủy viên HĐQT và giữ chức vụ Giám đốc Kinh doanh.

- Tháng 10/2010 : Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD.

- Tháng 5/2012 : TGD cho đến nay.

- Tháng 4/2017 : Ủy viên HĐQT kiêm TGD cho đến nay.

1.2. Cơ cấu HĐQT

Đơn vị: cổ phiếu

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	CHỨC VỤ TẠI TỔ CHỨC KHÁC	SLCP SỞ HỮU	SLCP ĐẠI DIỆN SỞ HỮU	GHI CHÚ
1	Lê Văn Nghĩa	Chủ tịch	Thành viên HĐQT Tổng Công ty Dầu Việt Nam	10	3.500.816	
2	Lê Văn Bách	Thành viên	Giám đốc Công ty cổ phần Dầu nhờn PVOIL	0	2.824.200	
3	Lý Vĩnh Hòa	Thành viên	Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (Saigon Petro)	0	3.359.254	
4	Huỳnh Ngọc Thành	Thành viên	Trưởng phòng kinh doanh Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (Saigon Petro)	0	2.239.503	
5	Lê Tấn Thương	Thành viên		171.370	0	

1.3. Thay đổi thành viên HĐQT: không có

2. Các tiểu ban thuộc HĐQT: Ngày 05/8/2022 HĐQT Công ty ban hành Nghị quyết số 23-22/NQ-HĐQT thành lập Tiểu ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT.

3. Hoạt động của HĐQT năm 2024

Trong năm 2024 có tổng cộng 51 phiên họp của HĐQT. Các phiên họp của HĐQT đều có sự tham gia đầy đủ, tích cực của các thành viên HĐQT, TGD, Thư ký Công ty và các thành viên BKS.

- Các thành viên HĐQT đã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên HĐQT theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty.

- HĐQT đã có sự phân công, phân nhiệm cụ thể đến từng thành viên và duy trì chế độ họp định kỳ để xử lý kịp thời các công việc phát sinh, duy trì hoạt động SXKD ổn định. Đa số các thành viên HĐQT đều quyết tâm và vì lợi ích Công ty trong mọi hoạt động của mình. Nhìn chung, các thành viên HĐQT đã thực hiện tốt các nhiệm vụ theo Bảng phân công nhiệm vụ trong HĐQT.

3.1. Các cuộc họp của HĐQT năm 2024

SỐ TT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	NGÀY BẮT ĐẦU LÀ THÀNH VIÊN HĐQT	SỐ BUỔI HỌP THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP (%)	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ
Từ 01/01/2024 – 31/12/2024						
1	Ông Lê Văn Nghĩa	Chủ tịch	26/04/2017	51/51	100	
2	Ông Lê Văn Bách	Ủy viên	28/11/2018	51/51	100	
3	Ông Lý Vĩnh Hòa	Ủy viên	22/4/2022	51/51	100	
4	Ông Huỳnh Ngọc Thành	Ủy viên	22/4/2022	51/51	100	
5	Ông Lê Tấn Thương	Ủy viên	26/4/2017	51/51	100	

3.2. Các nội dung chính của các cuộc họp HĐQT năm 2024

Năm 2024, HĐQT Công ty đã tổ chức 51 phiên họp để thông qua các nội dung chính như sau:

SỐ TT	SỐ NQ	NGÀY	NỘI DUNG
1	01-24/NQ-HĐQT	02/01/2024	1. Thống nhất chọn Ngân hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng để vay vốn kinh doanh.
2	02-24/NQ-HĐQT	02/01/2024	1. Thống nhất chọn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Quận 4 để vay vốn kinh doanh.
3	03-24/NQ-HĐQT	02/01/2024	1. Thống nhất chọn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Quận 10 để vay vốn kinh doanh.
4	04-24/NQ-HĐQT	02/01/2024	1. Thống nhất chọn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quận 3 để vay vốn kinh doanh.
5	05-24/NQ-HĐQT	03/01/2024	1. Chấp thuận điều chỉnh giảm diện tích hợp tác kinh doanh bãi giữ xe tại Chi nhánh xăng dầu số 14.
6	06-24/NQ-HĐQT	10/01/2024	1. Thống nhất chủ trương thanh lý hợp đồng đại lý và ký hợp đồng nhượng quyền bán lẻ xăng dầu với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hai thành viên Anh Hòa.

7	07-24/NQ-HĐQT	10/01/2024	1. Chấp thuận để Tổng Giám đốc Công ty ký hợp đồng mua dầu nhờn với Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL.
8	08-24/NQ-HĐQT	10/01/2024	1. Thống nhất biểu quyết “tán thành” thông qua chủ trương để Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP (PETEC) ký hợp đồng cho thuê kho xăng dầu với Tổng Công ty Dầu Việt Nam – CTCP (PVOIL).
9	09-24/NQ-HĐQT	15/01/2024	1. Tạm thời dừng việc tổ chức đấu giá bán thanh lý tài sản còn lại tại Chi nhánh xăng dầu số 18.
10	10-24/NQ-HĐQT	15/01/2024	1. Thống nhất ngưng hợp tác kinh doanh tại Chi nhánh xăng dầu số 8.
11	11-24/NQ-HĐQT	15/01/2024	1. Chấp thuận cho cán bộ chủ chốt của Công ty đi tham quan, du lịch tại Hải Phòng – Đồ Sơn – Cát Bà – Quảng Ninh
12	12-24/NQ-HĐQT	15/01/2024	1. Thông qua nội dung Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2023.
13	13-24/NQ-HĐQT	17/01/2024	1. Thống nhất nội dung Báo cáo thực hiện SXKD - Tài chính - Đầu tư năm 2023. 2. Tạm chấp thuận Kế hoạch SXKD - Tài chính - Đầu tư năm 2024. Ban Điều hành tiếp tục rà soát, đánh giá lại tiềm năng các mảng kinh doanh của Công ty để hoàn thiện Kế hoạch SXKD - Tài chính - Đầu tư năm 2024 trình HĐQT xem xét trước khi trình ĐHCĐ thường niên năm 2024. 3. Tạm giao Kế hoạch SXKD - Tài chính - Đầu tư Quý I/2024.
15	14-24/NQ-HĐQT	17/01/2024	1. Thống nhất nội dung Báo cáo số: 07/BC-HĐQT ngày 16/01/2024 về tình hình kinh doanh văn phòng, kho bãi năm 2023 và Phương án năm 2024.
15	15-24/NQ-HĐQT	17/01/2024	1. Chấp thuận nội dung Báo cáo thực hiện kiểm toán nội bộ năm 2023 và Kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2024.
16	16-24/NQ-HĐQT	17/01/2024	1. Chấp thuận cho ông Nguyễn Chơn Quang, Phó TGD của Công ty đi tham quan, du lịch tại Hải Phòng – Đồ Sơn – Cát Bà – Quảng Ninh.
17	17-24/NQ-HĐQT	19/02/2024	1. Thông qua nội dung Tờ trình số: 08/TTr-HĐQT ngày 06/02/2024 của Tổng Giám đốc về Dự án đầu tư thuê Cửa hàng xăng dầu Thanh Quan - Nam Mỹ Tiền Giang.
18	18-24/NQ-HĐQT	19/02/2024	1. Thông qua nội dung Báo cáo ngày 30/01/2024 của Người đại diện quản lý vốn của COMECO tại Công ty CP Vận tải Việt Tín.
19	19-24/NQ-HĐQT	20/02/2024	1. Thống nhất mức chi tạm ứng cổ tức năm 2023 bằng tiền mặt là 15%/vốn Điều lệ của Công ty.
20	20-24/NQ-HĐQT	20/02/2024	1. Thông qua Kế hoạch chuẩn bị ĐHCĐ thường niên năm 2024

21	21-24/NQ-HĐQT	27/02/2024	1. Thành lập Chi nhánh xăng dầu số 48 và cử người đứng đầu Chi nhánh
22	22-24/NQ-HĐQT	04/3/2024	1. Ghi nhận nội dung Báo cáo số: 252/VX ngày 02/3/2024 của Ban Điều hành về tình hình tại các chi nhánh xăng dầu của Công ty.
23	23-24/NQ-HĐQT	11/3/2024	1. Thông qua nội dung Tờ trình số: 14/TTr-HĐQT ngày 04/3/2024 của Tổng Giám đốc về việc khắc con dấu cho Chi nhánh xăng dầu số 48.
24	24-24/NQ-HĐQT	13/3/2024	1. Phê duyệt Báo cáo thường niên năm 2023 của Công ty.
25	25-24/NQ-HĐQT	14/3/2024	1. Chấp thuận đề Người đại diện phần vốn của Công ty COMECO tại PVOIL Sài Gòn biểu quyết "tán thành" các văn kiện trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của PVOIL Sài Gòn.
26	26-24/NQ-HĐQT	15/3/2024	1. Ủy quyền cho ông Đỗ Hoàng Phúc, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức (TMC) thay mặt COMECO thực hiện quyền cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty TMC.
27	27-24/NQ-HĐQT	15/3/2024	1. Thống nhất ủy quyền cho ông Đoàn Đặc Học, Thành viên Hội đồng quản trị - Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Xăng dầu (PMS) thay mặt COMECO thực hiện quyền cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty PMS.
28	28-24/NQ-HĐQT	20/3/2024	1. Chấp thuận chủ trương tham gia dự án thu gom dầu ăn thải (UCO) với Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP (PVOIL) và cho đối tác liên quan thuê diện tích đất thùng IBC có dung tích khoảng 01 (một) m ³ tại CNXD số 22 và CNXD số 29 làm điểm trung gian để tập kết UCO thu gom từ các nguồn trước khi đưa về kho đầu mối.
29	29-24/NQ-HĐQT	21/3/2024	1. Tạm thông qua kế hoạch điều chỉnh lợi nhuận sau thuế năm 2024 từ 15 tỷ đồng lên 16 tỷ đồng.
30	30-24/NQ-HĐQT	22/3/2024	1. Thông qua các văn bản gửi cổ đông mời tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 và các văn bản trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.
31	31-24/NQ-HĐQT	22/4/2024	1. Chấp thuận tiếp tục ký hợp đồng lao động và gia hạn thời gian bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng - Giám đốc tài chính đối với ông Phạm Công Quyền.
32	32-24/NQ-HĐQT	02/5/2024	1. Thông qua Kế hoạch Sản xuất kinh doanh - Tài chính - Đầu tư năm 2024. 2. Phê duyệt Kết quả thực hiện kinh doanh Quý I/2024 và thông qua Kế hoạch kinh doanh Quý II/2024.
33	33-24/NQ-HĐQT	08/5/2024	1. Thông qua Quy chế Tổ chức và hoạt động của Công ty.

34	34-24/NQ-HĐQT	08/5/2024	1. Thống nhất biểu quyết “Đồng ý” thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh đại lý bảo hiểm và sửa đổi, bổ sung vào Điều lệ Công ty phù hợp với ngành nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn.
35	35-24/NQ-HĐQT	14/5/2024	1. Thông qua các khoản chi phí phát sinh so với giá trị dự toán ban đầu của Phương án cải tạo, sửa chữa Chi nhánh xăng dầu số 48.
36	36-24/NQ-HĐQT	14/5/2024	1. Ngừng hoạt động kinh doanh CHI NHÁNH SỐ 21 - CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU do Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu hết hạn.
37	37-24/NQ-HĐQT	14/5/2024	1. Giải thể CHI NHÁNH SỐ 21 - CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU.
38	38-24/NQ-HĐQT	20/5/2024	1. Ủy quyền cho ông Hoàng Anh Dũng, thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau (CAMEX) - đại diện vốn của PVOIL tại CAMEX thay mặt COMECO thực hiện quyền cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty CAMEX.
39	39-24/NQ-HĐQT	29/5/2024	1. Thống nhất chọn Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính 6 tháng và năm 2024 của Công ty.
40	40-24/NQ-HĐQT	30/5/2024	1. Chấp thuận cho Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Thành phố mượn các tài sản, dụng cụ của COMECO tại Chi nhánh xăng dầu số 21 để cấp phát nhiên liệu theo Phương án COMECO bán sỉ dầu DO 0,05S cho Công ty CITENCO sau khi chi nhánh xăng dầu số 21 giải thể.
41	41-24/NQ-HĐQT	03/6/2024	1. Thông qua nội dung Báo cáo đánh giá một số chỉ tiêu tài chính năm 2023 của các công ty mà COMECO có vốn đầu tư.
42	42-24/NQ-HĐQT	24/6/2024	1. Thông qua nội dung Tờ trình số: 38/TTr-HĐQT ngày 19/6/2024 của Ban Tổng giám đốc về việc đề nghị miễn nhiệm và bổ sung nhân sự Trưởng Tiểu ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị.
43	43-24/NQ-HĐQT	25/6/2024	1. Chấp thuận thanh lý cầu nâng rửa xe cũ được thu hồi từ Chi nhánh xăng dầu số 21 (do Chi nhánh xăng dầu này đã giải thể).
44	44-24/NQ-HĐQT	03/7/2024	1. Chấp thuận giao cho Công ty TNHH Một thành viên Công viên Cây xanh Thành phố Hồ Chí Minh (đơn vị cùng COMECO hợp tác kinh doanh tại Chi nhánh xăng dầu số 32) quản lý và sử dụng các tài sản: nhà văn phòng (đã cũ), các bồn ngầm để chứa xăng dầu (đã khấu hao hết) với giá 0 (không) đồng, do CNXD này đã giải thể.
45	45-24/NQ-HĐQT	08/7/2024	1. Thông qua nội dung Báo cáo tình hình quản trị Công ty 6 tháng đầu năm 2024.
46	46-24/NQ-HĐQT	11/7/2024	1. Thống nhất trang bị đồng phục để sử dụng trong các dịp lễ, hội của Công ty.

			<p>2. Thống nhất tổ chức đoàn cán bộ đi tìm hiểu thị trường, giao lưu, học hỏi kinh nghiệm và tri ân khách hàng.</p> <p>3. Thông qua nội dung Báo cáo của Ban Điều hành về kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm 2024.</p> <p>4. Thông qua phương hướng, kế hoạch 6 tháng cuối năm 2024.</p> <p>5. Giao cho Ban Điều hành chuẩn bị một số nội dung báo cáo để HĐQT sẽ xem xét, thảo luận và thống nhất biện pháp chỉ đạo thực hiện trong phiên họp HĐQT Quý III/2024:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp, báo cáo tình hình cho thuê và hợp tác kinh doanh văn phòng, kho bãi năm 2023, 6 tháng đầu năm 2024. - Xây dựng kế hoạch và đề xuất biện pháp thực hiện để tổ chức giao lưu, học hỏi kinh nghiệm và tri ân khách hàng trong Quý III/2024. - Báo cáo các nội dung liên quan đến pháp lý về tiền thuê đất, thuế, phí các mặt bằng. - Báo cáo chi tiết tình hình hồ sơ pháp lý có liên quan đến đất đai của toàn Công ty. - Báo cáo tình hình và kết quả mua, thuê đất; mua, thuê cửa hàng xăng dầu; hợp tác kinh doanh để phát triển cửa hàng xăng dầu mới - Báo cáo chi tiết và đánh giá tình hình, hiệu quả của việc đầu tư vốn ra ngoài Công ty (đầu tư tài chính). - Báo cáo kết quả thi hành án có liên quan đến Hợp đồng bán xăng dầu trả chậm cho Công ty TNHH điện tử Hyundai Việt Nam đến thời điểm ngày 10/7/2024. - Báo cáo kết quả về hoàn trả tiền sử dụng đất của Dự án Tổng kho xăng dầu COMECO tại Nhơn Trạch, Đồng Nai đến thời điểm ngày 10/7/2024.
47	47-24/NQ-HĐQT	16/7/2024	1. Thông qua Quy chế mua sắm hàng hóa, dịch vụ của Công ty.
48	48-24/NQ-HĐQT	17/7/2024	1. Ủy quyền cho ông Lại Thế Nghĩa, thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty TMC, thay mặt COMECO tham dự và thực hiện quyền cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 của Công ty TMC.
49	49-24/NQ-HĐQT	24/7/2024	1. Ngừng hoạt động kinh doanh CHI NHÁNH SỐ 34 - CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU.
50	50-24/NQ-HĐQT	24/7/2024	1. Giải thể CHI NHÁNH SỐ 34 - CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU.
51	51-24/NQ-HĐQT	25/7/2024	1. Thông qua Phương án và dự toán Gói thầu: Tổ chức Hội nghị gặp gỡ và tri ân khách hàng.
52	52-24/NQ-HĐQT	29/7/2024	1. Thông qua nội dung Báo cáo số: 50/BC-HĐQT ngày 26/7/2024 của Tổng Giám đốc về kết quả thực hiện kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024 và kế hoạch Quý III/2024.

53	53-24/NQ-HĐQT	06/8/2024	<p>1. Thông qua nội dung Báo cáo số: 47/BC-HĐQT ngày 23/7/2024 của Tổng Giám đốc về tình hình kinh doanh văn phòng, kho bãi năm 2023 và 6 tháng đầu năm 2024.</p> <p>2. Thông qua nội dung Báo cáo về kết quả thi hành án Hyundai Việt Nam (Báo cáo số: 48/BC-HĐQT ngày 23/7/2024 của Tổng Giám đốc).</p> <p>3. Thông qua nội dung Báo cáo về tình hình hoàn trả tiền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất dự án Tổng kho xăng dầu COMECO.</p> <p>4. Thông qua nội dung Báo cáo về pháp lý liên quan tiền thuê đất, thuế, phí các mặt bằng.</p> <p>5. Thông qua nội dung Báo cáo số: 49/BC-HĐQT ngày 25/7/2024 của Tổng Giám đốc về thực hiện đầu tư thuế, mua cửa hàng xăng dầu.</p> <p>6. Thông qua nội dung Báo cáo số: 51/BC-HĐQT ngày 29/7/2024 của Tổng Giám đốc về thực hiện hồ sơ pháp lý các mặt bằng.</p> <p>7. Thông qua Báo cáo thực hiện kiểm toán nội bộ 6 tháng đầu năm và Kế hoạch 6 tháng cuối năm 2024.</p>
54	54-24/NQ-HĐQT	07/8/2024	<p>1. Chấp thuận để Người đại diện phần vốn của Công ty COMECO tham dự và biểu quyết “tán thành” các văn kiện trình Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PVOIL Sài Gòn).</p>
55	55-24/NQ-HĐQT	12/8/2024	<p>1. Thông qua Phương án và dự toán gói thầu “Tổ chức Hội nghị gặp gỡ và tri ân khách hàng”.</p>
56	56-24/NQ-HĐQT	14/8/2024	<p>1. Thông qua nội dung Tờ trình số: 54/TTr-HĐQT ngày 13/8/2024 của Ban Điều hành về việc phê duyệt đơn vị may lễ phục.</p>
57	57-24/NQ-HĐQT	26/8/2024	<p>1. Thống nhất chấm dứt hoạt động kinh doanh, giải thể CHI NHÁNH SỐ 21 - CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU. Lý do: Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu hết hạn.</p>
58	58-24/NQ-HĐQT	13/9/2024	<p>1. Thống nhất biểu quyết Tán thành vào Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản ngày 06/9/2024 của Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP về việc miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP đối với ông Nguyễn Tuấn Tú và ông Nguyễn Ngọc Liên; bầu bổ sung ông Trương Đại Hoàng và bà Vũ Thị Thư tham gia HĐQT Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2021-2025.</p>
59	59-24/NQ-HĐQT	17/9/2024	<p>1. Thông qua nội dung Báo cáo số: 58/BC-HĐQT ngày 13/9/2024 của Ban Điều hành về việc đánh giá một số chỉ tiêu tài chính của các công ty có vốn góp của COMECO 6 tháng đầu năm 2024.</p> <p>2. Ghi nhận Báo cáo ngày 13/9/2024 của người đại diện vốn góp của Công ty tại Công ty cổ phần Vận tải Việt Tín về</p>

			tình hình hiện nay của Công ty Cổ phần Vận tải Việt Tín.
60	60-24/NQ-HDQT	17/10/2024	1. Bổ nhiệm bà Trần Thị Hồng Lĩnh là người phụ trách quản trị kiêm thư ký Công ty.
61	61-24/NQ-HDQT	21/10/2024	1. Thông qua chủ trương thanh lý các tài sản còn lại tại Chi nhánh xăng dầu số 21.
62	62-24/NQ-HDQT	21/10/2024	1. Thông qua chủ trương thanh lý các tài sản còn lại tại Chi nhánh xăng dầu số 34.
63	63-24/NQ-HDQT	04/11/2024	1. Thông qua chủ trương thanh lý 05 xe bồn Kamaz 12.000 lít đã hết niên hạn sử dụng.
64	64-24/NQ-HDQT	12/11/2024	1. Chấp thuận bổ nhiệm ông Nguyễn Hữu Hoàng, giữ chức vụ Kế toán trưởng - Giám đốc Tài chính Công ty, kể từ 01/01/2025.
65	65-24/NQ-HDQT	19/11/2024	1. Chấp thuận điều chỉnh tăng Quỹ tiền lương trả cho người lao động Công ty năm 2024 từ 82,5 tỷ đồng lên 84 tỷ đồng (tăng 1,82%).
66	66-24/NQ-HDQT	21/11/2024	1. Thống nhất chấm dứt hoạt động kinh doanh, giải thể CHI NHÁNH SỐ 34 - CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU.
67	67-24/NQ-HDQT	04/12/2024	1. Phê duyệt giá khởi điểm tài sản thanh lý bán nguyên lô (không tách rời) 05 xe bồn Kamaz 12.000 lít đã hết niên hạn sử dụng.
68	68-24/NQ-HDQT	16/12/2024	1. Chấp thuận bán thanh lý các tài sản tại Chi nhánh xăng dầu số 21 (đơn vị cùng COMECO hợp tác kinh doanh tại Chi nhánh xăng dầu này) với giá 0 đồng do Chi nhánh xăng dầu số 21 đã giải thể.
69	69-24/NQ-HDQT	18/12/2024	1. Thống nhất chủ trương tái ký hợp đồng nhượng quyền bán lẻ xăng dầu với Công ty TNHH Hai thành viên Anh Hòa.
70	70-24/NQ-HDQT	18/12/2024	1. Phê duyệt thôi là người đại diện phần vốn góp của Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) tại Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PV OIL Sài Gòn) đối với ông Phạm Công Quyền, kể từ ngày 01/01/2025.
71	71-24/NQ-HDQT	18/12/2024	1. Phê duyệt thôi là người đại diện phần vốn góp của Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) tại Công ty Cổ phần Vận tải Việt Tín đối với ông Phạm Công Quyền, kể từ ngày 01/01/2025.
72	72-24/NQ-HDQT	18/12/2024	1. Thống nhất chủ trương ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV OIL (PV Oil Lube) để mua dầu nhờn kinh doanh.
73	73-24/NQ-HDQT	30/12/2024	1. Ghi nhận Báo cáo ngày 26/12/2024 của Người đại diện phần vốn góp của Công ty COMECO tại Công ty cổ phần Vận tải Việt Tín về quá trình hoạt động và tình hình hiện nay của Công ty này.

74	74-24/NQ- HĐQT	30/12/2024	1. Chấp thuận Phương án thanh lý các tài sản còn lại tại Chi nhánh xăng dầu số 34.
----	-------------------	------------	--

4. Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập: Không có

5. Số lượng thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: chưa có

II. BAN KIỂM SOÁT

1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

BKS gồm 3 người đều là thành viên độc lập không điều hành

1.1. Lý lịch BKS

- Bà Ngô Phương Hạnh : Trưởng BKS
 - Năm sinh : 28/12/1974
 - Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
 - Thâm niên trong ngành : 28 năm
 - Tháng 11/1997 : Nhân viên Kế toán tại Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh (Saigon Petro).
 - Tháng 6/2016 : Tổ trưởng Tổ Tổng hợp Phòng Tài chính Kế toán Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp.Hồ Chí Minh (Saigon Petro).
 - Tháng 11/2018 : Phó phòng Tài chính – Kế toán Saigon Petro cho đến nay.
 - Tháng 3/2018 : Thành viên BKS Công ty CP Kinh doanh Tổng hợp Ninh Thuận cho đến tháng 02/2023.
 - Tháng 4/2023 : Thành viên BKS Công ty Cp Thương mại XNK Thủ Đức cho đến nay.
 - Tháng 4/2019 : Ủy viên BKS COMECO.
 - Tháng 4/2022 : Trưởng BKS COMECO cho đến nay.
- Ông Nguyễn Đức Linh : Ủy viên BKS
 - Năm sinh : 10/10/1975
 - Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Kinh tế
 - Thâm niên trong ngành : 26 năm
 - Tháng 8/1999 : Chuyên viên Phòng Tài chính – Kế toán tại Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư Petec.
 - Tháng 11/2007 : Phó Phòng Tài chính – Kế toán (Petec)
 - Tháng 6/2011 : Trưởng văn phòng HĐQT (Petec)
 - Tháng 6/2012 : Trưởng ban kiểm soát nội bộ (Petec)
 - Tháng 8/2013 : Phó Trưởng ban kiểm soát nội bộ tại Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL).
 - Tháng 4/2017 : Trưởng BKS COMECO.
 - Tháng 11/2020 : Trưởng ban kiểm soát nội bộ tại Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL) cho đến nay.

-Tháng 4/2022 : Thành viên BKS COMECO cho đến nay.

• Bà Trần Thị Tố Như : Ủy viên BKS.

Năm sinh : 10/12/1984

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh

Thâm niên trong ngành : 18 năm

Thời gian gắn bó với Công ty : 18 năm (làm việc tại Công ty từ tháng 02/2007 đến nay)

- Tháng 02/2007: Nhân viên Phòng Kinh doanh Công ty CP Vật tư - Xăng dầu.
- Tháng 6/2011: Phụ tá Giám đốc Kinh doanh Công ty CP Vật tư - Xăng dầu.
- Tháng 12/2011: Phó Giám đốc Kinh doanh Công ty CP Vật tư - Xăng dầu.
- Tháng 3/2013: Phó Giám đốc Nhân sự Công ty CP Vật tư - Xăng dầu.
- Tháng 8/2014: Quyền Giám đốc Nhân sự Công ty CP Vật tư - Xăng dầu.
- Tháng 01/2015: Giám đốc Nhân sự Công ty CP Vật tư - Xăng dầu cho đến nay.
- Tháng 4/2024: Thành viên BKS COMECO cho đến nay

1.2. Cơ cấu BKS

Dvtính: cổ phiếu

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	CHỨC VỤ TẠI TỔ CHỨC KHÁC	SLCP SỞ HỮU	SLCP ĐẠI DIỆN SỞ HỮU
1	Ngô Phương Hạnh	Trưởng ban	- Phó phòng Tài chính Kế toán Cty TNHH MTV Dầu khí Tp.HCM (Saigon Petro) - Thành viên BKS Công ty CP Thương mại XNK Thủ Đức	0	0
2	Nguyễn Đức Linh	Ủy viên	Trưởng Ban KS nội bộ Tổng công ty Dầu Việt Nam (PVOIL)	0	0
3	Trần Thị Tố Như	Ủy viên		11.560	0
TỔNG CỘNG				11.560	0

1.3. Thay đổi thành viên BKS: trong năm 2024, Công ty có thay đổi thành viên BKS, cụ thể ngày 19/4/2024 ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2023 của Công ty đã tiến hành bầu thay thế thành viên BKS. Theo đó, Bà Trần Thị Tố Như được bầu làm thành viên BKS thay thế cho Ông Bùi Huy Thắng cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ VI (2022 – 2026).

2. Hoạt động của BKS

Năm 2024, BKS đã tiến hành thực hiện các công việc sau:

- Kiểm tra việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2023.
- Kiểm tra, giám sát việc Công ty thực hiện các kiến nghị của BKS trong năm tài chính 2023.

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty; việc chấp hành các quy chế, quy định nội bộ hiện hành do Hội đồng quản trị (HDQT) và Tổng giám đốc Công ty ban hành.

- Hàng quý, thẩm tra lại báo cáo tài chính của Công ty; đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2024 đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- Thẩm tra báo cáo tài chính bán niên và cả năm tài chính 2024 của Công ty, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như xem xét việc thực hiện các chủ trương ĐHĐCĐ và HDQT, tình hình thực hiện kế hoạch của Công ty đã được ĐHĐCĐ giao.

- Kiểm tra việc thực hiện và quản lý công nợ bán hàng.

- Thực hiện tổng cộng 04 cuộc họp trong năm 2024 với sự tham dự đầy đủ của các thành viên, dựa trên chức năng nhiệm vụ đã phân công, các thành viên đã thực hiện công tác kiểm soát tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty đúng theo quy định pháp luật.

- Thường xuyên tham gia các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường của HDQT cùng với Ban điều hành, qua đó nắm bắt thông tin về tình hình quản trị điều hành, kịp thời có ý kiến góp ý về phương hướng hoạt động, về chấp hành luật pháp, chấp hành Nghị quyết của ĐHĐCĐ cũng như Nghị quyết, Quyết định của HDQT.

3. Các ý kiến nhận xét của Ban Kiểm soát

3.1. Về công tác kế toán – tài chính

- Sau khi kiểm tra và thẩm định, BKS đồng ý với Báo cáo kiểm toán số 71A/BCKT/TC/2025/AASCS ngày 28/02/2025 của Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS) về kết quả kiểm toán BCTC năm 2024 của Công ty.

- Công ty đã tổ chức tốt hệ thống thông tin kế toán; tuân thủ đầy đủ các quy định của chế độ kế toán Việt Nam, các chuẩn mực kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Đồng thời, hệ thống thông tin kế toán của Công ty còn đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành và kiểm tra, giám sát.

- Công ty thực hiện tốt chế độ công bố thông tin định kỳ và thông tin kịp thời theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3.2. Về hoạt động của HDQT và TGD

3.2.1 HDQT

HDQT Công ty đã triển khai đầy đủ và thực hiện nghiêm túc nội dung Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Các cuộc họp HDQT được tiến hành đúng thể thức và xem xét quyết định các vấn đề phù hợp với chức năng và quyền hạn của HDQT, đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.

Trong năm 2024, tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn do bất ổn địa chính trị thế giới (xung đột chiến tranh giữa Nga và Ukraina, Israel và Hamas), tình hình suy thoái kinh tế toàn cầu, giá dầu thế giới biến động khó lường ảnh hưởng trực tiếp đến công tác quản trị hàng tồn kho nhưng HDQT đã bám sát, theo dõi và đưa ra những chỉ đạo kịp thời, ổn định kinh doanh và lãnh đạo Công ty hoàn thành tốt kế hoạch SXKD năm 2024 và các nhiệm vụ trọng tâm đã được ĐHĐCĐ giao

HDQT đã tổ chức giám sát Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý trong việc điều hành hoạt động Công ty, thực thi các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HDQT;

Quyết định các vấn đề khác liên quan đến cơ cấu tổ chức, đầu tư, các hoạt động khác của Công ty thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Qua giám sát, BKS nhận định: HĐQT đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao; thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ trong việc quản lý và điều hành Công ty phù hợp với Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

3.2.2 Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc đã nghiêm túc triển khai và thực hiện đạt kết quả tốt nội dung các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT;

Tổng Giám đốc đã thực thi quyền hạn, nhiệm vụ được giao trong việc điều hành hoạt động của Công ty một cách cẩn trọng, đúng quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ và các quy định quản lý nội bộ của Công ty;

Năm 2024, hoạt động kinh doanh của công ty gặp rất nhiều khó khăn nhưng Tổng Giám đốc đã quản lý, điều hành và có những giải pháp kịp thời, chính xác và phù hợp, đưa Công ty vượt qua những khó khăn, hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh doanh được ĐHĐCĐ và HĐQT giao. Trong đó, lợi nhuận sau thuế TNDN đạt 26,87 tỷ đồng, tương đương 168% kế hoạch lợi nhuận sau thuế. Công ty đã có một năm kinh doanh thành công vượt cả chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận. Kết quả này thể hiện năng lực quản lý tốt, khả năng tận dụng cơ hội thị trường, và sự linh hoạt trong vận hành.

Qua giám sát, BKS nhận định: Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý, điều hành Công ty; tiếp tục giữ vững sự ổn định và phát triển Công ty; đảm bảo thu nhập của người lao động. Công tác điều hành tuân thủ các quy định tại Điều lệ và các quy chế, văn bản quản lý nội bộ của Công ty, cũng như pháp luật có liên quan.

3.3. Phối hợp hoạt động của HĐQT, BKS và Ban TGD

- HĐQT, BKS và Ban TGD Công ty cùng hành động vì mục tiêu chung là sự ổn định và phát triển của Công ty.

- Các cuộc họp HĐQT đều mời BKS tham dự để cùng thảo luận, trao đổi nắm bắt thông tin về tình hình quản trị điều hành, đưa ra các ý kiến góp ý để cùng nhau giải quyết các vấn đề thiết yếu trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

- HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty đã chỉ đạo việc cung cấp báo cáo, thông tin về tình hình hoạt động của Công ty đầy đủ, kịp thời theo yêu cầu của BKS; luôn tạo điều kiện để BKS thực hiện hoạt động giám sát đúng chức năng, nhiệm vụ và hoàn thành các báo cáo trình ĐHĐCĐ.

- Sự phối hợp giữa BKS - HĐQT - Tổng Giám đốc Công ty luôn chặt chẽ, phù hợp, hỗ trợ nhau trong công tác quản lý điều hành và công tác kiểm tra, giám sát đảm bảo việc triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các nghị quyết, quyết định của HĐQT để hoàn thành kế hoạch SXKD đề ra.

III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TGD, TIỂU BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ VÀ BKS NĂM 2024

1. Thù lao của HĐQT và BKS

Năm 2024, đã thực hiện chi thù lao cho HĐQT và BKS theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ đã thông qua ngày 19/4/2024 như sau:

- Thù lao cho HĐQT : 480.000.000 đồng (BQ: 8 triệu đồng/người/tháng)
- Thù lao cho BKS : 180.000.000 đồng (BQ: 5 triệu đồng/người/tháng)

Tổng cộng năm 2024 : 660.000.000 đồng.

(Trong đó theo quy định tại Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 phân chi cho thành viên HĐQT và BKS không trực tiếp tham gia điều hành hạch toán vào Lợi nhuận sau thuế là 534.00.000 đồng; chi cho thành viên HĐQT và BKS trực tiếp tham gia điều hành hạch toán vào chi phí là 126.000.000 đồng).

2. Thu nhập của HĐQT, tiểu ban Kiểm toán nội bộ, Ban Kiểm soát và Ban TGD năm 2024 cụ thể như sau:

2.1. Thù lao HĐQT

HỌ TÊN	CHỨC DANH	SỐ TIỀN (Đồng)
Lê Văn Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	120.000.000
Lê Văn Bách	Ủy viên HĐQT	90.000.000
Lê Tấn Thương	Ủy viên HĐQT	90.000.000
Lý Vinh Hòa	Ủy viên HĐQT	90.000.000
Huỳnh Ngọc Thành	Ủy viên HĐQT	90.000.000

2.2. Thù lao Tiểu ban Kiểm toán nội bộ

HỌ TÊN	CHỨC DANH	SỐ TIỀN (Đồng)	GHI CHÚ
Phan Dũng Tiến	Trưởng ban	15.000.000	Thực hiện theo Nghị quyết số 42-24/NQ-HĐQT ngày 24/6/2024
Nguyễn Thị Kim Nhiên	Trưởng ban	15.000.000	Thực hiện theo Nghị quyết số 42-24/NQ-HĐQT ngày 24/6/2024
Nguyễn Thị Kim Thiện	Thành viên	24.000.000	
Nguyễn Cát Phương Yên	Thành viên	24.000.000	

2.3. Thù lao Ban Kiểm soát

HỌ TÊN	CHỨC DANH	SỐ TIỀN (Đồng)	GHI CHÚ
Ngô Phương Hạnh	Trưởng ban	68.000.000	
Nguyễn Đức Linh	Thành viên	56.000.000	
Trần Thị Tố Như	Thành viên	36.000.000	
Bùi Huy Thắng	Thành viên	20.000.000	

2.4. Tiền lương Ban Tổng Giám đốc

HỌ TÊN	CHỨC DANH	SỐ TIỀN (Đồng)
Lê Tấn Thương	Tổng Giám đốc	1.372.969.706
Phạm Văn Khoa	Phó Tổng Giám đốc	885.714.932
Nguyễn Chơn Quang	Phó Tổng Giám đốc	811.764.933
Phạm Công Quyền	Kế toán trưởng	863.898.173

3. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan

Đvtính : cổ phần

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	MỐI QUAN HỆ	NGÀY 01/01/2024	PHÁT SINH TRONG KỲ		NGÀY 31/12/2024	TL/VDL (%)	GHI CHÚ
					TĂNG	GIẢM			
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+2+3)	5	6
1	Hội đồng quản trị								
1	Lê Văn Nghĩa	CT HĐQT		3.500.826			3.500.826	24,79	SH và đại diện SH
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Lê Văn Dũng		Cha ruột						đã mất
	Nguyễn Thị Lê		Mẹ ruột						đã mất
	Nguyễn Chức		Cha vợ						đã mất
	Nguyễn Thị Ngón		Mẹ vợ						đã mất
	Nguyễn Thị Hà		Vợ						
	Lê Đức Trung		Con ruột						
	Lê Đức Hiệp		Con ruột						
	Lê Thị Liên		Chị ruột						
	Lê Văn Quân		Anh ruột						đã mất
	Nguyễn Hoàng Bi		Anh rể						
	Nguyễn Thị Tươi		Chị dâu						
	<i>Tổ chức liên quan</i>								
	Tổng Công ty Dầu VN (PVOIL) (*)	TV HĐQT		6.325.016	0	0	6.325.016	44,79	
2	Lê Văn Bách	UV HĐQT		2.824.200	0	0	2.824.200	20	Đại diện sở hữu
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Nguyễn Thị Hồng Tuất		Mẹ ruột						
	Lê Văn Từ		Cha ruột						
	Phạm Văn Hoán		Cha vợ						
	Trịnh Thị Kim Dung		Mẹ vợ						đã mất
	Phạm Thị Hòa Bình		Vợ						
	Lê Bách Thắng		Con ruột						
	Lê Bách Khang		Con ruột						
	Lê Văn Tùng		Anh ruột						
	Lê Thị Quế		Em ruột						
	Nguyễn Thị Nhung		Chị dâu						
	Hà Minh Vi		Em rể						
	<i>Tổ chức liên quan</i>								
	Tổng công ty Dầu VN(*)			6.325.016	0	0	6.325.016	44,79	
	Công ty Cp Dầu nhờn PVOIL	Giám đốc							
3	Lý Vinh Hòa	UV HĐQT		3.359.254	0	0	3.359.254	23,79	Đại diện sở hữu
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Lý Giang Việt		Cha ruột						
	Hà Thị Nền		Mẹ ruột						
	Phan Văn Cá		Cha vợ						đã mất

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	MỐI QUAN HỆ	NGÀY 01/01/2024	PHÁT SINH TRONG KỲ		NGÀY 31/12/2024	TL/VBL (%)	GHI CHÚ
					TĂNG	GIẢM			
A	B	C	D	I	2	3	4 (1+2+3)	5	6
	Nguyễn Thị Lý		Mẹ vợ						đã mất
	Phan Thị Thu Hà		Vợ						
	Lý Viễn Du		Con ruột						
	Ngô Trần Minh Khuê		Con dâu						
	Lý Viễn Dương		Con ruột						
	Lý Vĩnh Thuận		Anh ruột						
	Đoàn Thị Thủy		Chị dâu						
	Lý Vinh Quý		Em ruột						
	Thân Thị Ngọc Huyền		Em dâu						
	Lý Thị Vĩnh Phương		Em ruột						
	Lý Vĩnh Phú		Em ruột						
	Lê Thị Cẩm Nang		Em dâu						
	Phan Đình Tôn		Anh vợ						đã mất
	Phan Văn Tiến		Anh vợ						đã mất
	Phan Văn Thắng		Anh vợ						đã mất
	Phan Đình Phùng		Anh vợ						
	Phan Thị Tới		Chị vợ						
	Phan Thị Mai		Chị vợ						
	Phan Đình Phương		Em vợ						
	Phan Đình Phương		Em vợ						
	Phan Thị Kim Hoa		Em vợ						
	<i>Tổ chức liên quan</i>								
	Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (**)	Phó TGD		5.598.757	0	0	5.598.757	39,65	
4	Huỳnh Ngọc Thành			2.239.503	0	0	2.239.503	15,86	Đại diện sở hữu
	Huỳnh Văn Ninh		Cha vợ						
	Đỗ Thị Bạch		Mẹ vợ						đã mất
	Huỳnh Thị Bạch Yến		Vợ						
	Huỳnh Thị Thanh Trúc		Con ruột						
	Huỳnh Thị Thanh Trà		Con ruột						
	Huỳnh Văn Lụa		Anh ruột						
	Lê Thị Ngân		Chị Dâu						
	Huỳnh Văn Lèo		Anh ruột						
	Nguyễn Thị Chính		Chị Dâu						
	Huỳnh Văn Gấm		Anh ruột						đã mất
	Liêu Thị Hòa		Chị Dâu						
	Huỳnh Thị Yến		Chị ruột						
	Nguyễn Hữu Gươn		Anh rể						
	Huỳnh Thị Thân		Chị ruột						
	Lê Văn Thanh		Anh rể						
	Huỳnh Chí Trung		Em vợ						
	Huỳnh Trung Hiếu		Em vợ						

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	MỐI QUAN HỆ	NGÀY 01/01/2024	PHÁT SINH TRONG KỲ		NGÀY 31/12/2024	TL/VBL (%)	GHI CHÚ
					TĂNG	GIẢM			
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+2+3)	5	6
	Huỳnh Thị Yến Nhi		Em vợ						
	Huỳnh Thị Kim Chí		Em vợ						
	Huỳnh Thị Hiếu Hạnh		Em vợ						
	<i>Tổ chức liên quan</i>								
	Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (**)	Trưởng phòng kinh doanh		5.598.757	0	0	5.598.757	39,65	
5	Lê Tấn Thương	UV.HĐQT TGD		171.370	0	0	171.370	1,214	Sở hữu
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Lê Phùng		Cha ruột						
	Nguyễn Thị Miến		Mẹ ruột						
	Dương Văn Hải		Cha vợ						Đã mất
	Huỳnh Thị Nữ		Mẹ vợ						
	Dương Thị Đài Trang		Vợ	38.910	0	0	38.910	0,28	Sở hữu
	Lê Ngọc Minh Thư		Con ruột						
	Lê Ngọc Minh Tú		Con ruột						
	Lê Thị Văn		Chị ruột						
	Lê Thị Mỹ Lệ		Chị ruột						
	Lê Tấn Hải		Em ruột						
	Lê Thị Thu Vân		Em ruột						
	Lê Tấn Tiên		Em ruột						
	Trang Sĩ Nông		Anh rể						
	Phan Văn Tâm		Anh rể						
	Trương Thị Mỹ Phương		Em dâu						
	Lê Thanh Chương		Em rể						
	Lê Thị Bích Tâm		Em dâu						
II	Ban TGD, Người công bố thông tin								
1	Lê Tấn Thương	UV.HĐQT TGD		171.370	0	0	171.370	1,214	Sở hữu
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Lê Phùng		Cha ruột						
	Nguyễn Thị Miến		Mẹ ruột						
	Dương Văn Hải		Cha vợ						Đã mất
	Huỳnh Thị Nữ		Mẹ vợ						
	Dương Thị Đài Trang		Vợ	38.910	0	0	38.910	0,28	Sở hữu
	Lê Ngọc Minh Thư		Con ruột						
	Lê Ngọc Minh Tú		Con ruột						
	Lê Thị Văn		Chị ruột						
	Lê Thị Mỹ Lệ		Chị ruột						
	Lê Tấn Hải		Em ruột						
	Lê Thị Thu Vân		Em ruột						
	Lê Tấn Tiên		Em ruột						
	Trang Sĩ Nông		Anh rể						

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	MỐI QUAN HỆ	NGÀY 01/01/2024	PHÁT SINH TRONG KỶ		NGÀY 31/12/2024	TL/VĐL (%)	GHI CHÚ
					TĂNG	GIẢM			
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+2+3)	5	6
	Phan Văn Tâm		Anh rể						
	Trương Thị Mỹ Phương		Em dâu						
	Lê Thanh Chương		Em rể						
	Lê Thị Bích Tâm		Em dâu						
2	Phạm Văn Khoa	Phó TGD, người CBTT		2.500	0	0	2.500	0,018	Sở hữu
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Phạm Văn Chánh		Cha ruột						Đã mất
	Thái Ca Siêu		Mẹ ruột						Đã mất
	Phạm Lê Anh Khôi		Con ruột						
	Phạm Thị Hạnh Khuê		Con ruột						
	Phạm Thị Kim Hồng		Chị ruột						
	Phạm Thị Kim Nhung		Chị ruột						
	Phạm Công Sứ		Anh ruột						
	Phạm Công Sở		Anh ruột						
	Phạm Công Huân		Anh ruột						
	Phạm Thị Kim Thủy		Chị ruột						
	Thái Thị Hồng Lan		Chị ruột						
	Phạm Thị Lan Anh		Chị ruột						
	Phạm Văn Học		Em ruột						
	Lê Tuấn Mỹ		Anh rể						
	Đặng Nguyễn Dũng		Anh rể						
	Phan Thị Ni		Chị dâu						
	Nguyễn Thị Hằng		Chị dâu						
	Nguyễn Hoàng Minh		Anh rể						
	Trần Thị Ánh Loan		Em dâu						
3	Nguyễn Chơn Quang	Phó TGD		4.740	0	0	4.740	0,034	Sở hữu
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Nguyễn Chơn Trung		Cha ruột						
	Đỗ Ngọc Trinh		Mẹ ruột						
	Nguyễn Ngọc Bình		Cha vợ						
	Nguyễn Thị Mỹ Hương		Mẹ vợ						
	Nguyễn Ngọc Thùy Chi		Vợ						
	Nguyễn Chơn Quý Tùng		Con ruột						
	Nguyễn Ngọc Như Tâm		Con ruột						
	Nguyễn Kiên Trung		Em ruột						
III	Kế toán trưởng								
1	Phạm Công Quyền	KTT - GDTC		70.255	0	0	70.255	0,50	Sở hữu
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Phạm Công Đào		Cha ruột						Đã mất
	Huỳnh Thị Thoa		Mẹ ruột						Đã mất
	Vũ Văn Sâm		Cha vợ						Đã mất
	Trần Mỹ Quyền		Mẹ vợ						Đã mất
	Vũ Bích Ngọc		Vợ						

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	MỐI QUAN HỆ	NGÀY 01/01/2024	PHÁT SINH TRONG KỲ		NGÀY 31/12/2024	TL/VBL (%)	GHI CHÚ
					TĂNG	GIẢM			
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+2+3)	5	6
	Phạm Công Tuấn Kiệt		Con ruột						
	Phạm Ngọc Minh Thu		Con ruột						
	Phạm Công Tuấn Kiên		Con ruột						
	Phạm Chí Thành		Anh ruột						
	Phạm Chí Toại		Anh ruột						Đã mất
	Phạm Thị Phương		Chị ruột						
	Phạm Thị Hằng Nga		Chị ruột						Đã mất
	Phạm Công Danh		Anh ruột						
	Phạm Thị Kim Dung		Em ruột						
	Nguyễn Thị Hoa		Chị dâu						
	Bùi Văn Minh		Anh rể						
	Phạm Đức Khánh		Anh rể						
	Phạm Thị Hồng		Chị dâu						
	Nguyễn Hữu Đức		Em rể						
	<i>Tổ chức</i>								
	Công ty Cp Vận tải Việt Tin (***)	UV HĐQT							Đại diện theo ủy quyền
	Cty Cp Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (****)	UV BKS							Đại diện theo ủy quyền
IV	Ban Kiểm Soát								
1	Ngô Phương Hạnh	Trưởng BKS		0	0	0	0		
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Lê Thị Ngọc Huy		Mẹ ruột						
	Ngô Hiệp		Cha ruột						đã mất
	Quách Thị Kim Hồng		Mẹ chồng						
	Nguyễn Văn Quý		Cha chồng						đã mất
	Nguyễn Tuấn Anh		Chồng						
	Nguyễn Anh Nguyên		Con ruột						
	Nguyễn Tuấn Nguyên		Con ruột						
	Ngô Hùng		Anh ruột						
	Ngô Thị Ngọc Huyền		Chị ruột						
	Ngô Nguyệt Hằng		Chị ruột						
	Ngô Thanh Hà		Chị ruột						
	Ngô Thị Thanh Hương		Chị ruột						
	Từ Dạ Ái		Chị dâu						
	Nguyễn Văn Sơn		Anh rể						
	Nguyễn Văn Quang		Anh rể						
	Nguyễn Văn Chính		Anh rể						
	Nguyễn Minh Ứng		Anh rể						
	<i>Tổ chức liên quan</i>								
	Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (**)	Phó phòng TC - KT		5.598.757	0	0	5.598.757	39,65	

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	MỐI QUAN HỆ	NGÀY 01/01/2024	PHÁT SINH TRONG KỲ		NGÀY 31/12/2024	TLVDL (%)	GHI CHÚ
					TĂNG	GIẢM			
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+2+3)	5	6
	Công ty Cp TM XNK Thủ Đức	Kiểm soát viên							
2	Nguyễn Đức Linh	UV BKS		0	0	0	0		
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Nguyễn Việt Anh		Cha ruột						đã mất
	Nguyễn Thị Thúy Hồng		Mẹ ruột						
	Huỳnh Kim Hoa		Mẹ vợ						
	Bùi Anh Tu		Cha vợ						đã mất
	Bùi Thị Minh Tâm		Vợ						
	Nguyễn Ngọc Như Ý		Con ruột						
	Nguyễn Ngọc Tường Vân		Con ruột						
	Nguyễn Thị Kim Chi		Chị ruột						
	Nguyễn Thị Kim Loan		Chị ruột						
	Nguyễn Đức Tài		Em ruột						
	Nguyễn Thị Kim Phượng		Chị ruột						
	Nguyễn Thị Ngọc Trâm		Em dâu						
	Nguyễn Hữu Phước		Em rể						
	<i>Tổ chức liên quan</i>								
	Tổng Công ty Dầu VN(*)	Trưởng Ban KS nội bộ		6.325.016	0	0	6.325.016	44,79	
3	Trần Thị Tố Như	UV BKS		11.560	0	0	11.560	0,082	Sở hữu
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Trần Thị Hồng Linh	Phụ trách quản trị - Trợ lý TGD, Thư ký Công ty	Mẹ ruột	66.170	0	0	66.170	0,47	Sở hữu
	Huỳnh Ngân Hà		Con ruột						
	Huỳnh Kiến Huy		Con ruột						
V	Thư ký Công ty								
	Trần Thị Hồng Linh	Phụ trách quản trị - Trợ lý TGD, Thư ký Công ty		66.170	0	0	66.170	0,47	Sở hữu
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Trần Quang Kéo		Cha ruột						đã mất
	Lê Thị Kim Lụa		Mẹ ruột						đã mất
	Trần Thị Tố Như		Con ruột	11.560	0	0	11.560	0,082	Sở hữu
	Trần Thị Thái		Em ruột						
	Trần Văn Nguyên		Em ruột						
	Trần Thị Thanh Kim		Em ruột						
	Trần Thị Hồng Chi		Em ruột						
	Trần Thị Thanh Nam		Em ruột						
	Trần Công Tường		Em rể						



C. P.

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	MỐI QUAN HỆ	NGÀY 01/01/2024	PHÁT SINH TRONG KỲ		NGÀY 31/12/2024	TL/VDL (%)	GHI CHÚ
					TĂNG	GIẢM			
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+2+3)	5	6
	Hà Thị Hiền		Em dâu						
	Trình Hữu Cường		Em rể						
	Trần Đăng Khoa		Em rể						
	Đỗ Trọng Dũng		Em rể						
VI	Tiểu ban Kiểm toán nội bộ								
1	Nguyễn Thị Kim Nhiên	Trưởng ban		1.000	0	0	1.000	0,007	Sở hữu
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Nguyễn Cao Hùng		Bố ruột						đã mất
	Lưu Thị Thìn		Mẹ ruột						
	Phạm Thanh Bình		Bố chồng						đã mất
	Đào Thị Hòa		Mẹ chồng						
	Phạm Quang Minh		Chồng						
	Phạm Quang Thắng		Con ruột						
	Phạm Minh Tỏ		Con ruột						
	Nguyễn Thị Gấm		Chị ruột						
	Nguyễn Thị Nhiều		Chị ruột						
	Nguyễn Cao Hùng		Anh ruột	4.200	0	0	4.200	0,03	Sở hữu
	Đàm Văn Quý		Anh rể						
	Phạm Bửu Long		Anh rể						
	Lê Thị Hồng Lý		Chị dâu						
	Phạm Thị Huệ		Em chồng						
	Phạm Đức Mạnh		Em chồng						
2	Nguyễn Thị Kim Thiện	Thành viên		130	0	0	130	0,001	Sở hữu
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Nguyễn Văn Thum		Cha ruột						đã mất
	Phạm Thị Kiều		Mẹ ruột						
	Lê Hoàng Quang Luật		Chồng						
	Lê Văn Sơn		Cha chồng						
	Hoàng Linh Thương		Mẹ chồng						
	Lê Nguyễn Đăng Khoa		Con ruột						
	Lê Nguyễn Minh Đăng		Con ruột						
	Nguyễn Hiếu Thiện		Anh ruột						
	Nguyễn Chí Thiện		Anh ruột						
	Nguyễn Thị Mỹ Thiện		Chị ruột						
	Nguyễn Thị Phương Diễm		Chị dâu						
	Lê Hoàng Thu Thủy		Chị chồng						
3	Nguyễn Cát Phương Yến	Thành viên		0	0	0	0		
	<i>Cá nhân liên quan</i>								
	Nguyễn Minh Thuận		Cha ruột						
	Nguyễn Thị Đẹp		Mẹ ruột						

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	MỐI QUAN HỆ	NGÀY 01/01/2024	PHÁT SINH TRONG KỲ		NGÀY 31/12/2024	TLVĐL (%)	GHI CHÚ
					TĂNG	GIẢM			
A	B	C	D	1	2	3	4 (1+2+3)	5	6
	Nguyễn Trọng Hiệp		Cha chồng						Đã mất
	Đỗ Thị Kim Anh		Mẹ chồng						
	Nguyễn Việt Cường		Chồng						
	Nguyễn Việt Phương		Con ruột						
	Nguyễn Anh Phương		Con ruột						
	Nguyễn Trọng Phương		Con ruột						
	Nguyễn Vĩnh Duy		Anh ruột						
	Nguyễn Thị Thảo		Chị dâu						
	Nguyễn Trọng Tuyên		Em ruột						
	Trương Thị Thúy Huỳnh		Em dâu						
	Nguyễn Đắc Luân		Em ruột						
	Nguyễn Hải Yến		Em chồng						

Ghi chú :

- (*): Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL) sở hữu tổng số 6.325.016 cp COM, trong đó ủy quyền đại diện sở hữu cho các cá nhân gồm: ông Lê Văn Nghĩa (Chủ tịch HĐQT COMECO) 3.500.816 cp, ông Lê Văn Bách (UV.HĐQT COMECO) 2.824.200 cp.

- (**): Công ty TNHH MTV Dầu khí TP.HCM (Saigon Petro) sở hữu tổng cộng: 5.598.757 cp COM, trong đó ủy quyền đại diện sở hữu cho các cá nhân gồm: ông Lý Vĩnh Hòa (Thành viên HĐQT COMECO): 3.359.254 cp, ông Huỳnh Ngọc Thành (Thành viên HĐQT COMECO): 2.239.503 cp.

- (***) : Ông Phạm Công Quyền thôi là Người đại diện phần vốn góp của COMECO tại Công ty CP Vận tải Việt Tín từ ngày 01/01/2025 theo Nghị quyết số 71-24/NQ-HĐQT ngày 18/12/2024 của HĐQT.

- (****): Ông Phạm Công Quyền thôi là Người đại diện phần vốn góp của COMECO tại Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn từ ngày 01/01/2025 theo Nghị quyết số 70-24/NQ-HĐQT ngày 18/12/2024 của HĐQT.

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2025



Lê Văn Thương

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

*Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán*

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU

Năm 2024

Được kiểm toán bởi:

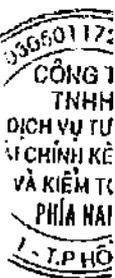
**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
(AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (028).38205.944 - 38205.947; Fax:(028). 38205.942

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	03 – 05
Báo cáo kiểm toán độc lập	06 – 07
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	08 – 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2024	11 – 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2024	13 – 36



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) được thành lập theo Quyết định số 94/2000/QĐ-TTG ngày 09 tháng 08 năm 2000 của Thủ Tướng Chính Phủ, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000236 ngày 13 tháng 12 năm 2000 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300450673 thay đổi lần thứ 20 ngày 15 tháng 11 năm 2021.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: Xuất nhập khẩu: Xăng, dầu, nhớt, mỡ, gas. Bán buôn xăng, dầu, nhớt, mỡ. Bán lẻ xăng, dầu, dầu nhờn, mỡ bôi trơn và các sản phẩm nhiên liệu khác. Môi giới bất động sản, kinh doanh bất động sản, cho thuê kho bãi. Dịch vụ cung ứng tàu biển, giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước. Bán lẻ phân bón, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Mua bán thiết bị, dụng cụ hệ thống điện (máy biến thế, mô tơ điện, ổn áp, máy phát, dây điện, vật lưu dẫn, bóng đèn, bảng điện, công tắc, cầu chì, aptômát), vật liệu xây dựng, thiết bị máy ngành công nghiệp – khai khoáng – lâm nghiệp và xây dựng, thiết bị vệ sinh. Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh. Mua bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi, thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh. Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy. Bán buôn phân bón, hóa chất. Đại lý mua bán hàng hóa, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán), dịch vụ đại lý bưu chính viễn thông (trừ đại lý truy cập internet). Vận chuyển nhiên liệu, nhớt, mỡ bằng ô tô. Nhà hàng và dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không hoạt động tại trụ sở). Quảng cáo thương mại. Cho thuê văn phòng. Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Vận tải hành khách đường thủy nội địa. Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú trong tự (không hoạt động tại trụ sở). Xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp, tư vấn xây dựng. Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ trở xuống). Sửa chữa, tân trang phương tiện, thiết bị giao thông vận tải, dịch vụ rửa xe. Bán mô tô, xe gắn máy. Mua bán vải, hàng may mặc, khẩu trang, quần áo bảo hộ lao động, giày dép. Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da, giả da trong các cửa hàng chuyên doanh. Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Kinh doanh bãi đỗ xe. Trồng lúa. Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác. Trồng thuốc lá, thuốc lào. Trồng cây lấy sợi. Trồng cây có hạt chứa dầu. Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh. Trồng cây ăn quả. Trồng cây lấy củ có chất bột. Trồng cây mía. Trồng cây hàng năm khác. Trồng cây lấy quả chứa dầu. Trồng cây điều. Trồng cây hồ tiêu. Trồng cây lâu năm khác.

Trụ sở chính tại: Số 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính.

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Tiểu ban Kiểm toán nội bộ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Lê Văn Nghĩa	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2022)
Ông Lý Vĩnh Hòa	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2022)
Ông Lê Văn Bách	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2022)
Ông Huỳnh Ngọc Thành	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2022)
Ông Lê Tấn Thương	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2022)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông Lê Tấn Thương	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01 tháng 05 năm 2022)
Ông Phạm Văn Khoa	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 27 tháng 02 năm 2023)
Ông Nguyễn Chơn Quang	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 20 tháng 01 năm 2025)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Ông Phạm Công Quyền Giám đốc Tài chính (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2025)
– Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Hữu Hoàng Giám đốc Tài chính (Bỏ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2025)
– Kế toán trưởng

Các thành viên Ban kiểm soát

Bà Ngô Phương Hạnh Trưởng ban (Bỏ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2022)

Ông Nguyễn Đức Linh Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2022)

Bà Trần Thị Tố Như Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2024)

Ông Bùi Huy Thắng Thành viên (Miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2024)

Các thành viên của Tiểu ban Kiểm toán nội bộ bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Kim Nhiên Trưởng ban (Bỏ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2024)

Ông Phan Dũng Tiến Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2024)

Bà Nguyễn Thị Kim Thiện Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 05 tháng 8 năm 2022)

Bà Nguyễn Cát Phương Yên Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 05 tháng 8 năm 2022)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư Vấn Tài chính Kế Toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP. HCM, ngày 20 tháng 02 năm 2025

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Lê Tấn Thương

05011
CÔNG
TNF
DỊCH VỤ
CHÍNH
VÀ KIỂM
PHÍA I
/ - T.P.

Số: ~~HA~~/BCKT/TC/2025/AASCS**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP***(Về Báo cáo tài chính năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
của Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu)*

Kính gửi: Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) được lập ngày 20 tháng 02 năm 2025 từ trang 08 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2025
Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)



P. Tổng Giám đốc

Lê Văn Tuấn

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0479-2023-142-1

Kiểm toán viên

Chu Thế Bình

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1858-2023-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		205.484.626.173	199.890.601.067
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	95.564.510.972	117.348.969.439
1. Tiền	111		35.564.510.972	47.348.969.439
2. Các khoản tương đương tiền	112		60.000.000.000	70.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		12.450.332.850	12.365.447.750
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	19.346.704.000	19.346.704.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(6.896.371.150)	(6.981.256.250)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.864.548.208	17.211.936.562
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	60.162.608.983	52.603.292.869
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	253.415.225	160.119.693
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(35.551.476.000)	(35.551.476.000)
IV. Hàng tồn kho	140		70.343.097.767	50.632.744.398
1. Hàng tồn kho	141	V.6	70.343.097.767	50.632.744.398
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.262.136.376	2.331.502.918
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.262.136.376	2.331.502.918
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14		
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		279.282.264.165	290.305.186.578
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.900.000.000	1.900.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	1.900.000.000	1.900.000.000
II. Tài sản cố định	220		230.712.282.461	233.253.426.738
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	120.564.230.704	120.426.136.489
- Nguyên giá	222		238.516.180.389	231.057.461.347
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(117.951.949.685)	(110.631.324.858)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	110.148.051.757	112.827.290.249
- Nguyên giá	228		139.789.025.363	139.291.025.363
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(29.640.973.606)	(26.463.735.114)
III. Bất động sản đầu tư	230			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		6.930.825.988	13.583.653.539
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	6.930.825.988	13.583.653.539
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.114.544.475	731.938.040
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	12.000.000.000	12.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(10.885.455.525)	(11.268.061.960)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		38.624.611.241	40.836.168.261
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	36.160.611.936	38.746.134.880
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.463.999.305	2.090.033.381
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		484.766.890.338	490.195.787.645

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

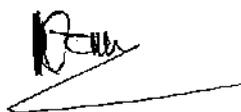
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		50.481.028.465	51.011.163.798
I. Nợ ngắn hạn	310		50.481.028.465	51.011.163.798
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	3.047.581.800	2.112.222.440
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	6.926.252.932	4.320.536.937
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	4.107.482.374	5.712.386.265
4. Phải trả người lao động	314	V.15	17.054.061.480	16.866.288.947
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315			
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	10.517.439.975	13.018.002.185
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11		
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi, ban điều hành	322	V.18	8.828.209.904	8.981.727.004
II. Nợ dài hạn	330			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.17		
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		434.285.861.873	439.184.623.847
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	434.285.861.873	439.184.623.847
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		141.206.280.000	141.206.280.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		141.206.280.000	141.206.280.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		135.484.038.434	135.484.038.434
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		21.242.445.149	21.242.445.149
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20e	99.685.822.404	99.685.822.404
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		36.667.275.886	41.566.037.860
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		10.325.095.860	7.653.446.960
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		26.342.180.026	33.912.590.900
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		484.766.890.338	490.195.787.645

Lập, ngày 20 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Nguyễn Công Nam

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Nguyễn Hữu Hoàng



Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Lưu Văn Thương

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TPHCM.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	VI.1	4.106.869.520.109	4.342.646.964.846
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	325.590.196	308.650.022
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.3	4.106.543.929.913	4.342.338.314.824
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	3.908.259.310.801	4.154.700.197.820
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		198.284.619.112	187.638.117.004
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	2.552.503.043	3.600.820.251
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	(464.659.638)	1.682.926.931
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			66.301.370
8. Chi phí bán hàng	25	VI.9a	148.545.662.940	143.535.126.468
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.9b	18.044.571.293	17.389.651.449
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		34.711.547.560	28.631.232.407
11. Thu nhập khác	31	VI.7	685.585.382	14.809.092.302
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.178.091.852	482.977.436
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(492.506.470)	14.326.114.866
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		34.219.041.090	42.957.347.273
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	7.716.826.988	8.873.722.297
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(373.965.924)	(373.965.924)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	VI.14	26.876.180.026	34.457.590.900
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	1.316	1.852
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

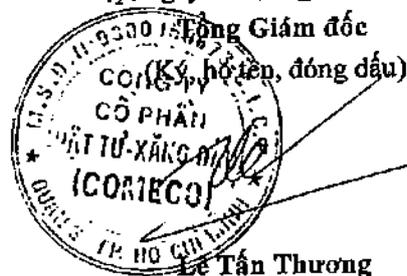
Lập, ngày 20 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Nguyễn Công Nam

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguyễn Hữu Hoàng



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		34.219.041.090	42.957.347.273
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		10.497.863.319	10.837.277.294
- Các khoản dự phòng	03		(467.491.535)	1.614.080.298
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.552.503.043)	(3.600.820.251)
- Chi phí lãi vay	06			66.301.370
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		41.696.909.831	51.874.185.984
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(853.349.060)	11.313.556.324
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(19.710.353.369)	46.633.174.976
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.107.048.645)	(51.047.053.821)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.585.522.944	(274.008.952)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			(66.301.370)
- Tiền lãi vay đã trả	14			1.088.776.860
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.443.387.229)	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(8.453.464.322)	(8.188.083.122)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.714.830.150	51.334.246.879
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.956.719.042)	(8.032.294.147)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.475.434.550	3.600.820.251
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.481.284.492)	(4.431.473.896)

011729
CÔNG TY
TNHH
VẬT TƯ
XĂNG DẦU
KIỂM TOÁN
HÀNG NĂM
T.P.HỒ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33			82.000.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34			(82.000.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(21.018.004.125)	(21.029.087.625)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(21.018.004.125)	(21.029.087.625)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(21.784.458.467)	25.873.685.358
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		117.348.969.439	91.475.284.081
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	95.564.510.972	117.348.969.439

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Nguyễn Công Nam

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Nguyễn Hữu Hoàng

Lập ngày 20 tháng 02 năm 2025



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) được thành lập theo Quyết định số 94/2000/QĐ-TTG ngày 09 tháng 08 năm 2000 của Thủ Tướng Chính Phủ, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000236 ngày 13 tháng 12 năm 2000 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300450673 thay đổi lần thứ 20 ngày 15 tháng 11 năm 2021.

Vốn điều lệ của Công ty là: 141.206.280.000 đồng (Một trăm bốn mươi một tỷ hai trăm lẻ sáu triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng)

Số lượng công nhân viên đến ngày 31/12/2024: 486 người

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại, dịch vụ, xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh: : Xuất nhập khẩu: Xăng, dầu, nhớt, mỡ, gas. Bán buôn xăng, dầu, nhớt, mỡ. Bán lẻ xăng, dầu, dầu nhờn, mỡ bôi trơn và các sản phẩm nhiên liệu khác. Môi giới bất động sản, kinh doanh bất động sản, cho thuê kho bãi. Dịch vụ cung ứng tàu biển, giao nhận hàng hóa trong và ngoài nước. Bán lẻ phân bón, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Mua bán thiết bị, dụng cụ hệ thống điện (máy biến thế, mô tơ điện, ổn áp, máy phát, dây điện, vật lưu dẫn, bóng đèn, bảng điện, công tắc, cầu chì, aptômát), vật liệu xây dựng, thiết bị máy ngành công nghiệp – dệt, băng điện, công tắc, cầu chì, aptômát), vật liệu xây dựng, thiết bị vệ sinh. Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khai khoáng – lâm nghiệp và xây dựng, thiết bị vệ sinh. Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh. Mua bán máy vi tính, thiết bị ngoại vi, thiết bị điều hòa nhiệt độ, thiết bị vệ sinh. Lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy. Bán buôn phân bón, hóa chất. Đại lý mua bán hàng hóa, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán), dịch vụ đại lý bưu chính viễn thông (trừ đại lý truy cập internet). Vận chuyển nhiên liệu, nhớt, mỡ bằng ô tô. Nhà hàng và dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không hoạt động tại trụ sở). Quảng cáo thương mại. Cho thuê văn phòng. Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Vận tải hành khách đường thủy nội địa. Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự (không hoạt động tại trụ sở). Xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp, tư vấn xây dựng. Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ trở xuống). Sửa chữa, tân trang phương tiện, thiết bị giao thông vận tải, dịch vụ rửa xe. Bán mô tô, xe gắn máy. Mua bán vải, hàng may mặc, khẩu trang, quần áo bảo hộ lao động, giày dép. Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da, giả da trong các cửa hàng chuyên doanh. Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Kinh doanh bãi đỗ xe. Trồng lúa. Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác. Trồng thuốc lá, thuốc láo. Trồng cây lấy sợi. Trồng cây có hạt chứa dầu. Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh. Trồng cây ăn quả. Trồng cây lấy củ có chất bột. Trồng cây mía. Trồng cây hàng năm khác. Trồng cây lấy quả chứa dầu. Trồng cây điều. Trồng cây hồ tiêu. Trồng cây lâu năm khác.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

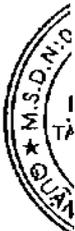
Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không.

II Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

III Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng:

- 1. Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:** Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV Các chính sách kế toán áp dụng:

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

Việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong năm được thực hiện theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành tiền cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

- 3.1 Các khoản cho vay:** Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

011720
CÔNG TY
TNHH
H VU TƯ V
HÌNH KẾ T
KIỂM TOÁN
PHÍA NAM
T.P.HỒ C

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

4. **Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:** Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:
- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.
- Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

5.1 **Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho:**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

5.2 **Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

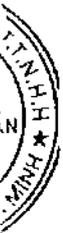
5.3 **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

5.4 **Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. **Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:**

6.1 **Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:**



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định của Bộ Tài chính

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả và chi phí phải trả:

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

10.1 Vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông, chủ sở hữu.

10.2 Thặng dư vốn cổ phần:

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

10.3 Vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

11.1 Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm:

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

11.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

11.3 Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

12. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính: Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng

35011
CÔNG
TY
CH VỤ
CHÍNH
TÀ KIỂM
PHIA
- T.P

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

khoản; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Không hạch toán vào chi phí tài chính những nội dung chi phí sau đây:

- Chi phí phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Chi phí kinh doanh bất động sản;
- Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản;
- Các khoản chi phí được trang trải bằng nguồn kinh phí khác;
- Chi phí khác.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu và được ghi nhận vào chi phí tài chính nếu việc phát hành trái phiếu cho mục đích sản xuất, kinh doanh thông thường.

Lãi phải trả của trái phiếu chuyển đổi được tính vào chi phí tài chính trong kỳ được xác định bằng cách lấy giá trị phần nợ gốc đầu kỳ của trái phiếu chuyển đổi nhân (x) với lãi suất của trái phiếu tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu hoặc lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường tại thời điểm phát hành trái phiếu chuyển đổi

Nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả, khoản cổ tức ưu đãi đó về bản chất là khoản lãi vay và phải được ghi nhận vào chi phí tài chính.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp:

a. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng:

Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí bán hàng được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí như: Chi phí nhân viên, vật liệu, bao bì, dụng cụ, đồ dùng, khấu hao TSCĐ; dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

b. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:

Các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); Bảo hiểm xã hội, y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (Điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (Tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

Thuế TNDN hiện hành:

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TPHCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
I. TIỀN		
* Tiền mặt (VND)	15.699.364	88.943.472
* Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	27.653.302.552	21.957.032.418
- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - CN Quận 4	8.715.028.951	3.864.155.765
- Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam - CN Quận 10	304.370.453	974.017.064
- Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt	160.006.508	11.588.799
- Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại	59.415.999	59.296.899
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Quận 10	6.603.977.340	5.903.416.141
- Ngân Hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Kỳ Đồng	10.370.262.009	8.300.211.157
- Ngân hàng TMCP Phát Triển TP. HCM - CN Vạn Hạnh	108.354.955	253.423.498
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam - CN Quận 3	1.291.701.595	2.579.630.680
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - CN Hồ Chí Minh	30.804.170	11.292.621
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Bắc Sài Gòn	9.380.572	
* Tiền đang chuyển	7.895.509.056	25.302.993.549
* Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi NH kỳ hạn dưới 3 tháng)	60.000.000.000	70.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam - CN Quận 3	60.000.000.000	
- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - CN Quận 4		50.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Quận 10		20.000.000.000
Cộng	95.564.510.972	117.348.969.439

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm			Số đầu năm			Đơn vị tính: VND		
	Số lượng Cp (CP)	Tỷ lệ % vốn năm giữ	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ % vốn năm giữ		Giá gốc	Dự phòng
a. Chứng khoán kinh doanh									
- Cổ phiếu									
Công ty CP Cà Phê Petec (PCF)	43.800		19.346.704.000	6.896.371.150	15.769.707.200		19.346.704.000	6.981.256.250	12.365.447.750
Công ty CP Bến Xe Miền Tây (WCS)	5.000		444.000.000	226.752.000	217.248.000		444.000.000	224.430.600	219.569.400
Công ty CP TM XNK Thủ Đức (TMC)	264.752		87.500.000	3.472.342.600	1.350.000.000		87.500.000		87.500.000
Công ty CP Cơ Khí Xăng Dầu (PMS)	176.942		5.775.685.000	3.472.342.600	2.303.342.400		5.775.685.000	3.392.917.000	2.382.768.000
Công ty CP Thương Nghiệp Cà Mau (CMV)	356.256		3.989.625.000	1.609.344.000	5.644.449.800		3.989.625.000	1.609.344.000	3.989.625.000
Công ty CP DV Ô tô Hàng Xanh (HAX)	26.469		46.600.000	1.609.344.000	3.028.176.000		46.600.000		46.600.000
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	200.000		2.000.000.000	140.651.800	2.000.000.000		2.000.000.000		2.000.000.000
Công ty CP Xăng Dầu Dầu Khí Nam Định (PND)	17.640		272.599.000	140.651.800	131.947.200		272.599.000	160.761.400	111.837.600
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (PEG)	99.675		2.093.175.000	1.447.280.750	645.894.250		2.093.175.000	1.593.803.250	499.371.750
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác									
- Đầu tư vào đơn vị khác									
Công ty CP CK Ô tô Cần Thơ (*)	200.000	6,01%	12.000.000.000	10.885.455.525	1.114.544.475		12.000.000.000	11.268.061.960	731.938.040
Công ty CP Vận Tài Việt Tín (**)	1.000.000	14,93%	12.000.000.000	10.885.455.525	1.114.544.475		12.000.000.000	11.268.061.960	731.938.040
Ghi chú :									

(*) Thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này chưa thu thập được báo cáo tài chính cho năm tài chính 2024; Do vậy, mức trích dự phòng này được tạm trích căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2023 (mức trích lập dự phòng này có thể thay đổi khi thu thập được báo cáo tài chính của đơn vị và sẽ được điều chỉnh vào kỳ sau "nếu có").

(**) Thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này chưa thu thập được báo cáo tài chính cho năm tài chính 2024; Do vậy, mức trích lập dự phòng này có thể thay đổi khi thu thập được báo cáo tài chính của đơn vị và sẽ được điều chỉnh vào kỳ sau "nếu có".

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECCO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comecco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

Đơn vị tính: VND	
Số cuối năm	Số đầu năm
60.162.608.983	52.603.292.869
42.975.577.641	37.065.575.021
35.551.476.000	35.551.476.000
7.424.101.641	1.514.099.021
17.187.031.342	15.537.717.848
2.494.296.065	1.725.824.091
1.443.293.655	1.652.490.207
13.249.441.622	12.159.403.550
60.162.608.983	52.603.292.869

3. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

Ngắn hạn

- * Phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng
- Công ty TNHH Điện Tử Huynh đại Việt Nam
- Công ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị
- * Các khoản phải thu khách hàng khác
- Công ty TNHH Vận tải KUMHO SAMCO BUSLINES
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn
- Các đối tượng khác

Cộng

4. PHẢI THU KHÁC

a) Ngắn hạn

- Phải thu tạm ứng
- + Nguyễn Tuệ Minh
- + Nguyễn Thành Nhân
- + Nguyễn Ngọc Trọng
- + Đối tượng khác
- Lãi dự thu
- Phải thu khác

b) Dài hạn

- Tiền đặt cọc thuế mặt bằng

Cộng

Số cuối năm

Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Số đầu năm
253.415.225		160.119.693	
97.557.773		102.742.498	
38.448.000			
20.000.000		20.000.000	
39.109.773		67.435.633	
77.068.493		15.306.865	
78.788.959		57.377.195	
1.900.000.000		1.900.000.000	
1.900.000.000		1.900.000.000	
2.153.415.225		2.060.119.693	



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

5. NỢ XẤU

Phải thu khách hàng	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi được	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi được
- Công ty TNHH Điện Tử Hyundai Việt Nam (*)		35.551.476.000			35.551.476.000	
Cộng		35.551.476.000			35.551.476.000	

Ghi chú (*): Khoản nợ xấu đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi 100% trên số dư nợ phải thu phát sinh theo hợp đồng mua bán hàng hóa số 150/HD-VX ngày 09/02/2012 giữa Công ty Cổ Phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO) và Công ty TNHH Điện Tử Hyundai Việt Nam, thời hạn thanh toán tiền hàng trong vòng 30 ngày kể từ ngày bên bán (COMECO) phát hành hóa đơn GTGT cho mỗi đợt giao hàng, được đảm bảo thanh toán bằng thư bảo lãnh số 1102/12/BL - HDB013 ngày 11/02/2012 của Ngân hàng Phát Triển Nhà TP.HCM (HD Bank) có giá trị bảo lãnh là 50 tỷ đồng. Sau khi thu được một phần tiền nợ là 6.712.080.000 VND và cân trừ bằng hàng hóa với giá trị là 4.381.982.000 VND, số tiền còn nợ là 38.878.946.000 VND chưa được Ngân hàng thanh toán thay như cam kết trong thư báo lãnh; Do vậy, ngày 01/9/2012 Công ty đã khởi kiện yêu cầu Ngân Hàng HD Bank thanh toán theo cam kết bảo lãnh, vụ án đã được Tòa án nhân dân cấp cao Tp. Hà Nội xét xử (trong năm 2017, 2018, 2019 và 2021 đã thu hồi thêm số tiền là 3.327.470.000 VND, số dư còn lại là 35.551.476.000 VND đến nay chưa thu hồi được).

6. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường	43.096.000.001		16.295.527.272	
- Công cụ, dụng cụ	52.275.000			
- Hàng hóa	27.194.822.766		34.337.217.126	
Cộng	70.343.097.767		50.632.744.398	

7. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

- * Chi phí xây dựng cơ bản dở dang
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác

Số cuối năm		Số đầu năm	
6.930.825.988		13.583.653.539	
6.930.825.988		13.583.653.539	
6.930.825.988		13.583.653.539	



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

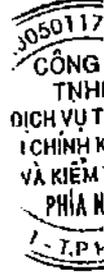
Năm 2024

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tổng Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	176.973.592.928	26.317.059.745	23.811.998.083	3.954.810.591	231.057.461.347
- Mua trong năm		126.546.000	5.636.022.102	236.890.000	5.999.458.102
- Cải tạo sửa chữa	1.459.260.940				1.459.260.940
- Đầu tư XDCB hoàn thành					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	178.432.853.868	26.443.605.745	29.448.020.185	4.191.700.591	238.516.180.389
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	61.735.892.725	24.157.876.850	20.782.744.692	3.954.810.591	110.631.324.858
- Khấu hao trong năm	5.617.011.834	732.884.612	957.568.381	13.160.000	7.320.624.827
- Tăng khác					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	67.352.904.559	24.890.761.462	21.740.313.073	3.967.970.591	117.951.949.685
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	115.237.700.203	2.159.182.895	3.029.253.391		120.426.136.489
2. Tại ngày cuối năm	111.079.949.309	1.552.844.283	7.707.707.112	223.730.000	120.564.230.704

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 đồng.

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 58.504.171.029 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

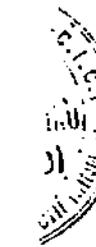
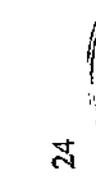
Năm 2024

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền SD Đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	138.636.025.363		655.000.000		139.291.025.363
- Mua trong năm			498.000.000		498.000.000
- Cải tạo sửa chữa					
- Đầu tư XDCB hoàn thành					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giám khác					
Số dư cuối năm	138.636.025.363		1.153.000.000		139.789.025.363
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	25.808.735.114		655.000.000		26.463.735.114
- Khấu hao trong năm	3.135.738.492		41.500.000		3.177.238.492
- Tăng khác					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giám khác					
Số dư cuối năm	28.944.473.606		696.500.000		29.640.973.606
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	112.827.290.249				112.827.290.249
2. Tại ngày cuối năm	109.691.551.757		456.500.000		110.148.051.757

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 đồng.

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 924.528.583 đồng



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

Số cuối năm	Số đầu năm
36.160.611.936	38.746.134.880
34.911.106.196	36.147.070.388
1.249.505.740	2.599.064.492
36.160.611.936	38.746.134.880

Đơn vị tính: VND

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

* Dài hạn

- Giá trị quyền sử dụng đất thuê trả tiền thuê đất một lần (*)

- Công cụ, dụng cụ chưa phân bổ

Cộng

Ghi chú (*): Đây là giá trị quyền sử dụng đất thuê đã trả tiền thuê cho cả thời gian thuê đất (đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất):

STT	Vị trí đất	Diện tích thuê	Thời gian thuê	Cơ quan cấp giấy CN quyền SD đất	Trị giá	Giá trị còn lại
1	Thửa số 4822 Tờ bản đồ số 2 Địa chỉ Xã Nhị Thành, Huyện Thủ Thừa, Tỉnh Long An	3.314 m ²	Đến 10/9/2058	Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Long An	14.950.206.278	12.965.382.298
2	Thửa số 106 Tờ bản đồ số 40 Địa chỉ Xã Hồ Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai	3.872 m ²	Đến 01/01/2046	Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Đồng Nai	9.678.679.000	5.626.865.208
3	Thửa số 378 Tờ bản đồ số 2 Địa chỉ Phường 16, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh	614 m ²	Đến 04/09/2052	Ủy ban Nhân dân Tp.HCM	2.248.400.000	1.337.798.073
4	Thửa số 1773 Tờ bản đồ số 3 Địa chỉ Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	2.500 m ²	Đến 04/4/2053	Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Long An	17.500.000.000	14.981.060.617
Tổng					44.377.285.278	34.911.106.196

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
* Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	3.047.581.800	3.047.581.800	2.112.222.440	2.112.222.440
- Công ty TNHH TM DV Nam Giang	1.154.315.800	1.154.315.800	1.199.242.440	1.199.242.440
- Công ty CP Hóa Dầu Mekong	1.375.980.000	1.375.980.000	512.580.000	512.580.000
* Phải trả người bán là các bên liên quan	517.286.000	517.286.000	400.400.000	400.400.000
- Công ty CP Dầu Nhớt PV OIL	517.286.000	517.286.000	400.400.000	400.400.000
Cộng	3.047.581.800	3.047.581.800	2.112.222.440	2.112.222.440

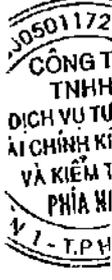
13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
* Ngắn hạn	6.926.252.932	4.320.536.937
- Công ty TNHH MTV KCN Vĩnh Lộc	3.456.265.600	826.017.600
- Công ty TNHH Kỹ thuật Xây dựng Đồng Phong	574.100.000	727.020.000
- Các đối tượng khác	2.499.484.132	2.252.664.737
* Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	396.403.200	514.834.600
- Công ty TNHH Hải Thành Viên Anh Hòa	396.403.200	514.834.600
Cộng	6.926.252.932	4.320.536.937

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp
* Thuế	5.712.386.285	48.217.847.307	49.822.751.218	4.107.482.374
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	16.686.206.957	16.686.206.957	16.686.206.957	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.716.826.988	9.443.387.229	9.443.387.229	3.075.286.259
- Thuế thu nhập cá nhân	3.403.378.015	3.403.378.015	3.403.378.015	
- Tiền nhà đất, tiền thuế đất	20.366.435.347	20.244.779.017	20.244.779.017	1.032.196.115
- Thuế môn bài	45.000.000	45.000.000	45.000.000	
Cộng	5.712.386.285	48.217.847.307	49.822.751.218	4.107.482.374

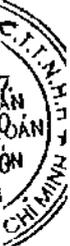
Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế, do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
		<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
15. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG			
- Lương phải trả công nhân viên		17.054.061.480	16.866.288.947
<u>Cộng</u>		<u>17.054.061.480</u>	<u>16.866.288.947</u>
16. PHẢI TRẢ KHÁC			
* Ngắn hạn			
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam - CN Quận 3		2.138.774.417	2.138.774.417
- Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines		1.021.676.400	821.676.400
- Công ty TNHH Samaa		300.000.000	300.000.000
- Công ty CP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT		287.100.000	
- Công ty TNHH MTV Hân Du Travel		250.000.000	
- Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn		196.680.100	196.680.100
- Phải trả khác		6.323.209.058	9.560.871.268
<u>Cộng</u>		<u>10.517.439.975</u>	<u>13.018.002.185</u>
17. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI, BAN ĐIỀU HÀNH			
- Quỹ khen thưởng		6.250.874.083	7.340.574.083
- Quỹ phúc lợi		2.577.335.821	1.641.152.921
<u>Cộng</u>		<u>8.828.209.904</u>	<u>8.981.727.004</u>



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

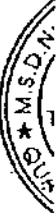
a/ Bảng cân đối biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						Tổng Cộng
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		
A	1	2	3	4	5	6	
Số dư đầu năm trước	141.206.280.000	135.484.038.434	99.685.822.404	21.242.445.149	37.118.665.975	434.737.251.962	
- Tăng vốn trong năm trước							
- Lãi trong năm trước					34.457.590.900	34.457.590.900	
- Tăng khác							
- Giảm vốn trong năm trước							
- Lỗ trong năm trước							
- Giảm khác							
Số dư đầu năm nay	141.206.280.000	135.484.038.434	99.685.822.404	21.242.445.149	30.010.219.015	30.010.219.015	
- Tăng vốn trong năm nay					41.566.037.860	439.184.623.847	
- Lãi trong năm nay					26.876.180.026	26.876.180.026	
- Tăng khác							
- Giảm vốn trong năm nay							
- Lỗ trong năm nay							
- Giảm khác (*)							
Số dư cuối năm nay	141.206.280.000	135.484.038.434	99.685.822.404	21.242.445.149	31.774.942.000	31.774.942.000	
					36.667.275.886	434.285.861.873	

(*) Giảm khác của lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 19 tháng 4 năm 2024, gồm:

- Chi cổ tức 15%	21.180.942.000
- Trích quỹ khen thưởng	7.300.000.000
- Trích quỹ phúc lợi	1.000.000.000
- Khen thưởng HĐQT, BKS và Ban điều hành	1.760.000.000
- Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát không chuyên trách	534.000.000
Cộng	31.774.942.000



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

b/ Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH Một Thành Viên Dầu Khí Thành Phố (SAIGON PETRO)	39,65%	55.987.570.000	55.987.570.000
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP (PVOIL)	44,79%	63.250.160.000	63.250.160.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	15,56%	21.968.550.000	21.968.550.000
Cộng	100%	141.206.280.000	141.206.280.000

c/ Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu

- + Vốn góp đầu năm
- + Vốn góp tăng trong năm
- + Vốn góp giảm trong năm
- + Vốn góp cuối năm

- Cổ tức lợi nhuận đã chia

d/ Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành

- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng

+ Cổ phiếu phổ thông

+ Cổ phiếu ưu đãi

- Số lượng cổ phiếu được mua lại

+ Cổ phiếu phổ thông

+ Cổ phiếu ưu đãi

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

+ Cổ phiếu phổ thông

+ Cổ phiếu ưu đãi

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/CP

d/ Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi

- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận

e/ Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư và phát triển

	Năm nay	Năm trước
	141.206.280.000	141.206.280.000
	141.206.280.000	141.206.280.000
	21.180.942.000	21.180.942.000
	Số cuối năm	Số đầu năm
	14.120.628	14.120.628
	14.120.628	14.120.628
	14.120.628	14.120.628
	14.120.628	14.120.628
	14.120.628	14.120.628
	14.120.628	14.120.628
	99.685.822.404	99.685.822.404
	99.685.822.404	99.685.822.404

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

- Doanh thu bán hàng hóa

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Cộng

	Năm nay	Năm trước
	4.079.961.565.732	4.316.170.754.709
	26.907.954.377	26.476.210.137
	4.106.869.520.109	4.342.646.964.846

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

- Chiết khấu hàng bán

Cộng

Năm nay

325.590.196

Năm trước

308.650.022

325.590.196

308.650.022

3. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

- Doanh thu bán hàng hóa

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Cộng

Năm nay

4.079.635.975.536

Năm trước

4.315.862.104.687

26.907.954.377

26.476.210.137

4.106.543.929.913

4.342.338.314.824

4. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

- Giá vốn hàng hóa

- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp

Cộng

Năm nay

3.894.881.978.071

Năm trước

4.142.199.775.192

13.377.332.730

12.500.422.628

3.908.259.310.801

4.154.700.197.820

5. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay

- Cổ tức, lợi nhuận được chia

Cộng

Năm nay

1.531.488.643

Năm trước

2.659.341.151

1.021.014.400

941.479.100

2.552.503.043

3.600.820.251

6. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

- Lãi tiền vay

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

- Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

- Chi phí tài chính khác

Cộng

Năm nay

(467.491.535)

Năm trước

66.301.370

1.614.080.298

2.831.897

2.545.263

(464.659.638)

1.682.926.931

7. THU NHẬP KHÁC

- Hoàn nhập rủi ro môi trường

- Thu hỗ trợ bán hàng

- Thu nhập khác

Cộng

Năm nay

680.000.000

5.585.382

685.585.382

Năm trước

14.120.628.000

680.000.000

8.464.302

14.809.092.302

8. CHI PHÍ KHÁC

- Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính

- Tiền thu lợi do vi phạm về đất đai

- Truy thu thuế GTGT

- Chi phí khác

Cộng

Năm nay

759.094.744

185.917.590

233.079.518

1.178.091.852

Năm trước

30.000.000

452.096.097

881.339

482.977.436

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

9. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao
- Các khoản chi phí bán hàng khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
67.529.617.695	67.143.986.229
10.068.439.888	10.283.888.930
70.947.605.357	66.107.251.309
148.545.662.940	143.535.126.468

b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

- Chi phí nhân viên quản lý
- Chi phí khấu hao
- Các khoản chi phí QLDN khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
13.829.120.165	12.826.043.799
171.874.848	171.874.848
4.043.576.280	4.391.732.802
18.044.571.293	17.389.651.449

10. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

Cộng

Năm nay	Năm trước
982.785.554	429.134.489
89.336.737.860	92.010.536.913
10.497.863.319	10.837.277.294
43.817.526.982	41.659.574.189
30.332.653.248	29.118.619.653
174.967.566.963	174.055.142.538

11. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN năm nay

Cộng

Năm nay	Năm trước
7.202.573.729	8.873.722.297
514.253.259	
7.716.826.988	8.873.722.297

12. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN
- Trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi ...
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Năm nay	Năm trước
26.876.180.026	34.457.590.900
8.300.000.000	8.300.000.000
18.576.180.026	26.157.590.900
14.120.628	14.120.628
1.316	1.852

Ghi chú: Việc trích số Quỹ Khen thưởng - Phúc lợi năm nay tạm tính bằng số trích năm trước căn cứ vào kết quả phân chia lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 19/04/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

13. CHI PHÍ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

- Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Cộng

Năm nay	Năm trước
660.000.000	660.000.000
660.000.000	660.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

14. THUẾ TNDN PHẢI NỘP VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRONG KỲ	Năm nay	Năm trước
+ Tổng lợi nhuận trước thuế	34.219.041.090	42.957.347.273
+ Các khoản điều chỉnh tăng	945.012.334	482.913.691
+ Các khoản điều chỉnh giảm	1.021.014.400	941.479.100
- Cổ tức lợi nhuận được chia	1.021.014.400	941.479.100
+ Tổng thu nhập chịu thuế	34.143.039.024	42.498.781.864
+ Thuế TNDN phải nộp	7.202.573.729	8.873.722.297
+ Thuế TNDN truy thu	514.253.259	
+ Thuế TNDN hoãn lại	(373.965.924)	(373.965.924)
+ Lợi nhuận sau thuế TNDN	26.876.180.026	34.457.590.900

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1- Số tiền đi vay thực thu trong năm:

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường: 0 đồng

2- Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường: 0 đồng

VIII. NHỮNG THÔNG TIN BỔ SUNG

1- Giao dịch giữa các bên liên quan:

a) Các bên liên quan

Tên đơn vị	Quan hệ
- Công ty TNHH Một Thành Viên Dầu Khí Thành Phố HCM (SAIGON PETRO)	Cổ đông lớn
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP (PVOIL)	Cổ đông lớn
- Công ty CP Dầu nhờn PVOIL (PVOIL Lube)	Ông Lê Văn Bách (Thành viên HĐQT) làm đại diện pháp luật
- Công ty TNHH Hai thành viên Anh Hòa	Có phần vốn góp của bà Dương Thị Đài Trang (là vợ của ông Lê Tấn Thương, thành viên HĐQT - TGD Công ty)
- Hội đồng quản trị, Tiểu ban Kiểm toán nội bộ, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng	Ban điều hành và các cá nhân có liên quan

b) Trong năm 2024, Công ty phát sinh một số nghiệp vụ với các bên có liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
- Công ty TNHH Một Thành Viên Dầu Khí Thành Phố HCM (SAIGON PETRO)	Bên liên quan	Mua xăng dầu	2.120.467.159.970
		Thanh toán tiền mua xăng dầu	2.120.467.159.970
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP (PVOIL)	Bên liên quan	Mua xăng dầu	2.052.318.300.000
		Thanh toán tiền mua xăng dầu	2.052.318.300.000
- Công ty CP Dầu nhờn PVOIL (PVOIL Lube)	Bên liên quan	Mua hàng dầu nhớt	5.960.790.000
		Thanh toán tiền mua dầu nhớt	5.843.904.000
- Công ty TNHH Hai thành viên Anh Hòa	Bên liên quan	Bán xăng dầu	44.308.159.200
		Thu tiền bán xăng	44.189.727.800

c) Tại ngày 31/12/2024 số dư các khoản công nợ phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

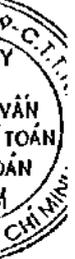
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty CP Dầu nhờn PVOIL (PVOIL Lube)	Bên liên quan	Phải trả người bán	517.286.000	400.400.000
- Công ty TNHH Hai thành viên Anh Hòa	Bên liên quan	Người mua trả tiền trước	396.403.200	514.834.600

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

Trong năm 2024, Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Tiểu ban Kiểm toán nội bộ như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Năm nay
Thành viên của Hội đồng quản trị		
Thù lao		
Ông Lê Văn Nghĩa	Chủ tịch	120.000.000
Ông Lê Văn Bách	Thành viên	90.000.000
Ông Lê Tấn Thương	Thành viên	90.000.000
Ông Lý Vĩnh Hòa	Thành viên	90.000.000
Ông Huỳnh Ngọc Thành	Thành viên	90.000.000
Thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Lương		
Ông Lê Tấn Thương	Tổng Giám đốc	1.372.969.706
Ông Phạm Văn Khoa	Phó Tổng Giám đốc	885.714.932
Ông Nguyễn Chơn Quang	Phó Tổng Giám đốc	811.764.933
Ông Phạm Công Quyền	Giám đốc Tài chính - Kế toán trưởng	863.898.173
Thành viên của Ban kiểm soát		
Thù lao		
Bà Ngô Phương Hạnh	Trưởng ban	68.000.000
Ông Nguyễn Đức Linh	Thành viên	56.000.000
Bà Trần Thị Tố Như	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 19/4/2024)	36.000.000
Ông Bùi Huy Thắng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 19/4/2024)	20.000.000
Thành viên của Tiểu ban Kiểm toán nội bộ		
Thù lao		
Bà Nguyễn Thị Kim Nhiên	Trưởng ban (Bỏ nhiệm ngày 01/7/2024)	15.000.000
Ông Phan Dũng Tiến	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 01/7/2024)	15.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Thiện	Thành viên	24.000.000
Bà Nguyễn Cát Phương Yên	Thành viên	24.000.000



2- Báo cáo bộ phận

- Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý: Toàn lãnh thổ Việt Nam.

- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động chủ yếu của Công ty là kinh doanh xăng dầu nên không trình bày báo cáo bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

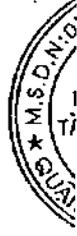
Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TPHCM.

3- Công cụ tài chính

a) Tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị dự phòng		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31/12/2024	Ngày 31/12/2023	Ngày 31/12/2024	Ngày 31/12/2023	Ngày 31/12/2024	Ngày 31/12/2023
Tài sản tài chính						
- Tiền và các khoản tương đương tiền	95.564.510.972	117.348.969.439			95.564.510.972	117.348.969.439
- Phải thu của khách hàng	60.162.608.983	52.603.292.869	(35.551.476.000)	(35.551.476.000)	24.611.132.983	17.051.816.869
- Phải thu ngắn hạn khác	253.415.225	160.119.693			253.415.225	160.119.693
Cộng	155.980.535.180	170.112.382.001	(35.551.476.000)	(35.551.476.000)	120.429.059.180	134.560.906.001
Nợ phải trả tài chính						
- Phải trả người bán	3.047.581.800	2.112.222.440			3.047.581.800	2.112.222.440
- Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	10.517.439.975	13.018.002.185			10.517.439.975	13.018.002.185
Cộng	13.565.021.775	15.130.224.625			13.565.021.775	15.130.224.625

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ phải trả có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TPHCM.

b) Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các nhân tố rủi ro tài chính:

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, giám sát rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

b.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hoá, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán chủ yếu là đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty không có rủi ro lãi suất do các khoản vay theo lãi suất cố định và công ty luôn được các ngân hàng xếp hạng tín dụng tốt nên lãi suất các tổ chức thường áp dụng ở mức lãi suất phù hợp nhất so với thị trường.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

b.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Các khách hàng của Công ty chủ yếu là các Công ty, tổ chức của các tỉnh thành trong khu vực phía Nam, có mối quan hệ truyền thống lâu năm trong lĩnh vực xăng dầu, đồng thời các khách hàng này cũng được xem xét và đánh giá khả năng thanh toán định kỳ nên những rủi ro về phải thu khó đòi từ khách hàng rất ít.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách đưa ra chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình công nợ để đôn đốc thu hồi.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

501172
CÔNG TY
TNHP
VẬT TƯ
XĂNG DẦU
KIỂM TRA
PHÍA KI
LPH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ - XĂNG DẦU (COMECO)

Địa chỉ: Tòa nhà Comeco, 549 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, TP.HCM.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Tại 31/12/2024			
Tiền và các khoản tương đương tiền	95.564.510.972		95.564.510.972
Phải thu khách hàng và phải thu khác	60.416.024.208	1.900.000.000	62.316.024.208
Đầu tư ngắn hạn	12.450.332.850		12.450.332.850
Đầu tư dài hạn		1.114.544.475	1.114.544.475
Tài sản tài chính khác			
Tổng Cộng	168.430.868.030	3.014.544.475	171.445.412.505
Tại 01/01/2024			
Tiền và các khoản tương đương tiền	117.348.969.439		117.348.969.439
Phải thu khách hàng và phải thu khác	52.763.412.562	1.900.000.000	52.763.412.562
Đầu tư ngắn hạn	12.365.447.750		12.365.447.750
Đầu tư dài hạn		731.938.040	731.938.040
Tài sản tài chính khác			
Tổng Cộng	182.477.829.751	2.631.938.040	183.209.767.791

IX. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU BÁO CÁO KỲ TRƯỚC

Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu số kỳ trước đã điều chỉnh lại do trích quỹ Khen thưởng, Phúc lợi ... năm 2023 đã được trích vào năm 2024 căn cứ vào Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 19 tháng 04 năm 2024 về việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2023. Do đó chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được điều chỉnh và trình bày lại như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Năm trước		
		Số liệu trình bày trước đây	Ảnh hưởng của việc trình bày lại	Số liệu đã được trình bày lại
Báo cáo kết quả hoạt động kinh Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.440	(588)	1.852

X. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Số liệu so sánh

Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính năm 2024 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam.

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 20 tháng 02 năm 2025

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Trần Văn Thương

(Signature)

Nguyễn Công Nam

(Signature)

Nguyễn Hữu Hoàng

**HỆ THỐNG CHI NHÁNH XĂNG DẦU COMECO
(CỬA HÀNG XĂNG DẦU)**

CN XD	ĐỊA ĐIỂM	ĐIỆN THOẠI	TG BẮT ĐẦU HOẠT ĐỘNG
Số 1	Góc Lý Thái Tổ - Lê Hồng Phong, P.1, Q.10, TP.HCM	38 359 704	*
Số 3	178/9M Điện Biên Phủ, P.19, Q. Bình Thạnh, TP.HCM	38 994 332	*
Số 4	46 Lê Quang Sung, P.2, Q.6, TP.HCM	39 693 884	*
Số 6	710 Hồng Bàng, P.1, Q.11, TP.HCM	39 691 767	*
Số 7	49 Trường Chinh, P.12, Q.Tân Bình, TP.HCM	38 490 097	*
Số 8	917 Đường 3/2, P.7, Q.11, TP.HCM	38 550 466	*
Số 9	79 Lý Thường Kiệt, P. 8, Q.Tân Bình, TP.HCM	38 645 289	*
Số 11	292 Đinh Bộ Lĩnh, P.26, Q.Bình Thạnh, TP.HCM	35 114 907	18/04/2003
Số 12	28 Kinh Dương Vương, P.13, Q.6, TP.HCM	38 756 890	*
Số 14	450 Kinh Dương Vương, P.An Lạc A, Q.Bình Tân, TP.HCM	38 750 029	*
Số 15	526 Kinh Dương Vương, P.An Lạc A, Q.Bình Tân, TP.HCM	38 750 038	*
Số 16	442 Cách Mạng Tháng 8, P.11, Q.3, TP.HCM	39 316 365	*
Số 17	70 Bạch Đằng, P.14, Q.Bình Thạnh, TP.HCM	38 990 983	*
Số 20	667A, Đỗ Mười, KP 3, P.Linh Xuân, Tp.Thủ Đức, TP.HCM	37 240 479	21/08/1993
Số 22	315 Phan Huy Ích, P.14, Q.Gò Vấp, TP.HCM	39 873 006	16/08/2001
Số 24	Ấp 5 Xã Đức Hòa Đông, H. Đức Hòa, Tỉnh Long An	0272 3779 913	18/02/2003
Số 25	26 Hồ Học Lãm, P.16, Q.8, TP.HCM	37 523 952	10/09/2004
Số 26	17/3 Huỳnh Tấn Phát, Xã Phú Xuân, H.Nhà Bè, TP.HCM	37 828 493	16/03/2004
Số 27	949 Dương Công Khi, Ấp Nhị Tân 1, Xã Tân Thới Nhì, H.Hóc Môn, TP.HCM	37 132 961	06/11/2004
Số 29	318 Hương lộ 80, P.Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, TP.HCM	37 655 868	27/04/2011
Số 30	22 Hương lộ 2, Xã Phước Vĩnh An, H.Củ Chi, TP.HCM	37 905 836	08/06/2004
Số 33	836 QL 1A, Ấp Ngũ Phúc, Xã Hố Nai 3, H.Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai	0251 2660 919	25/06/2010
Số 35	Km 152, QL 20, KP 1, TT Madagui, H.Đạ Huoai, Tỉnh Lâm Đồng	0263 3946 239	12/11/2011
Số 36	164A, Đường tỉnh 887, Ấp Mỹ A, Xã Mỹ Thạnh An, Tp Bến Tre, Tỉnh Bến Tre	0275 3545 494	07/12/2011
Số 37	Thửa số 646 Quốc lộ 60, Ấp Tân Long 2, Xã Tân Thành Bình, H.Mỏ Cày Bắc, Tỉnh Bến Tre	0275 3670 909	07/01/2012
Số 38	Ấp Vĩnh Phước, Xã Phước Lý, H.Cần Giuộc, Tỉnh Long An	0272 3892 959	16/09/2011
Số 39	Quốc lộ 1A, Ấp Voi Lá, Xã Long Hiệp, H.Bến Lức, Tỉnh Long An	0272 3644 674	25/04/2012
Số 40	348A Thạch Lam, P.Phú Thạnh, Q.Tân Phú, TP.HCM	39 761 217	04/12/2012
Số 44	Góc đường số 1 và Đường tỉnh 818, KCN Hòa Bình, Xã Nhị Thành H.Thủ Thừa, Tỉnh Long An	0272 365 5544	07/09/2019
Số 45	Đường số 2, KCN Thuận Đạo, Thị Trấn Bến Lức H. Bến Lức, Tỉnh Long An	0272 363 5565	06/07/2019
Số 46	344A đường Tân Hòa Đông, KP12, P.Bình Trị Đông Q. Bình Tân, Tp.HCM	36 364 846	13/10/2022
Số 47	333A đường Lê Trọng Tấn, P. Sơn Kỳ Q.Tân Phú, TP.HCM	36 366 947	17/06/2023
Số 48	313 Quốc lộ 1, ấp 5, xã Phú An, Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang	0273 3950579	05/04/2024

TỔNG CỘNG: 33 CHI NHÁNH XĂNG DẦU COMECO

Ghi chú :

- (*) : 12 CNXD được tiếp quản sau ngày Giải phóng Miền Nam 30/4/1975.

